

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN**  
**KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN**



**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**TÊN ĐỀ TÀI: HOÀN THIỆN QUY TRÌNH  
KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH  
TẠI CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC**

**Sinh viên thực hiện: Võ Châu Ý Nhi**  
**Lớp: Kế toán 41C**  
**GVHD: Th.S Lê Thị Thanh Nhật**

**Bình Định, tháng 6 năm 2022**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan bài Khóa luận tốt nghiệp: “ **Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục Tài sản cố định tại Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC** ” là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu trong bài khóa luận tốt nghiệp được sử dụng trung thực, chính xác.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời cam đoan này.

*Bình Định, ngày 03 tháng 06 năm 2022*

**Người cam đoan**

**Võ Châu Ý Nhi**

## NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN

Họ tên sinh viên thực hiện: **Võ Châu Ý Nhi**

Lớp: Kế toán 41C                      Khóa: 41

Tên đề tài: **Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục Tài sản cố định tại Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.**

### I. Nội dung nhận xét:

1. Tình hình thực hiện: .....

2. Nội dung của đề tài:

- Cơ sở lý thuyết: .....

- Cơ sở số liệu: .....

- Phương pháp giải quyết các vấn đề: .....

3. Hình thức của đề tài:

- Hình thức trình bày: .....

- Kết cấu của đề tài: .....

4. Những nhận xét khác :

.....  
.....

### II. Đánh giá cho điểm:

- Tiến trình làm đề tài: .....

- Nội dung đề tài: .....

- Hình thức đề tài: .....

**Tổng cộng:** .....

*Bình Định, ngày 03 tháng 06 năm 2022.*

**Giảng viên hướng dẫn**

**Lê Thị Thanh Nhật**

## **NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN VẤN ĐÁP/PHẢN BIỆN**

Họ tên sinh viên thực hiện: **Võ Châu Ý Nhi**

Lớp: Kế toán 41C                      Khóa: 41

Tên đề tài: **Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục Tài sản cố định tại Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.**

### **I. Nội dung nhận xét:**

#### **1. Nội dung của đề tài:**

- Cơ sở lý thuyết: .....
- Cơ sở số liệu: .....
- Phương pháp giải quyết các vấn đề: .....

#### **2. Hình thức của đề tài:**

- Hình thức trình bày: .....
- Kết cấu của đề tài:.....

#### **3. Những nhận xét khác:**

.....  
.....

### **II. Đánh giá cho điểm:**

- Nội dung đề tài: .....
- Hình thức đề tài: .....
- Tổng cộng:** .....

*Bình Định, ngày 03 tháng 06 năm 2022*

**Giảng viên phản biện**

**Phạm Nguyễn Đình Tuấn**

## MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT .....	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG SỬ DỤNG .....	v
DANH MỤC SƠ ĐỒ SỬ DỤNG .....	vi
LỜI MỞ ĐẦU .....	1
<b>CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH.....</b>	<b>3</b>
<b>1.1. Một số nội dung liên quan đến kiểm toán khoản mục Tài sản cố định .....</b>	<b>3</b>
<i>1.1.1. Khái niệm, đặc điểm về Tài sản cố định .....</i>	<i>3</i>
<i>1.1.1.1. Khái niệm tài sản cố định .....</i>	<i>3</i>
<i>1.1.1.2. Đặc điểm tài sản cố định .....</i>	<i>5</i>
<i>1.1.2. Cơ sở dẫn liệu và mục tiêu kiểm toán.....</i>	<i>7</i>
<b>1.2. Kiểm soát nội bộ đối với khoản mục Tài sản cố định.....</b>	<b>8</b>
<i>1.2.1. Mục tiêu kiểm soát nội bộ đối với khoản mục Tài sản cố định.....</i>	<i>9</i>
<i>1.2.2. Các nguyên tắc kiểm soát nội bộ khoản mục Tài sản cố định .....</i>	<i>9</i>
<b>1.3. Quy trình kiểm toán khoản mục Tài sản cố định trong kiểm toán báo cáo tài chính .....</b>	<b>10</b>
<i>1.3.1. Chuẩn bị kiểm toán .....</i>	<i>11</i>
<i>1.3.1.1. Thu thập thông tin khách hàng .....</i>	<i>11</i>
<i>1.3.1.2. Tìm hiểu HTKSNB .....</i>	<i>11</i>
<i>1.3.1.3. Thủ tục đánh giá rủi ro .....</i>	<i>12</i>
<i>1.3.1.4. Xác lập mức trọng yếu .....</i>	<i>13</i>
<i>1.3.2. Thực hiện kiểm toán.....</i>	<i>13</i>
<i>1.3.2.1. Thử nghiệm kiểm soát .....</i>	<i>13</i>
<i>1.3.2.2. Thử nghiệm cơ bản .....</i>	<i>13</i>
<i>1.3.3. Kết thúc kiểm toán.....</i>	<i>17</i>
<i>1.3.3.1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ.....</i>	<i>17</i>
<i>1.3.3.2. Đánh giá kết quả kiểm toán .....</i>	<i>17</i>
<i>1.3.3.3. Phát hành báo cáo kiểm toán và thư quản lý .....</i>	<i>17</i>
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC.....</b>	<b>18</b>
<b>2.1. Khái quát về công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.....</b>	<b>18</b>
<i>2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của AASC .....</i>	<i>18</i>
<i>2.1.1.1. Tên, địa chỉ Công ty.....</i>	<i>18</i>
<i>2.1.1.2. Thời điểm thành lập, các cột mốc quan trọng .....</i>	<i>18</i>
<i>2.1.1.3. Quy mô hiện tại của Công ty .....</i>	<i>21</i>
<i>2.1.2. Mục tiêu và phương châm hoạt động của AASC.....</i>	<i>21</i>
<i>2.1.2.1. Mục tiêu hoạt động .....</i>	<i>21</i>
<i>2.1.2.2. Phương châm hoạt động.....</i>	<i>22</i>

<b>2.1.3. Lĩnh vực hoạt động của AASC</b> .....	22
2.1.3.1. Lĩnh vực hoạt động của Công ty .....	22
2.1.3.2. Các khách hàng của Công ty .....	22
2.1.3.3. Kết quả hoạt động kinh doanh .....	23
<b>2.1.4. Quy trình kiểm toán của Công ty</b> .....	23
2.1.4.1. Chuẩn bị kiểm toán .....	23
2.1.4.2. Thực hiện kiểm toán .....	23
2.1.4.3. Kết thúc kiểm toán .....	24
<b>2.1.5. Đặc điểm tổ chức quản lý của AASC</b> .....	25
<b>2.2. Thực trạng quy trình kiểm toán khoản mục Tài sản cố định tại Công ty Cổ phần ABC do Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện</b> .....	26
<b>2.2.1. Giai đoạn chuẩn bị kiểm toán</b> .....	26
2.2.1.1. Tiền kế hoạch .....	26
2.2.1.2. Lập kế hoạch .....	31
<b>2.2.2. Giai đoạn thực hiện kiểm toán</b> .....	31
2.2.2.1. Thực hiện thủ tục chung .....	32
2.2.2.2. Thiết kế và thực hiện các thử nghiệm kiểm soát .....	32
2.2.2.3. Thử nghiệm cơ bản .....	32
<b>2.2.3. Kết thúc kiểm toán</b> .....	43
2.2.3.1. Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán .....	43
2.2.3.2. Tổng hợp bút toán điều chỉnh .....	43
2.2.3.3. Phát hành báo cáo kiểm toán và thư quản lý .....	43
2.2.3.4. Tổ chức lưu hồ sơ .....	44
<b>2.3. Nhận xét quy trình kiểm toán khoản mục Tài sản cố định tại Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC</b> .....	44
<b>2.3.1. Ưu điểm</b> .....	44
2.3.1.1. Giai đoạn chuẩn bị kiểm toán .....	44
2.3.1.2. Giai đoạn thực hiện kiểm toán .....	45
2.3.1.3. Giai đoạn kết thúc kiểm toán .....	46
<b>2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân</b> .....	46
2.3.2.1. Giai đoạn chuẩn bị kiểm toán .....	46
2.3.2.2. Giai đoạn thực hiện kiểm toán .....	47
<b>CHƯƠNG 3: PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC</b> .....	<b>50</b>
<b>3.1. Các định hướng phát triển của Công ty</b> .....	<b>50</b>
<b>3.2. Phương hướng hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục Tài sản cố định tại Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC</b> .....	<b>51</b>
<b>3.2.1. Giai đoạn Lập kế hoạch kiểm toán</b> .....	<b>51</b>
3.2.1.1. Về việc mở rộng tìm hiểu thông tin khách hàng .....	51
3.2.1.2. Về việc tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ .....	51

---

<b>3.2.2. Giai đoạn Thực hiện kiểm toán .....</b>	<b>57</b>
3.2.2.1. Về việc vận dụng thủ tục phân tích.....	57
3.2.2.2. Về kiểm tra chi tiết.....	59
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>60</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>61</b>
<b>PHỤ LỤC</b>	

**DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT**

<b>Viết tắt</b>	<b>Tên đầy đủ</b>
BCTC	Báo cáo tài chính
BGD	Ban giám đốc
BQT	Ban quản trị
BTC	Bộ Tài chính
DN	Doanh nghiệp
HĐ GTGT	Hóa đơn giá trị gia tăng
HĐQT	Hội đồng quản trị
HĐTV	Hội đồng thành viên
HMLK	Hao mòn lũy kế
HTKSNB	Hệ thống kiểm soát nội bộ
KSNB	Kiểm soát nội bộ
KTV	Kiểm toán viên
MTY	Mức trọng yếu
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ	Tài sản cố định
TSCĐHH	Tài sản cố định hữu hình
TSCĐVH	Tài sản cố định vô hình
XDCB	Xây dựng cơ bản
XDCB DD	Xây dựng cơ bản dở dang



---

---

## **DANH MỤC CÁC BẢNG SỬ DỤNG**

Bảng 1.1: Mục tiêu kiểm toán tài sản cố định .....	8
Bảng 1.2: Các thủ tục kiểm toán và mục tiêu kiểm toán tương ứng.....	14
Bảng 2.1: Kết quả hoạt động kinh doanh của AASC 3 năm gần nhất .....	23
Bảng 2.2: Trích giấy làm việc của KTV về tìm hiểu Khách hàng .....	27
Bảng 2.3: Tổng hợp các công việc thực hiện kiểm toán .....	31
Bảng 3.1: Bảng câu hỏi bổ sung đánh giá kiểm soát nội bộ về Tài sản cố định .....	52
Bảng 3.1: Phân tích hệ số tài trợ Tài sản cố định .....	58
Bảng 3.2: Phân tích hệ số sức sinh lợi của Tài sản cố định .....	58

---

---

## **DANH MỤC SƠ ĐỒ SỬ DỤNG**

Sơ đồ 1.1: Quy trình tổ chức chứng từ TSCĐ.....	10
Sơ đồ 2.1: Các dịch vụ chính của công ty .....	22
Sơ đồ 2.2: Hệ thống tổ chức quản lý của AASC.....	25

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong hoàn cảnh hội nhập kinh tế mạnh mẽ như hiện nay, hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các doanh nghiệp trở thành mối quan tâm hàng đầu của các nhà đầu tư, chính phủ, người lao động,... và chính bản thân chủ doanh nghiệp. Mỗi đối tượng quan tâm đến một khía cạnh khác nhau trên BCTC của doanh nghiệp, tuy nhiên đều cần thông tin trung thực, khách quan để ra quyết định. Đây chính là lý do ngành kiểm toán ngày càng có cơ hội để phát triển, giúp minh bạch hoá thông tin, nâng cao hiệu quả, hiệu năng hoạt động của các doanh nghiệp. Chất lượng kiểm toán trở thành vấn đề hàng đầu mà các công ty kiểm toán phải quan tâm, quyết định sự phát triển và danh tiếng so với các đối thủ cạnh tranh.

Với sự phát triển của khoa học công nghệ hiện nay, tài sản cố định ngày càng trở thành bộ phận quan trọng không thể thiếu để duy trì sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản của doanh nghiệp. Các nghiệp vụ về tài sản cố định, tuy ít phát sinh hơn các nghiệp vụ kinh doanh thông thường khác nhưng có giá trị lớn, do vậy ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC. Đặc biệt với các doanh nghiệp trong giai đoạn xây dựng cơ bản dở dang, khoản mục này càng trở nên đặc biệt phức tạp, chứa đựng nhiều rủi ro. Nhận thức được tầm quan trọng của khoản mục tài sản cố định, em đã chọn đề tài: ***“Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục Tài sản cố định tại Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC”*** làm đề tài nghiên cứu cho bài Khóa luận tốt nghiệp của mình.

### 2. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu tổng quát của đề tài là tìm hiểu quy trình kiểm toán chung tại Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC, từ đó đi sâu tìm hiểu quá trình kiểm toán khoản mục Tài sản cố định đối với Công ty khách hàng ABC. Qua đó đưa ra đánh giá những mặt ưu điểm cũng như những hạn chế còn tồn tại trong quy trình kiểm toán khoản mục Tài sản cố định tại Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC, từ đó đề xuất những giải pháp hoàn thiện quy trình này.

### 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu quy trình kiểm toán khoản mục Tài sản cố định tại Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Thời gian: Từ ngày 27/12/2021 đến ngày 5/4/2022.

Số liệu thực hiện kiểm toán là số liệu của Công ty Cổ phần ABC năm 2020 và 2021.

#### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Thu thập tài liệu tại Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Tham khảo chương trình kiểm toán tại Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kết hợp với đọc Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam liên quan đến khoản mục Tài sản cố định và một số tài liệu khác.

Phỏng vấn Ban giám đốc, Kiểm toán viên và Bộ phận liên quan.

Xem xét hồ sơ kiểm toán năm trước của Công ty Cổ phần ABC.

Tham gia kiểm toán Công ty Cổ phần ABC.

#### **5. Kết cấu của đề tài**

Nội dung chính của Chuyên đề bao gồm ba chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về quy trình kiểm toán khoản mục Tài sản cố định.

Chương 2: Thực trạng quy trình kiểm toán khoản mục Tài sản cố định tại Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Chương 3: Phương hướng hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục Tài sản cố định tại Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

# **CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

## **1.1. Một số nội dung liên quan đến kiểm toán khoản mục Tài sản cố định**

Để tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, DN cần phải có các yếu tố: tư liệu lao động, đối tượng lao động, sức lao động. Trong đó, TSCĐ là một loại tư liệu lao động. TSCĐ là những tài sản có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài, tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh. Khoản mục TSCĐ là một khoản mục chiếm tỷ trọng đáng kể trên bảng cân đối kế toán.

TSCĐ có đặc điểm tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh. Khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh, TSCĐ bị hao mòn dần và giá trị của nó được chuyển dịch từng phần vào chi phí sản xuất kinh doanh. Nếu hao mòn hữu hình là sự giảm dần về mặt giá trị và giá trị sử dụng do tham gia vào quá trình sản xuất hoặc do tác động của tự nhiên, thì hao mòn vô hình là sự giảm dần thuần túy về mặt giá trị do có những TSCĐ cùng loại nhưng được sản xuất với giá rẻ hơn, hiện đại hơn...

### **1.1.1. Khái niệm, đặc điểm về Tài sản cố định**

#### **1.1.1.1. Khái niệm tài sản cố định**

##### **a. Định nghĩa**

Theo thông tư số 200/2014/TT-BTC Tài sản cố định được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại phần B, Tài sản dài hạn, chủ yếu bao gồm: tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản cố định thuê tài chính.

Trong đó khoản mục “Tài sản cố định” (mã số 220) phản ánh toàn bộ giá trị còn lại (Nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế) của các loại tài sản cố định tại thời điểm báo cáo. Mã số 220 = Mã số 221 + Mã số 224 + Mã số 227, trong đó, mã số 221 là “Tài sản cố định hữu hình”; mã số 224 là “Tài sản cố định thuê tài chính”; mã số 227 là “Tài sản cố định vô hình”. Riêng khoản mục “Giá trị hao mòn lũy kế” cụ thể mã số 223 là “Hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình, mã số 226 là “Hao mòn lũy kế tài sản cố định vô hình, mã số 229 là “Hao mòn lũy kế tài sản cố định thuê tài chính được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

\* *Tài sản cố định hữu hình*: Là những tư liệu lao động có hình thái vật chất, có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài, tham gia vào nhiều chu kỳ kinh doanh nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu. TSCĐ thường được phân thành các chi tiết như: Nhà xưởng, vật kiến trúc; máy móc thiết bị; phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn; thiết bị, dụng cụ quản lý; cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm,...

Tài khoản sử dụng: TK 211 “Tài sản cố định hữu hình” có 6 cấp tài khoản cấp 2 gồm:

- TK 2111 “Nhà cửa, vật kiến trúc”
- TK 2112 “Máy móc, thiết bị”
- TK 2113 “Phương tiện vận tải, truyền tải”
- TK 2114 “Thiết bị, dụng cụ quản lý”
- TK 2115 “Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm”
- TK 2118 “ Tài sản cố định khác”

\* Tài sản cố định vô hình: Là những tài sản không có hình thái vật chất, thể hiện một lượng giá trị đã được đầu tư có liên quan trực tiếp đến nhiều chu kỳ kinh doanh của đơn vị. Tài sản cố định vô hình bao gồm các loại như: Quyền sử dụng đất có thời hạn; nhãn hiệu hàng hóa; quyền phát hành; phần mềm máy vi tính; giấy phép và giấy phép nhượng; bản quyền, bằng sáng chế; công thức và cách thức pha chế, kiểu mẫu, thiết kế và vật mẫu; tài sản vô hình đang trong giai đoạn triển khai,...

Tương tự tài sản cố định hữu hình, TK 213 “Tài sản cố định vô hình” cũng 6 cấp tài khoản cấp 2 gồm:

- TK 2131 “Quyền sử dụng đất”.
- TK 2132 “Quyền phát hành”.
- TK 2133 “Bản quyền và bằng sáng chế”.
- TK 2134 “Nhãn hiệu tên thương mại”.
- TK 2135 “Chương trình phần mềm”.
- TK 2136 “Giấy phép và giấy phép nhượng quyền”.
- TK 2138 “Tài sản cố định vô hình khác”.

\* Tài sản cố định thuê tài chính: Là những tài sản cố định đã được bên cho thuê chuyển giao phần lớn lợi ích và rủi ro gắn với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê; quyền sở hữu tài sản có thể được chuyển giao vào cuối thời hạn thuê. Như vậy, dù chưa thuộc quyền sở hữu của bên thuê, nhưng do đặc điểm trên, tài sản thuê tài chính vẫn được ghi nhận là tài sản của bên thuê.

Tài khoản sử dụng: TK 212 “Tài sản cố định thuê tài chính” gồm có 2 tài khoản cấp 2, cụ thể:

- TK 2121 “Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính”.
- TK 2122 “Tài sản cố định vô hình thuê tài chính”.

#### b. Nguyên tắc ghi nhận

Việc ghi nhận đối với TSCĐHH phải đáp ứng những điều kiện sau:

+ Nguyên giá TSCĐ được xác định cụ thể và giá trị của tài sản bắt buộc từ 30.000.000 đồng trở lên với nguyên giá là toàn bộ chi phí DN chi ra để có thể sở hữu TSCĐ đang trong tình trạng sẵn sàng có thể sử dụng. Nguyên giá đó được hiểu theo công thức sau:

$$\text{Nguyên giá} = \text{Giá mua thực tế} - \text{Giảm giá, chiết khấu} + \text{Các khoản thuế (Không hoàn lại)} + \text{Các chi phí liên quan trực tiếp}$$

Những chi phí liên quan trực tiếp ở đây là toàn bộ chi phí trực tiếp liên quan đến toàn bộ giai đoạn đưa TSCĐ đó vào tình trạng sẵn sàng để sử dụng, các chi phí này bao gồm: chi phí vận chuyển, chi phí lắp đặt, vận hành thử và các chi phí trực tiếp khác trừ đi thu nhập do thu hồi phế liệu trong giai đoạn chạy thử.

+ Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản phải từ 1 năm trở lên;

+ TSCĐ đó phải mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, khi xét đến điều kiện ghi nhận TSCĐVH, ta thấy điểm khác biệt giữa TSCĐVH và TSCĐHH ở hình thái biểu hiện hữu hữu, ta nên suy ra điều kiện ghi nhận hai loại TSCĐ này là như nhau nhưng hình thái biểu hiện là khác nhau.

Đối với chi phí phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động hay trong giai đoạn tiến hành hoạt động thì để được ghi nhận TSCĐVH thì phải đáp ứng các yếu tố sau:

+ Tài sản đó phải được bảo đảm tính khả thi kỹ thuật để có thể hoàn thành và đưa tài sản vô hình vào sử dụng hoặc để bán;

+ TSCĐVH phải mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai và DN phải xác định chính xác toàn bộ chi phí tạo ra tài sản vô hình đó trong toàn bộ giai đoạn triển khai;

+ Thời gian sử dụng hữu ích và giá trị tài sản phải thỏa mãn các quy định theo thông tư, chuẩn mực và chế độ hiện hành.

#### **1.1.1.2. Đặc điểm tài sản cố định**

Tài sản cố định là một khoản mục có giá trị lớn và thường chiếm tỷ trọng đáng kể so với tổng tài sản của DN và thường đi kèm cùng những đặc điểm sau đây:

- *Thứ nhất*, tài sản cố định tham gia trực tiếp, gián tiếp vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh khác nhau nhưng không thay đổi hình thái vật chất lúc ban đầu cho đến khi bị hư hỏng.

- *Thứ hai*, khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh, tài sản cố định bị hao mòn dần và giá trị của chúng được chuyển dịch từng phần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

- Thứ ba, vốn đầu tư vào tài sản cố định thường lớn trong khi thời gian thu hồi vốn khá dài.

a. Phân loại Tài sản cố định:

Để đáp ứng yêu cầu quản lý của DN, tài sản cố định thường được phân loại theo nhiều hình thức khác nhau sau đây:

- Phân loại theo hình thái vật chất, tài sản cố định được chia thành tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình:

+ Tài sản cố định hữu hình thường được phân chia thành các chi tiết như: Nhà xưởng, vật kiến trúc – Máy móc, thiết bị - Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn – Thiết bị, dụng cụ quản lý – Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm,...

+ Tương tự tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình cũng được phân tách thành: Quyền sử dụng đất có thời hạn – Nhãn hiệu, tên thương mại – Quyền phát hành – Chương trình phần mềm – Giấy phép và giấy phép nhượng – Bản quyền, bằng sáng chế - Công thức và cách thức pha chế, kiểu mẫu, thiết kế và vật mẫu – tài sản cố định vô hình đang trong giai đoạn triển khai...

- Phân loại theo quyền sở hữu, tài sản cố định của DN được chia thành:

+ Tài sản cố định tự có: Là những tài sản được xây dựng, mua sắm, hình thành từ nguồn vốn ngân sách cấp hoặc cấp trên cấp, bằng vốn vay, nguồn vốn liên doanh, các quỹ của DN và các tài sản cố định được quyền tặng, viện trợ không hoàn lại.

+ Tài sản cố định thuê ngoài: là những tài sản cố định của DN được hình thành do đi thuê ngoài, gồm có tài sản cố định thuê tài chính và tài sản cố định thuê hoạt động.

- Phân loại theo nguồn hình thành, tài sản cố định được chia thành:

+ Tài sản cố định hình thành từ nguồn vốn ngân sách nhà nước (nếu là DN nhà nước);

+ Tài sản cố định hình thành từ nguồn vốn vay;

+ Tài sản cố định hình thành từ nguồn vốn tự bổ sung;

+ Tài sản cố định nhận vốn góp liên doanh bằng hiện vật.

- Phân loại theo công dụng và tình hình sử dụng, tài sản cố định được chia thành:

+ Tài sản cố định dùng trong sản xuất kinh doanh;

+ Tài sản cố định dùng cho đơn vị hành chính sự nghiệp;

+ Tài sản cố định dùng cho phúc lợi, an ninh, quốc phòng, dự trữ;

+ Tài sản cố định không cần dùng chờ thanh lý, giải quyết.

b. Một số sai phạm thường gặp:



- Kiểm kê: Không thực hiện kiểm kê cuối kỳ.
- Biên bản kiểm kê và phân loại tài sản trên sổ kế toán không đối chiếu được với nhau.
- Không có danh mục, sổ, thẻ theo dõi TSCĐ.
- Không theo dõi các tài sản đem đi cầm cố, thế chấp.
- TSCĐ chưa thực hiện đầy đủ việc thực hiện chuyển quyền sở hữu cho Công ty.
- Ghi nhận tài sản không đúng ngày trên biên bản bàn giao.
- Hạch toán tăng tài sản cố định khi chưa có đầy đủ hóa đơn, chứng từ.
- Hạch toán thiếu nguyên giá TSCĐ: Ví dụ vốn hóa chi phí lãi vay, chi phí lắp đặt, chạy thử, chi phí sửa chữa... trước khi đưa vào sử dụng...
- Phân loại, phân nhóm tài sản không chính xác.
- Hạch toán giảm tài sản cố định khi chưa có quyết định thanh lý.
- Áp dụng phương pháp khấu hao không phù hợp.
- Phân bổ khấu hao cho các bộ phận chưa chính xác.
- Với tài khoản xây dựng cơ bản dở dang: Không theo dõi chi tiết, không đủ hóa đơn, chứng từ, đã hoàn thành, đưa vào sử dụng nhưng vẫn ghi trên tài khoản xây dựng cơ bản dở dang và không trích khấu hao.

### **1.1.2. Cơ sở dẫn liệu và mục tiêu kiểm toán**

Ở lĩnh vực kiểm toán BCTC, trước khi thực hiện kiểm toán, KTV cần xác định các CSDL có liên quan để từ đó xác định các mục tiêu kiểm toán, phục vụ cho việc lập kế hoạch kiểm toán và thực hiện cuộc kiểm toán.

Theo VSA số 315 đưa ra định nghĩa như sau: “CSDL là các khẳng định của BGĐ đơn vị được kiểm toán một cách trực tiếp hoặc dưới hình thức khác về các khoản mục và thông tin trình bày trong BCTC và được KTV sử dụng để xem xét các loại sai sót có thể xảy ra”.

Đối với khoản mục TSCĐ các CSDL được KTV sử dụng để xem xét các loại sai sót tiềm tàng có thể xảy ra bao gồm:

- Tính hiện hữu;
- Tính đầy đủ
- Đánh giá và phân bổ
- Quyền và nghĩa vụ.
- Trình bày và thuyết minh.

Việc xác định mục tiêu kiểm toán TSCĐ không những phải phù hợp với mục đích chính của kiểm toán BCTC là xác nhận mức độ tin cậy của BCTC được kiểm toán mà còn là kim chỉ nam để KTV xây dựng các thủ tục kiểm toán phù hợp nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp từ đó đưa ra lời xác nhận về mức độ tin cậy của

các thông tin tài chính liên quan đến khoản mục này. Do đó quy trình kiểm toán khoản mục TSCĐ cũng như xây dựng mục tiêu kiểm toán khoản mục này là hết sức quan trọng.

**Bảng 1.1: Mục tiêu kiểm toán tài sản cố định**

<b>Mục tiêu</b>	<b>Mục tiêu kiểm toán</b>
Hiện hữu	TSCĐ mà đơn vị khai báo trên BCTC thực sự tồn tại, có thật trong thực tế. Các nghiệp vụ tăng, giảm, khấu hao TSCĐ trong năm đều có thật
Đầy đủ	TSCĐ được mua thêm hoặc bị thanh lý trong năm đã được ghi nhận hạch toán đầy đủ vào sổ sách của DN. TSCĐ thuộc quyền sở hữu/ kiểm soát của DN được ghi chép đầy đủ.
Đánh giá và phân bổ	Nguyên giá TSCĐ, giá trị còn lại được đánh giá đúng theo nguyên tắc kế toán. Khấu hao TSCĐ được tính theo đúng, nhất quán giữa các kỳ và phân bổ hợp lý vào các chi phí trong kỳ, và phải phù hợp với quy định hiện hành.
Quyền và nghĩa vụ	DN có quyền sở hữu đối với TSCĐ, được mua và được ghi nhận vào thời điểm cuối năm tài chính.
Trình bày và thuyết minh	TSCĐ được trình bày và thuyết minh là có thật, thuộc về đơn vị, đầy đủ, phân loại đúng và diễn đạt dễ hiểu cũng như được trình bày hợp lý, theo giá trị phù hợp.

Đối với khoản mục TSCĐ mục tiêu chính của kiểm toán là nhằm xác định tính có thật và quyền sở hữu TSCĐ của đơn vị. Sở dĩ, TSCĐ luôn là khoản mục chứa đựng giá trị tài sản rất lớn của DN, là cơ sở phản ánh trang thiết bị, vật chất của DN nên các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến khoản mục này thường chiếm giá trị tương đối lớn, với tần suất tương đối thường xuyên. Do đó 2 mục tiêu hiện hữu và quyền luôn phải được đảm bảo hàng đầu trong suốt quá trình kiểm toán.

## **1.2. Kiểm soát nội bộ đối với khoản mục Tài sản cố định**

Mục tiêu chủ yếu của KSNB đối với TSCĐ là nhằm nâng cao nhất hiệu quả sử dụng vốn đầu tư đối với TSCĐ trên cơ sở đầu tư không lãng phí, đúng mục đích cùng với đó là sự quản lý và sử dụng hiệu quả các TSCĐ .

**1.2.1. Mục tiêu kiểm soát nội bộ đối với khoản mục Tài sản cố định**

Tài sản cố định là những tài sản có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài. Với những loại tài sản này, cần có chế độ bảo quản và quản lý riêng nhằm sử dụng có hiệu quả, đồng thời có kế hoạch đổi mới khi tài sản hết giá trị sử dụng.

Từ đó, cần xác định rõ mục tiêu KSNB đối với khoản mục TSCĐ.

Một cách tổng quát, việc kiểm soát tốt TSCĐHH sẽ giúp đơn vị đạt được cả ba mục tiêu chung như Báo cáo COSO (2013) đã đề ra, đó là:

- Sự hữu hiệu và hiệu quả trong hoạt động;
- Báo cáo đáng tin cậy;
- Tuân thủ pháp luật và các quy định.

Cụ thể là:

- *Sự hữu hiệu và hiệu quả trong hoạt động*: là việc đầu tư mua sắm, sử dụng, quản lý TSCĐHH giúp DN đảm bảo kế hoạch sản xuất, ổn định giá thành, giao hàng đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng hàng hóa, dịch vụ cung cấp, giúp đơn vị đạt được mục tiêu kinh doanh và tốc độ tăng trưởng.

- *Báo cáo đáng tin cậy*: là những khoản mục trên BCTC liên quan đến việc đầu tư, mua sắm, sử dụng, sửa chữa, bảo trì, thanh lý TSCĐHH được trình bày một cách trung thực và hợp lý như nguyên giá TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ, chi phí khấu hao, lợi nhuận.

- *Sự tuân thủ pháp luật và quy định*: việc mua sắm TSCĐHH phải tuân thủ các quy định của luật pháp (như quy định về hợp đồng kinh tế, đấu thầu, thanh toán bằng ngoại tệ,...) cũng như quy định của chính đơn vị, thí dụ như việc đề xuất mua tài sản, ký kết hợp đồng mua tài sản, quản lý tài sản...

Ba mục tiêu kiểm soát trên luôn luôn có mối quan hệ hỗ trợ tương quan, mục tiêu này đạt tốt sẽ hỗ trợ hai mục tiêu còn lại. Trong đó, mối quan tâm hàng đầu của nhà quản lý là hướng vào mục tiêu sự hữu hiệu và hiệu quả của việc mua sắm và sử dụng tài sản.

**1.2.2. Các nguyên tắc kiểm soát nội bộ khoản mục Tài sản cố định**

Để quản lý tốt TSCĐ, mỗi đơn vị đều xây dựng các quy định, các nguyên tắc và thủ tục về việc bảo quản TSCĐ. Mọi bộ phận của đơn vị phải tôn trọng và thực hiện nghiêm túc các quy định đó. Một số định hướng cơ bản cho các quy định đó gồm:

*Thứ nhất*, về phân công phân nhiệm, cần có sự tách biệt giữa công tác bảo quản, trông coi với công việc ghi chép các nghiệp vụ. Theo đó, người quản lý TSCĐ không được đồng thời là kế toán TSCĐ. Nếu không tách rời hai loại nghiệp vụ này sẽ dễ dàng

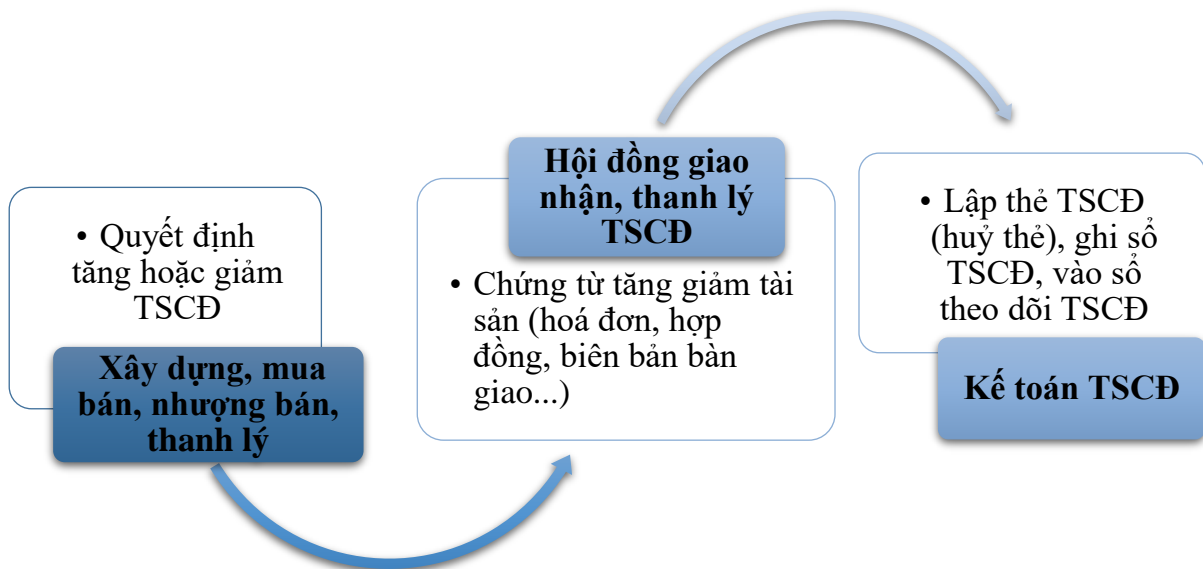
xảy ra các sai phạm hay khả năng kiểm soát bị hạn chế.

*Thứ hai*, cần quy định rõ thẩm quyền của từng cấp quản lý đối với việc phê chuẩn các nghiệp vụ kinh tế liên quan tới TSCĐ như mua mới, điều chuyển, thanh lý, nhượng bán TSCĐ. Do TSCĐ có giá trị lớn nên nguyên tắc này cần đặc biệt coi trọng.

*Thứ ba*, có sự phân tách quyền phê chuẩn với việc bảo quản TSCĐ, tránh tình trạng người bảo quản sử dụng TSCĐ cũng chính là người quyết định việc mua bán, chuyển nhượng tài sản, dễ dẫn tới thất thoát tài sản do lạm dụng quyền hành tự do mua bán, chuyển nhượng hoặc thanh lý TSCĐ.

*Thứ tư*, xây dựng hệ thống bảo quản TSCĐ như kho bãi, hàng rào bảo vệ; phân định trách nhiệm bảo vệ TSCĐ, quy định thủ tục chặt chẽ về việc đưa TSCĐ ra khỏi DN.

Do TSCĐ có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài nên việc quản lý TSCĐ đòi hỏi phải rất chặt chẽ ngay từ khâu mua sắm, chuyển giao đến thanh lý. Quy trình chung về tổ chức chứng từ TSCĐ ở các đơn vị được khái quát chung trong sơ đồ sau:



**Sơ đồ 1.1 : Quy trình tổ chức chứng từ TSCĐ**

*Nguồn: Trang web [www.topica.edu.vn](http://www.topica.edu.vn)*

Trong kỳ kế toán thực hiện chặt chẽ quy trình luân chuyển chứng từ TSCĐ sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý, kiểm tra, kiểm soát TSCĐ.

### **1.3. Quy trình kiểm toán khoản mục Tài sản cố định trong kiểm toán báo cáo tài chính**

**1.3.1. Chuẩn bị kiểm toán****1.3.1.1. Thu thập thông tin khách hàng**

**Mục tiêu:** Giúp KTV hiểu được môi trường kinh doanh của DN để xác định được những sự kiện, giao dịch phát sinh có thể gây ảnh hưởng trọng yếu tới BCTC, để từ đó có thể phát hiện những rủi ro do nhầm lẫn hoặc gian lận.

**Công việc thực hiện:** Tìm hiểu về môi trường hoạt động, lĩnh vực kinh doanh và các nhân tố khác liên quan:

- Ngành nghề kinh doanh và xu hướng phát triển;
- Các yếu tố pháp lý;
- Đặc điểm DN;
- Chính sách kế toán.

Đối với khoản mục TSCĐ, KTV cần tìm hiểu các thức DN quản lý theo dõi các tài sản DN đang ghi nhận, phương pháp trích khấu hao và việc ghi nhận đầy đủ các nghiệp vụ liên quan đến TSCĐ trên sổ cái, sổ chi tiết và bảng khấu hao TSCĐ. Những TSCĐ mà DN thuê hoặc mua có phù hợp với yêu cầu của ban quản lý và có phù hợp với lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của đơn vị không.

Các TSCĐ của DN có được theo dõi, ghi nhận phù hợp chính sách kế toán, thông tư chuẩn mực hiện hành hay không, đặc biệt là Thông tư 45/2013/TT/BTC., các chuẩn mực kế toán VAS 03-04.

**1.3.1.2. Tìm hiểu HTKSNB**

**Mục đích:** KSNB, đặc biệt đối với những công ty kiểm toán lớn là một trong những bước vô cùng quan trọng trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán, mục đích của khảo sát HTKSNB nhằm xác định sơ bộ những yếu kém, yếu tố rủi ro, các bước lập kế hoạch, phạm vi thực hiện cũng như các thủ tục kiểm toán phù hợp. Vì thế, tìm hiểu HTKSNB đối với khoản mục TSCĐ bao gồm:

- Xem xét tính hiệu quả của việc sử dụng vốn để đầu tư vào TSCĐ đúng mục đích, tránh lãng phí về mặt quản lý TSCĐ về số lượng và chất lượng đã hợp lý chưa;
- Giúp KTV biết được việc ghi nhận, hạch toán nguyên giá TSCĐ đã đáp ứng yêu cầu chưa và các chi phí như là sửa chữa, nâng cấp, bảo trì, chi phí khấu hao,... Vì các chi phí trên đều có thể sai sót dẫn đến ảnh hưởng BCTC;
- Việc mua bán, thanh lý TSCĐ do bộ phận nào đảm nhiệm, có được ủy quyền xét duyệt trước khi mua hay không, vì TSCĐ là những tài sản có giá trị rất lớn, nếu bộ phận mua hàng không được kiểm soát chặt chẽ có thể gian lận mua những tài sản kém chất lượng hoặc thay đổi mặt hàng để biến thủ một phần giá trị của tài sản;

- Việc theo dõi TSCĐ trong suốt vòng đời của tài sản có được quản lý tốt hay không, việc sử dụng tối đa tính hiệu quả của TSCĐ giúp DN kiếm được lợi ích nhiều hơn, trong suốt chu trình sản xuất sản phẩm có được bảo trì bảo dưỡng tốt hay không,...

***Thủ tục kiểm soát:*** Theo chuẩn mực kiểm toán số 315, “*Thủ tục kiểm soát* là các quy chế và thủ tục do Ban lãnh đạo thiết lập và chỉ đạo thực hiện tại chính đơn vị nhằm mục tiêu đạt được tính hữu hiệu trong quản lý”. Thủ tục kiểm soát có 3 nguyên tắc chính:

- Nguyên tắc phân công, phân nhiệm;
- Nguyên tắc “Bất kiêm nhiệm”;
- Nguyên tắc ủy quyền và phê chuẩn.

Từ những nguyên tắc trên, ta có cơ sở thiết lập thủ tục kiểm soát cho TSCĐ:

Phân chia công việc giữa người hạch toán, ghi nhận tài sản, người phê chuẩn, bộ phận mua bán hoặc thanh lý và bộ phận quản lý tài sản;

Việc mua bán, thanh lý TSCĐ cần được lên kế hoạch và được ban giám đốc phê chuẩn để DN có thể kiểm soát toàn bộ TSCĐ cũng như tần suất sử dụng với kế hoạch;

Xây dựng thành hệ thống các quy định, chứng từ pháp lý cho việc mua bán, thanh lý TSCĐ;

Tổ chức công tác kiểm kê định kỳ, xây dựng quy định để bảo vệ TSCĐ về mặt vật lý;

Đảm bảo thời gian trích khấu hao của từng TSCĐ phải thỏa mãn khung khấu hao theo Thông tư 45/2013/TT-BTC.

### ***1.3.1.3. Thủ tục đánh giá rủi ro***

Để đánh giá những rủi ro liên quan đến TSCĐ, KTV phải hiểu biết về đơn vị được kiểm toán và môi trường của đơn vị như là lĩnh vực kinh doanh, các hoạt động sản xuất chính, trình độ phát triển công nghệ liên quan tới TSCĐ,...) mà đặc biệt là về vấn đề KSNB. Một số thủ tục KTV thường áp dụng để tìm hiểu là:

- Phỏng vấn, trao đổi với Ban giám đốc và cá nhân có liên quan;
- Thực hiện thủ tục phân tích;
- Quan sát.

“*Rủi ro kiểm toán*” được xác định trước giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán và thực hiện kiểm toán theo Chuẩn mực VSA 315:

Rủi ro tiềm tàng (IR): Là rủi ro vốn có do khả năng những nghiệp vụ kinh tế, những khoản mục trong BCTC chứa đựng những sai sót trọng yếu khi được tính riêng rẽ hoặc tổng cộng, mặc dù có hay không HTKSNB.

Rủi ro kiểm soát (CR): Là rủi ro có thể xảy ra những sai sót trọng yếu trong những nghiệp vụ kinh tế. Những khoản mục trong BCTC khi tính riêng rẽ hoặc tổng cộng mà hệ thống kế toán và HTKSNB không thể ngăn ngừa hết hoặc không phát hiện và sửa chữa kịp thời.

Rủi ro phát hiện (DR): Là rủi ro xảy ra sai sót trọng yếu trong những nghiệp vụ kinh tế, những khoản mục trong BCTC khi tính riêng rẽ hoặc tổng cộng mà trong quá trình kiểm toán, KTV và công ty kiểm toán không phát hiện được.

Rủi ro kiểm toán (AR): Là rủi ro do KTV đưa ra ý kiến nhận xét chấp nhận trong khi BCTC đã được kiểm toán vẫn đang còn tồn tại những sai sót trọng yếu. Rủi ro kiểm toán là tổ hợp của rủi ro tiềm tàng, rủi ro kiểm soát và rủi ro phát hiện.

Công thức:

$$\mathbf{AR = IR * CR * DR}$$

#### **1.3.1.4. Xác lập mức trọng yếu**

**Mục tiêu:** Nhóm kiểm toán sẽ thực hiện lập mức trọng yếu kế hoạch trước kiểm toán tại đơn vị và xác định lại mức trọng yếu thực tế ở giai đoạn kết thúc kiểm toán để đảm bảo những công việc và thủ tục kiểm toán đã đầy đủ chưa.

**Công việc thực hiện:** KTV đánh giá sơ bộ về MTY nhằm ước tính mức độ sai sót của BCTC có thể chấp nhận được, đánh giá ảnh hưởng của các sai sót lên BCTC. Từ đó, xác định bản chất, thời gian và phạm vi các thử nghiệm kiểm toán.

### **1.3.2. Thực hiện kiểm toán**

#### **1.3.2.1. Thử nghiệm kiểm soát**

Sau khi đã xác định được những rủi ro kiểm toán có thể có và các sai sót còn tồn tại, nhóm KTV cân nhắc và lên kế hoạch thực hiện những thử nghiệm kiểm soát phù hợp.

Tùy từng thủ tục kiểm soát mà KTV có thể áp dụng một hoặc kết hợp các phương pháp để tiến hành thử nghiệm kiểm soát gồm: Kiểm tra chứng từ, tài liệu; quan sát; phỏng vấn và thực hiện lại các thủ tục kiểm soát. Ví dụ: KTV sẽ kiểm tra các bảng đối chiếu giữa Sổ chi tiết và Sổ cái về TSCĐ để xem công việc đối chiếu có được một nhân viên có trách nhiệm thực hiện một cách đều đặn hay không, kiểm tra việc mua sắm tài sản xem chúng có tuân thủ quy định về xét duyệt, lựa chọn nhà cung cấp hay không,...

#### **1.3.2.2. Thử nghiệm cơ bản**

Bất kể kết quả đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu ra sao, KTV vẫn phải thiết kế và thực hiện các thử nghiệm cơ bản (thủ tục phân tích cơ bản và kiểm tra chi tiết).

**Bảng 1.2. Các thủ tục kiểm toán và mục tiêu kiểm toán tương ứng**

Loại	Thử nghiệm cơ bản	Mục tiêu kiểm toán
Thủ tục phân tích cơ bản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính tỷ số của từng loại TSCĐ so với tổng số và so sánh tỷ số này của năm trước.</li> <li>- Tính tỷ số giữa doanh thu với tổng giá trị TSCĐ và so với tỷ số này của năm trước.</li> <li>- Tính tỷ số giữa tổng giá trị TSCĐ với vốn chủ sở hữu và so với tỷ số này của năm trước.</li> <li>- Tính tỷ số hoàn vốn của TSCĐ.</li> <li>- Tỷ số giữa chi phí sửa chữa, bảo trì so với doanh thu thuần.</li> <li>- Tỷ số giữa chi phí sửa chữa, bảo trì của từng tháng so với tổng số.</li> </ul>	<p>Tính hiện hữu, Tính đầy đủ, Đánh giá và phân bổ.</p>
Kiểm tra chi tiết tài sản cố định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thu thập hay tự lập bảng phân tích tổng quát về các thay đổi của TSCĐ và đối chiếu với Sổ cái.</li> <li>- Kiểm tra việc ghi tăng TSCĐ trong kỳ.</li> <li>- Chứng kiến kiểm kê TSCĐ tăng trong kỳ.</li> <li>- Kiểm tra quyền sở hữu/quyền kiểm soát đối với TSCĐ.</li> <li>- Kiểm tra giá trị TSCĐ ghi tăng sau ghi nhận ban đầu.</li> <li>- Kiểm tra việc ghi giảm TSCĐ trong kỳ.</li> </ul>	<p>Tính hiện hữu, Quyền và nghĩa vụ, Tính đầy đủ, Đánh giá và phân bổ.</p>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem xét việc phân loại và thuyết minh về TSCĐ trên báo cáo là đầy đủ, diễn giải hợp lý, rõ ràng, dễ hiểu.</li> </ul>	<p>Trình bày và thuyết minh.</p>

(Nguồn: Giáo trình Kiểm toán Báo cáo tài chính 1, Trường Đại học Quy Nhơn, tr. 241)

**a. Thủ tục phân tích**

Việc thực hiện thủ tục phân tích còn phụ thuộc tùy theo đặc điểm kinh doanh, quy mô của đơn vị. Thông thường KTV có thể tính toán và tiến hành phân tích đối với các tỷ số tài chính sau:

- Tính tỷ số của từng loại TSCĐ so với tổng số và so sánh với tỷ số này của năm trước. KTV cần tìm hiểu nguyên nhân nếu có sự thay đổi bất thường.
- Tỷ số giữa doanh thu với tổng giá trị TSCĐ và so sánh với tỷ số này của năm trước. Tỷ số này phản ánh khả năng tạo ra doanh thu của TSCĐ hiện có của đơn vị.
- Tỷ số giữa tổng giá trị TSCĐ với vốn chủ sở hữu và so sánh với năm trước. Tỷ số này liên quan đến mức độ đầu tư vào TSCĐ so với vốn chủ sở hữu.
- Tỷ số hoàn vốn của TSCĐ. Tỷ số này được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần cho tổng giá trị tài sản cố định, qua đó cho thấy khả năng thu hồi của vốn đầu tư vào TSCĐ.



Ngoài ra, KTV có thể thực hiện một số thủ tục phân tích khác như: So sánh giữa chi phí sửa chữa, bảo trì với doanh thu thuần; so sánh giữa chi phí sửa chữa, bảo trì của từng tháng với cùng kỳ năm trước; so sánh giá trị của các TSCĐ mua trong năm với năm trước; so sánh giá trị của TSCĐ giảm trong năm với năm trước; so sánh chi phí khấu hao kỳ này với kỳ trước, chi phí khấu hao với giá thành sản phẩm nhập kho,...

#### **b. Kiểm tra chi tiết**

Trong cuộc kiểm toán năm đầu tiên, KTV cần thu thập bằng chứng về quyền và tính có thật về số dư đầu kỳ của TSCĐ chủ yếu đang được sử dụng. Thông tin về số dư tài sản đầu kỳ trong lần kiểm toán đầu tiên sẽ được lưu trong hồ sơ kiểm toán chung. Nhờ thế, trong các lần kiểm toán sau, KTV chỉ cần tập trung kiểm tra đối với số phát sinh.

#### **Kiểm tra chứng từ gốc của các nghiệp vụ ghi tăng TSCĐ**

- Xem xét sự phê chuẩn việc ghi nhận với mọi TSCĐ tăng trong kỳ.
- Chọn mẫu từ các nghiệp vụ mua TSCĐ để lần theo đến những chứng từ có liên quan như hợp đồng, hóa đơn và các tài liệu khác. Đồng thời cần kiểm tra số tổng cộng và việc hạch toán các khoản được chiết khấu hoặc giảm giá nhằm phát hiện các khoản chi cần phải được vốn hóa nhưng lại không hạch toán vào nguyên giá hoặc những khoản tuy không được phép nhưng vẫn ghi tăng nguyên giá TSCĐ.
  - Điều tra các trường hợp mua hoặc quyết toán xây dựng cơ bản cao hơn dự toán.
  - Xem xét việc xác định nguyên giá TSCĐ.
  - Điều tra mọi khoản ghi nợ tài khoản TSCĐ hữu hình có thực sự tồn tại TSCĐ tại đơn vị hay không.
  - Rà soát tất cả các hợp đồng thi công và chi phí liên quan đến xây dựng cơ bản vẫn chưa hoàn thành tính đến thời điểm cuối niên độ.
  - Lần theo việc kết chuyển từ tài khoản xây dựng cơ bản dở dang đến tài khoản TSCĐ hữu hình nhằm kiểm tra xem mọi khoản mục liên quan đều đã được kết chuyển đúng hay chưa.
  - Xem xét việc đánh giá TSCĐ do đơn vị tự xây dựng hoặc tự chế.

#### **Chứng kiến kiểm kê các TSCĐ tăng lên trong kỳ**

Khi chứng kiến kiểm kê, KTV có thể chọn một trong hai hướng sau: Từ sổ sách kế toán, KTV kiểm tra xem TSCĐ có thực sự tồn tại và đang được sử dụng hay không; hoặc từ các TSCĐ có trong thực tế, KTV sẽ lần theo chứng từ gốc cho đến sổ chi tiết để đảm bảo tất cả các nghiệp vụ tăng TSCĐ đều được ghi nhận đầy đủ, chính xác.

#### **Kiểm tra quyền sở hữu đối với TSCĐ**

KTV cần thu thập các bằng chứng có liên quan như văn bản pháp lý về quyền sở hữu TSCĐ, các Hóa đơn đóng bảo hiểm, Hóa đơn nộp thuế, Biên bản chi trả tiền cho các tài sản đã thế chấp.

### **Kiểm tra giá trị TSCĐ được ghi nhận**

Lập bảng phân tích chi phí sửa chữa, bảo dưỡng phát sinh hàng tháng rồi đối chiếu với số phát sinh của năm trước để phát hiện các tháng có biến động tăng giảm bất thường, từ đó tìm kiếm những khoản chi phí có số tiền lớn để kiểm tra chứng từ gốc và các tài liệu liên quan.

### **Kiểm tra các nghiệp vụ ghi giảm TSCĐ trong kỳ**

KTV xem xét các TSCĐ cũ có được mang đi trao đổi hay được thanh lý hay không?

Nếu có các sản phẩm bị ngưng sản xuất trong năm, cần điều tra về việc sử dụng các thiết bị chuyên dùng để sản xuất sản phẩm này.

Phỏng vấn các nhân viên và quản đốc phân xưởng để xem có TSCĐ nào được thanh lý trong năm hay không?

Điều tra các khoản giảm về bảo hiểm TSCĐ, để xem liệu có phải bắt nguồn từ nguyên nhân giảm TSCĐ hay không? Đối chiếu số liệu sổ sách với số liệu kiểm kê để xem có bị mất mát, thiếu hụt TSCĐ hay không?

### **Xem xét lại các chính sách khấu hao, mức trích khấu hao của đơn vị**

KTV xem xét lại các chính sách khấu hao của đơn vị: phương pháp khấu hao sử dụng có phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành hay không; phương pháp khấu hao sử dụng có phù hợp với lợi ích kinh tế mà TSCĐ mang lại cho đơn vị hay không; thời gian sử dụng hữu ích có được ước tính phù hợp hay không; sự cần thiết thay đổi chính sách khấu hao,...

KTV kiểm tra mức khấu hao: tính toán lại các mức khấu hao bằng cách kiểm tra lại tính hợp lý của tỷ lệ khấu hao thông qua so sánh tỷ lệ khấu hao từng nhóm tài sản so với năm trước; so sánh số phát sinh Có của tài khoản hao mòn TSCĐ với chi phí khấu hao ghi trên các tài khoản chi phí, công việc này có thể thực trên bảng phân bổ khấu hao TSCĐ.

### **Xem xét việc phân loại và thuyết minh trên BCTC**

KTV cần xem xét việc trình bày TSCĐ bao gồm TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính và bất động sản đầu tư của đơn vị. Ngoài ra KTV xem xét đơn vị có công bố trong Thuyết minh BCTC các thông tin về chính sách kế toán, tình hình ghi tăng giảm TSCĐ,...

**1.3.3. Kết thúc kiểm toán**

Sau khi thực hiện các thủ tục kiểm toán và thu thập đầy đủ những bằng chứng làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán, kiểm toán viên tiến hành tổng hợp lại các nội dung sau:

**1.3.3.1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ**

Thông thường các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ có thể ảnh hưởng đến khoản mục tài sản cố định trên báo cáo tài chính trong năm mà kiểm toán viên cần xem xét như: mất tài sản cố định đang ở trong kho đơn vị, chuyển nhượng một số tài sản cố định không sử dụng với giá thấp hơn giá trị ghi sổ hiện hành, tài sản cố định mất mát do hỏa hoạn, thiên tai,...

Để thu thập những thông tin trên, kiểm toán viên có thể sử dụng các thủ tục kiểm toán sau:

- Phỏng vấn Ban quản trị;
- Xem xét lại các báo cáo nội bộ đã lập sau ngày lập báo cáo tài chính;
- Xem xét các sổ sách kế toán lập sau ngày lập báo cáo tài chính.

**1.3.3.2. Đánh giá kết quả kiểm toán**

Ở giai đoạn này, kiểm toán viên phải hợp nhất kết quả thực hiện toàn cuộc kiểm toán vào một kết luận chung. Trước hết kiểm toán viên cần đánh giá tổng hợp các sai sót trọng yếu phát hiện được trong quá trình kiểm toán và so sánh với mức sai sót có thể bỏ qua. Nếu vượt quá mức có thể bỏ qua, các sai sót này cần được lập bút toán điều chỉnh và đề nghị khách hàng điều chỉnh. Sau đó, kiểm toán viên phải đánh giá xem các bằng chứng kiểm toán đã đầy đủ và hợp lý. Từ đó làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán cuối cùng.

**1.3.3.3. Phát hành báo cáo kiểm toán và thư quản lý**

Đây là giai đoạn cuối cùng kết thúc cuộc kiểm toán. Trước khi báo cáo kiểm toán được phát hành, công ty kiểm toán phải thông báo cho đơn vị khách hàng về kết luận của cuộc kiểm toán. Sau đó tiếp tục thực hiện các thủ tục còn lại để hoàn tất cuộc kiểm toán.

Việc phát hành báo cáo kiểm toán nhằm mục đích đảm bảo cuộc kiểm toán đã được thực hiện một cách chặt chẽ từ khâu lập chuẩn bị kiểm toán đến khi kết thúc kiểm toán; tuân thủ các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và các bằng chứng kiểm toán được thu thập đầy đủ, thích hợp để phục vụ cho việc đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cùng với việc phát hành báo cáo kiểm toán, kiểm toán viên có thể phát hành thêm thư quản lý để đưa ra những kiến nghị nhằm giúp đỡ khách hàng chấn chỉnh công tác quản lý tài chính và hoàn thiện hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ. Nội dung thư quản lý có thể mô tả về các sự kiện cụ thể như hiện trạng thực tế, khả năng rủi ro cũng như kiến nghị của kiểm toán viên và ý kiến của người quản lý liên quan đến sự kiện đó.

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC**

### **2.1. Khái quát về công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC**

#### **2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của AASC**

Trước những năm 90, “hoạt động kiểm toán ở Việt Nam chủ yếu là do nhà nước tiến hành thông qua công tác kiểm tra kế toán. Khi nền kinh tế nước ta chuyển sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là từ khi có Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam đã tạo nên nhu cầu về kiểm toán độc lập. Đó cũng là thời điểm Nhà nước nhận thức rõ tầm quan trọng của hoạt động kiểm toán đối với công cuộc đổi mới đất nước. Ngay sau đó, hoạt động kiểm toán bắt đầu hình thành tại Việt Nam với sự ra đời của nhiều công ty kiểm toán, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hãng kiểm toán AASC đã ra đời và phát triển vững mạnh đến ngày nay.”

##### **2.1.1.1. Tên, địa chỉ Công ty**

Hiện nay Công ty có một trụ sở chính tại Thành phố Hà Nội và hai chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh và TP. Hạ Long (Quảng Ninh).

#### **VĂN PHÒNG VÀ CÁC CHI NHÁNH CỦA AASC**

##### **✓ Trụ sở chính**

Mã số thuế: 0100111105. Địa chỉ: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

##### **✓ Chi nhánh AASC tại TP Hồ Chí Minh**

Mã số thuế: 0100111105-006. Địa chỉ: 27 Lam Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

##### **✓ Văn phòng đại diện AASC tại Quảng Ninh**

Mã số thuế: 0100111105-007. Địa chỉ: Số 2 Nguyễn Văn Cừ, Phường Hồng Hải, Tp. Hạ Long, Quảng Ninh.

##### **Logo:**



##### **2.1.1.2. Thời điểm thành lập, các cột mốc quan trọng**

*Sự hình thành và phát triển của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hãng kiểm toán AASC được chia thành hai giai đoạn như sau: ”*

**Giai đoạn 1: Từ năm 1991 đến năm 2007**

Theo Quyết định số 164 TC/QĐ/TCCB của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hãng kiểm toán AASC được thành lập ngày 13 tháng 5 năm 1991 với tên gọi ban đầu là Công ty Dịch vụ Kế toán (Accounting Service Company – ASC). Công ty chính thức đi vào hoạt động từ ngày 14 tháng 9 năm 1991.

Tháng 3 năm 1992, chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh của Công ty được thành lập. Sau đó, tháng 4 năm 1993, Công ty lập thêm các chi nhánh khác tại Vũng Tàu và Đà Nẵng.

Trong những ngày đầu, hoạt động chủ yếu của Công ty là lĩnh vực kế toán với vai trò giúp các doanh nghiệp lập và ghi sổ kế toán, lập báo cáo tài chính. Sau này, khi nhận thức rõ sự cần thiết của kiểm toán độc lập tại Việt Nam, cũng như nhận thấy được sự lớn mạnh về năng lực nghiệp vụ, ngày 14 tháng 9 năm 1993, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 639/TC/QĐ/TCCB, cho phép Công ty Dịch vụ Kế toán triển khai thêm dịch vụ kiểm toán và đổi tên Công ty thành “Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán” – AASC. Từ đó đến nay, Công ty không chỉ cung cấp dịch vụ kế toán mà còn cung cấp thêm nhiều dịch vụ khác như: dịch vụ kiểm toán, tư vấn tài chính, tư vấn thuế, đào tạo và hỗ trợ tuyển dụng, công nghệ thông tin.

Hiện nay, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hãng kiểm toán AASC có trụ sở chính đặt tại Hà Nội và 2 chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và Quảng Ninh trong đó chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh là chi nhánh lớn nhất.

Tháng 4 năm 2005, AASC chính thức trở thành Hội viên Hội KTV hành nghề Việt Nam (VACPA). Tháng 7 năm 2005, AASC gia nhập Tổ chức Kế toán và Kiểm toán quốc tế INPACT và trở thành đại diện của INPACT quốc tế tại Việt Nam. Sự kiện này chính là một sự ghi nhận về sự phát triển và hội nhập vững mạnh của AASC trên con đường phát triển hướng tới sự công nhận của thế giới.

**Giai đoạn 2: Từ năm 2007 đến nay**

Thực hiện các cam kết với Tổ chức thương mại thế giới (WTO), AASC đã được ký quyết định chuyển đổi thành công từ Doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Tài chính thành Công ty TNHH 2 thành viên trở lên từ ngày 21/04/2007 và vẫn là một trong 6 công ty kiểm toán hoạt động tại Việt Nam có doanh thu hàng năm, có hệ thống khách hàng và có số lượng KTV và nhân viên lớn nhất hiện nay. Công ty có một lượng khách hàng rất đa dạng, bao gồm các đơn vị thuộc tất cả các lĩnh vực kinh tế, thành phần kinh tế: Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty có vốn đầu tư nước ngoài, Công ty niêm yết, Công ty cổ phần, Ngân hàng thương mại, các Dự án có sử dụng vốn vay,

viện trợ của World Bank, ADB và các tổ chức tín dụng quốc tế khác, các công trình đầu tư xây dựng cơ bản.

AASC được Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trao tặng Cờ thi đua Đơn vị dẫn đầu Phong trào thi đua năm 2009 và năm 2012.

AASC được Bộ Tài chính trao tặng Cờ thi đua Đơn vị dẫn đầu Phong trào thi đua năm 2010, năm 2015 và năm 2016; được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội trao tặng Cúp Thăng Long cho danh hiệu “Doanh nghiệp tiêu biểu năm 2010”.

Ngày 18 tháng 02 năm 2011, AASC chính thức trở thành thành viên của Mạng lưới quốc tế các hãng Kiểm toán và Tư vấn quản trị Doanh nghiệp HLB. Đây được xem như một mốc son mới đánh dấu sự hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng AASC trong lĩnh vực Kế toán, Kiểm toán và Tư vấn chuyên nghiệp.

Ngày 15/08/2001, Chủ tịch nước đã có Quyết định số 586 KT/CT tặng thưởng Huân chương lao động Hạng Ba cho AASC, và sau đó, ngày 09/07/2005 có Quyết định số 737/2005/QĐ/CTN tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Nhì cho AASC và Huân chương Lao động hạng Ba cho Giám đốc AASC. Ngày 27/07/2001, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 922/QĐ/TTg tặng thưởng Cờ thi đua và Bằng khen cho nhiều tập thể và cá nhân. Ngày 25/08/2005 Thủ Tướng Chính phủ đã có Quyết định số 860/QĐ-TTg về việc phong tặng danh hiệu: Chiến sỹ thi đua toàn quốc cho một phó Giám đốc AASC và ngày 05/07/2005 ký Quyết định số 632/QĐ-TTg về việc tặng Bằng khen của Thủ Tướng chính phủ cho 02 tập thể phòng và một số cá nhân của công ty. Không những thế, tháng 12/2007, năm 2009, năm 2016, AASC còn được Bộ Công thương Việt Nam trao giải thưởng “Top Trade Services” cho các doanh nghiệp có chất lượng dịch vụ đáp ứng các cam kết của WTO. Năm 2011, AASC được đón nhận Huân chương Lao động Hạng Nhất của Chủ tịch nước và Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ.

Cũng năm 2011, Công ty cán đích doanh thu trên 100 tỷ đồng. Tiếp tục dẫn đầu về doanh thu và số lượng khách hàng trong hệ thống các công ty kiểm toán Việt Nam và đứng đầu về doanh thu kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành. Là Công ty Kiểm toán đầu tiên của Việt Nam cung cấp dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn sang các nước trong khu vực: Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Campuchia, Thái Lan, Indonesia...

Năm 2013, Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đổi tên thành Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, công bố biểu tượng Logo mới của AASC và ra mắt Công ty TNHH Tư vấn AASC và Cộng sự (ACG).

Năm 2017, AASC cán đích doanh thu trên 200 tỷ đồng. Tiếp tục dẫn đầu về doanh thu trong hệ thống các công ty kiểm toán Việt Nam và đứng đầu về doanh thu kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành.

Năm 2018, AASC tổ chức ra mắt Công ty TNHH Thẩm định giá AASC Việt Nam (AVV) và kỷ niệm 05 năm ngày công bố Thương hiệu AASC.

AASC là một trong số ít các công ty kiểm toán đang hoạt động tại Việt Nam được Ngân hàng thế giới và Ngân hàng Phát triển châu Á, cũng như các tổ chức tín dụng khác lựa chọn vào danh sách ngân của họ để kiểm toán các dự án do các tổ chức này tài trợ.

Với vai trò là nhà cung cấp dịch vụ lớn, Công ty được xếp hạng thứ 5 trên thị trường trong lĩnh vực kiểm toán và các dịch vụ chuyên ngành khác, chỉ sau các công ty Big4 (theo thống kê của Hội KTV hành nghề Việt Nam - VACPA).

AASC được Ủy ban chứng khoán cho phép cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính cho các tổ chức niêm yết trên sàn chứng khoán.

Mặc dù là một doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi thành nhưng AASC có mối quan hệ độc lập và tin cậy với các Bộ, Ngành, Kiểm toán Nhà nước, các cơ quan nghiên cứu và các trường đại học trong cả nước cũng như với các hãng kiểm toán quốc tế như E&Y, KPMG, PwC,... và hơn thế nữa AASC là thành viên của INPACT quốc tế và HLB Quốc tế. Các mối quan hệ này giúp cho AASC tiếp cận kiến thức và trao đổi kinh nghiệm về lĩnh vực kế toán kiểm toán cả trong nước và trên thế giới. Dựa trên cơ sở này, AASC giúp cho khách hàng giải quyết tốt các vấn đề mà không nhiều tổ chức dịch vụ chuyên ngành có thể thực hiện được.

### **2.1.1.3. Quy mô hiện tại của Công ty**

AASC là một trong 5 Doanh nghiệp Kiểm toán năng động có doanh thu hàng năm, hệ thống khách hàng, số Kiểm toán viên và nhân viên lớn nhất hiện nay (trên 100 Kiểm toán viên Việt Nam, 08 Hội viên ACCA, 03 Hội viên CPA Úc, 02 Hội viên CIMA, 01 Hội viên CIA, 34 Thẩm định viên về giá, 36 Chứng chỉ Tư vấn Thủ tục về Thuế và trên 500 nhân viên, cộng các viên).

### **2.1.2. Mục tiêu và phương châm hoạt động của AASC**

#### **2.1.2.1. Mục tiêu hoạt động**

- Cung cấp các dịch vụ chuyên ngành và các thông tin tin cậy.
- Giúp khách hàng ra các quyết định quản lý, tài chính và kinh tế một cách có hiệu quả.
- Hỗ trợ khách hàng giải quyết tốt và kịp thời các vấn đề phát sinh trong hoạt động tài chính và kinh doanh.

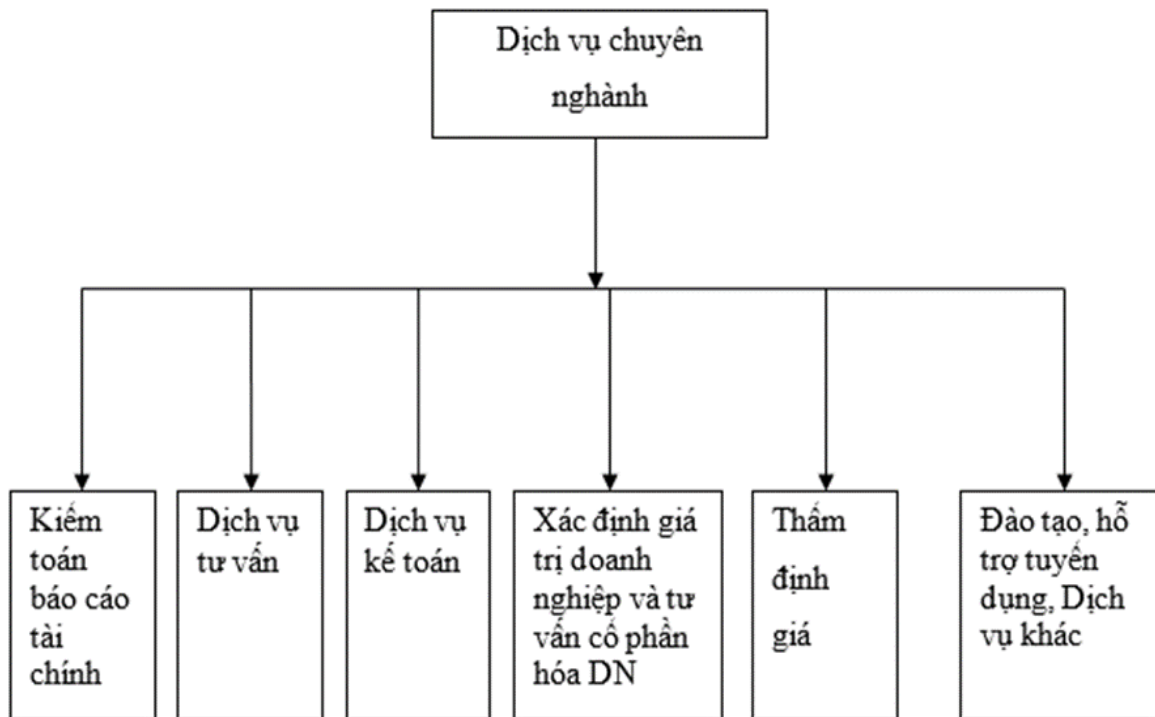
**2.1.2.2. Phương châm hoạt động**

- Nâng cao chất lượng dịch vụ;
- Không ngừng mở rộng, đa dạng hóa;
- Tăng cường, hợp tác hướng tới hội nhập và phát triển bền vững;
- Giữ vị thế hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ chuyên ngành tại Việt Nam.

**2.1.3. Lĩnh vực hoạt động của AASC**

**2.1.3.1. Lĩnh vực hoạt động của Công ty**

Sự am hiểu sâu sắc và bề dày kinh nghiệm thực tiễn trong các lĩnh vực tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế giúp AASC phục vụ với chất lượng tốt nhất bất kỳ dịch vụ chuyên ngành nào mà khách hàng yêu cầu.



**Sơ đồ 2.1: Các dịch vụ chính của công ty**

*Nguồn: Tài liệu AASC*

**2.1.3.2. Các khách hàng của Công ty**

- Các Tập đoàn Kinh tế, Tổng cục thuế Nhà nước;
- Các cơ quan Nhà nước, các đơn vị hành chính sự nghiệp;
- Các DN niêm yết, các Công ty đại chúng;
- Các Ngân hàng, tổ chức bảo hiểm, tổ chức kinh doanh chứng khoán;
- Các dự án được tài trợ bởi: WB, ADB, IMF, IFAD,..;
- Các doanh nghiệp FDI;
- Các công ty Cổ phần, Công ty TNHH;



- Các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư tại Lào, Campuchia,....

**2.1.3.3. Kết quả hoạt động kinh doanh**

**Bảng 2.1: Kết quả hoạt động kinh doanh của AASC 3 năm gần nhất**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Năm	2019	2020	2021
<b>Doanh thu</b>	236.639	252.158	240.554
<b>Chi phí</b>	232.971	251.457	240.090
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	6.445	4.819	3.088
<b>Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước</b>	27.514	30.773	27.902
<b>Tình hình trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp</b>	8.097	9.275	9.386

Nguồn: Báo cáo minh bạch AASC

**2.1.4. Quy trình kiểm toán của Công ty**

**2.1.4.1. Chuẩn bị kiểm toán**

Chuẩn bị kiểm toán là giai đoạn đầu tiên của một cuộc kiểm toán nhằm tạo ra tất cả tiền đề về điều kiện cụ thể trước khi thực hiện kiểm toán, nó có ý nghĩa quyết định chất lượng kiểm toán.

Bắt đầu từ thư mời kiểm toán, KTV sẽ tìm hiểu khách hàng với mục đích hình thành hợp đồng hoặc đưa ra được kế hoạch chung.

- KTV cần thu thập các thông tin cụ thể về khách hàng (yếu tố ngành nghề, yếu tố pháp lý, đặc điểm của đơn vị, chính sách kế toán đơn vị áp dụng,...).
- Bên cạnh đó, trong khi lập kế hoạch, công ty kiểm toán cũng phải có sự chuẩn bị về phương tiện và nhân viên cho việc triển khai thực hiện chương trình đã xây dựng.
- Tìm hiểu và đánh giá HTKSNB của khách hàng.
- Xác định và đánh giá rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn ở cấp độ BCTC và cấp độ cơ sở dẫn liệu.
- Thiết kế chương trình kiểm toán phù hợp với đơn vị khách hàng.

**2.1.4.2. Thực hiện kiểm toán**

Thực hiện kiểm toán là quá trình sử dụng phương pháp kỹ thuật kiểm toán thích hợp với một đối tượng kiểm toán để thu thập bằng chứng kiểm toán. Là quá trình triển khai một các chủ động và tích cực các kế hoạch, chương trình kiểm toán nhằm đưa ra ý kiến xác thực về mức độ trung thực và hợp lý của khoản mục trên báo cáo tài chính trên cơ sở những bằng chứng đầy đủ và đáng tin cậy.

**a. Thực hiện thử tục chung**

- Đánh giá về sự phù hợp của đồng tiền ghi sổ kế toán.
- Kiểm tra số dư đầu kỳ trên sổ cái (đối với khách hàng mới).
- Kiểm tra việc Ban giám đốc có khống chế hết các kiểm soát.
- Kiểm tra số dư cuối kỳ trên sổ cái.
- Kiểm tra hồ sơ pháp lý.
- Soát xét các Biên bản họp/Nghị quyết.

**b. Thiết kế và thực hiện các thử nghiệm kiểm soát**

- Thực hiện kiểm tra KSNB đối với các chu trình (bán/mua hàng, phải thu/trả tiền, hàng tồn kho, giá thành, giá vốn, lương và phải trả người lao động, TSCĐ và XDCB).
- Một số thử nghiệm kiểm soát được KTV sử dụng để kiểm tra tính hữu hiệu của hoạt động kiểm soát:

- + Phỏng vấn.
- + Quan sát.
- + Kiểm tra tài liệu.
- + Thực hiện tính toán lại.

**c. Thử nghiệm cơ bản**

Sau khi thực hiện kiểm tra KSNB, trên cơ sở đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu, KTV cần xem xét tác động đến phạm vi, nội dung và lịch trình của các thử tục kiểm tra cơ bản ở các mức độ (cao, trung bình, thấp) để áp dụng toàn bộ các thử tục kiểm tra cơ bản hoặc bổ sung các thử tục khác. Có 2 loại thử nghiệm cơ bản mà KTV thường áp dụng: bao gồm kiểm tra chi tiết và thử tục phân tích cơ bản.

Thực hiện thử tục kiểm tra chi tiết các vấn đề có thể ảnh hưởng đến BCTC.

- Kiểm soát số dư đầu kỳ.
- Soát xét các nghiệp vụ phát sinh, giao dịch với các bên liên quan.
- Kiểm tra các hồ sơ, chứng từ liên quan đến phát sinh tăng/giảm trong kỳ và kết hợp với số dư đầu kỳ để xem xét sự hợp lý của số dư cuối kỳ.
- Bằng các phương pháp (So sánh, phân tích, đối ứng,...) nắm rõ và giải thích được nguyên nhân, các phát sinh, giao dịch của đơn vị.

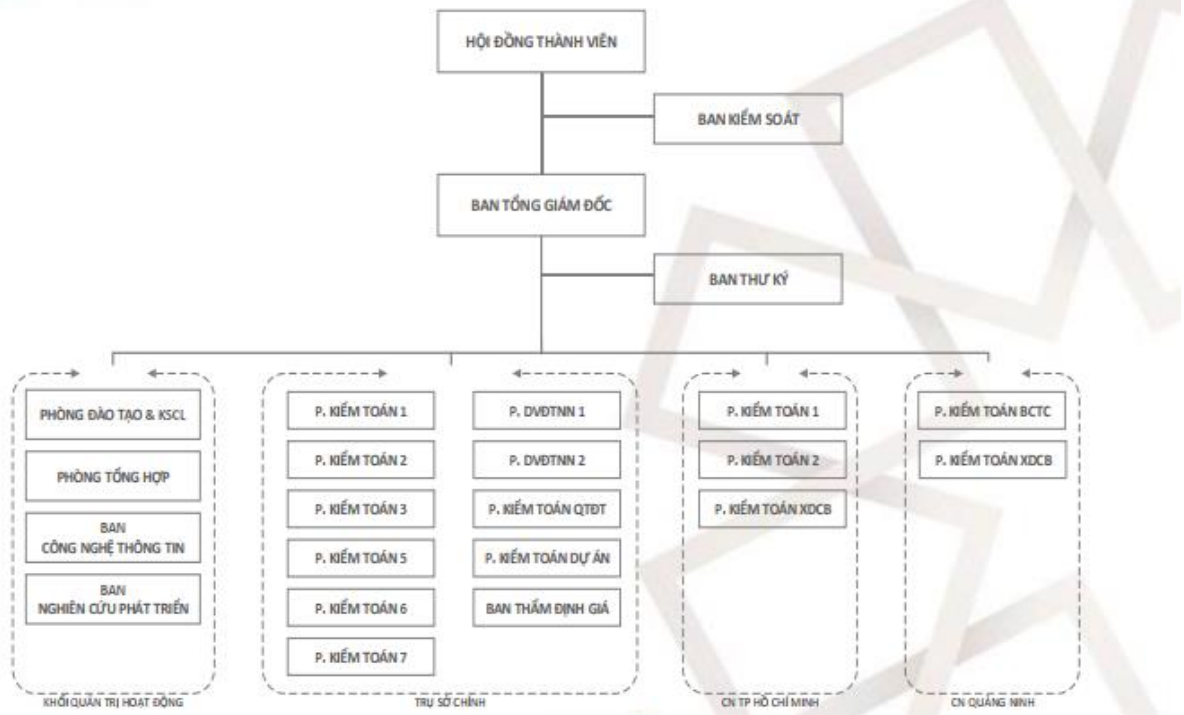
**2.1.4.3. Kết thúc kiểm toán**

Sau khi hoàn thành kiểm toán từng khoản mục, KTV tập hợp kết quả kiểm toán và các vấn đề phát sinh, tập hợp các tài liệu, bằng chứng thu thập KTV.

Sau khi trao đổi về các điều chỉnh cần thiết (nếu có) tại các khoản mục, KTV tiến hành tổng hợp lại các thông tin cần thiết cần được trình bày trên BCTC. Lúc này KTV trình bày lại các số liệu lên bảng tổng hợp vấn đề, trong mỗi khía cạnh, KTV trình bày rõ các thông tin về số học và giá trị theo mốc thời gian đầu kỳ, phát sinh trong kỳ và cuối kỳ kế toán. Sau khi trình bày xong, tiến hành so sánh với số liệu ban đầu để chắc

chấn các bút toán và số liệu điều chỉnh cần thiết đã được áp dụng khi thực hiện trình bày thông tin.

**2.1.5. Đặc điểm tổ chức quản lý của AASC**



**Sơ đồ 2.2: Hệ thống tổ chức quản lý của AASC**

*Nguồn: Tài liệu AASC*

**Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban:**

**Tổng Giám đốc Công ty** là người đứng đầu đưa ra quyết định về mọi hoạt động của Công ty đồng thời là người đại diện cho Công ty, chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

**Ban Tổng giám đốc công ty** gồm các Phó Tổng Giám đốc, họ có nhiệm vụ tư vấn cho Tổng Giám đốc về việc điều hành hoạt động của Công ty cũng như điều hành trực tiếp một số lĩnh vực hoạt động theo sự uỷ quyền của Tổng Giám đốc.

**Phòng tổng hợp** có nhiệm vụ quản lý các công văn đi/đến của Công ty và đưa ra các quyết định về Công tác tổ chức của Công ty. Ngoài ra phòng hành chính tổng hợp còn nghiên cứu, sắp xếp, đề bạt các bộ, tổ chức bảo vệ để giữ an toàn tài sản và an toàn cá nhân cho Công ty.

*Các phòng nghiệp vụ:*

**Phòng Kiểm toán 1 và 2** thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính các ngành sản xuất vật chất, cung cấp dịch vụ tư vấn, xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá...

**Phòng Kiểm toán 3, 5 và 7** thực hiện cung cấp các dịch vụ tư vấn, tài chính kế toán, kiểm toán liên quan tới hoạt động thương mại, dịch vụ như kiểm toán các Ngân hàng, kiểm toán Bưu điện ... và cấp các dịch vụ sang lĩnh vực khác để hỗ trợ các phòng ban khác trong Công ty.

**Phòng Kiểm toán 6** có nhiệm vụ tiến hành kiểm toán với bồi dưỡng nghiệp vụ cho các đối tượng trong và ngoài Công ty, quản lý đào tạo, tiến hành các khoá học trực tiếp cho các cá nhân trong toàn Công ty.

**Phòng Kiểm toán xây dựng cơ bản** là phòng duy nhất cung cấp dịch vụ báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoặc các hạng mục Công trình hoàn thành... được thực hiện bởi đội ngũ KTV cũng như kỹ sư xây dựng có trình độ cao và giàu kinh nghiệm.

**Phòng Kiểm toán dự án** đảm nhiệm công việc kiểm toán các dự án, nắm bắt nhu cầu về kiểm toán các dự án, từ đó xây dựng các chương trình kiểm toán thích hợp với từng dự án.

**Phòng Dịch vụ và đầu tư nước ngoài** là phòng chuyên thực hiện kiểm toán các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

## **2.2. Thực trạng quy trình kiểm toán khoản mục Tài sản cố định tại Công ty Cổ phần ABC do Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện**

Công ty Cổ phần ABC được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0102222xxx (thay đổi lần 03) ngày 20/09/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND, tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

### **2.2.1. Giai đoạn chuẩn bị kiểm toán**

#### **2.2.1.1. Tiền kế hoạch**

##### **a. Xem xét đánh giá chấp nhận khách hàng**

Công ty ABC là khách hàng truyền thống nên ngay sau ngày kết thúc niên độ kế toán, đã có thông báo bằng văn bản cho AASC yêu cầu lập kế hoạch kiểm toán. Sau nhiều năm kiểm toán, KTV nhận thấy BGD của Công ty ABC không có sự thay đổi, tính liêm chính của những người này là có thể tin cậy được. KTV cũng cập nhật các thông tin về khách hàng và đánh giá không có rủi ro nào khiến KTV phải ngừng cung cấp dịch vụ. Mặt khác, AASC có khả năng thực hiện kiểm toán cho Công ty ABC. Vì vậy, Công ty quyết định chấp nhận kiểm toán cho Công ty ABC.

Đây là công việc rất quan trọng được đặc biệt chú ý, giúp AASC nhận định chính xác cho cuộc kiểm toán và tránh được rủi ro khi thực hiện kiểm toán ngoài mong muốn. Trưởng phòng kiểm toán tiến hành đánh giá, phân tích xem có tiếp tục thực hiện kiểm toán cho ABC không. Thông qua bảng dưới đây áp dụng với khách hàng thường niên.

Mục tiêu của công việc này là đảm bảo các thông tin đầy đủ đã được thu thập để cho phép Công ty quyết định xem có nên tiếp tục hợp đồng kiểm toán không. Các thông tin và các câu hỏi hàng năm dựa trên kết luận của cuộc kiểm toán năm trước mà công ty đã thực hiện.

**b. Tìm hiểu hoạt động của khách hàng ABC**

Sau khi thực hiện các công việc đầu tiên theo đúng trình tự thực hiện một cuộc kiểm toán đối với khách hàng - Công ty ABC như nhận diện lý do kiểm toán, ký hợp đồng, thành lập đoàn kiểm toán,... các KTV có trách nhiệm thực hiện kiểm toán tiến hành thu thập tài liệu về thông tin của khách hàng. Khách hàng ABC là khách hàng truyền thống của Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC - Chi nhánh Hà Nội nên công việc thu thập thông tin này thực chất là cập nhật lại các thông tin đã có được từ năm trước trong hồ sơ kiểm toán chung. Các công việc như xem xét hồ sơ kiểm toán năm trước và hồ sơ kiểm toán chung, tham quan khách hàng, tìm hiểu thông tin các biên liên quan, thu thập thông tin liên quan đến nghĩa vụ pháp lý của doanh nghiệp như giấy phép thành lập, điều lệ công ty, BCTC, tài liệu thanh tra, thuế của Cơ quan nhà nước, biên bản họp HĐQT, hội đồng cổ đông, ... được thay thế bằng trao đổi với khách hàng kiểm toán về những thay đổi liên quan đến những thông tin trên trong kỳ kiểm toán. Các thông tin về Công ty ABC như sau:

**Bảng 2.2: Trích giấy làm việc của KTV về tìm hiểu Khách hàng**

Công ty Cổ phần ABC được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0102222xxx (thay đổi lần 3) ngày 20/09/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.	
Công ty có trụ sở chính tại: Toàn nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	
Các thành viên của Hội đồng Quản trị:	
Ông Phạm Văn T	Chủ tịch
Ông Vũ Bá K	Phó Chủ tịch
Bà Trần Thị Như H	Ủy viên
Bà Dương Thị Việt H	Ủy viên
Bà Đỗ Thị P	Ủy viên
Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc:	
Ông Vũ Bá K	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Như H	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Doãn T	Phó Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Việt H	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thúy H      Trưởng ban

Bà Nguyễn Thị Kim      Ủy viên

Ông Phan Đức M      Ủy viên

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND, tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm là:

- Phát hành xuất bản phẩm;
- Phát hành sách hỗ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồng phục cho học sinh và lịch các loại;
- Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.

Năm tài chính: Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Chế độ kế toán áp dụng: Việt Nam Đồng.

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Sau khi xem xét sơ bộ thông tin khách hàng và BCTC của công ty ABC, trưởng nhóm kiểm toán phân công các phần hành cụ thể cho từng thành viên.

c. Tìm hiểu HTKSNB của Công ty ABC và đánh giá rủi ro

- Đánh giá rủi ro tiềm tàng: Khách hàng ABC là khách hàng đã được kiểm toán từ năm trước, vì thế KTV sẽ dựa vào số liệu năm trước kết hợp việc phân tích sơ bộ BCTC của khách hàng để đưa ra kết luận về rủi ro tiềm tàng. Qua sự tìm hiểu và phân tích có được, công ty không có biến động nhiều về tình hình kinh doanh và môi trường xung quanh. KTV dựa vào những thông tin của lần kiểm toán trước đưa ra kết luận về rủi ro tiềm tàng là ở mức trung bình.


- Đánh giá rủi ro kiểm soát: ABC là khách hàng truyền thống của công ty nên KTV dựa vào hồ sơ kiểm toán chung và hồ sơ kiểm toán năm trước để đánh giá ban đầu về rủi ro kiểm soát. Trích giấy làm việc 5.02 của KTV ở Phụ lục 1 .

- Căn cứ vào thông tin thu được, có thể thấy Công ty ABC đã tiến hành theo dõi một cách thường xuyên khoản mục TSCĐ, trên cơ sở hóa đơn gốc; hạch toán dựa trên các chứng từ gốc, các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ,... từ đó nhóm kiểm toán đưa ra kết luận là HTKSNB đối với khoản mục TSCĐ của Công ty ABC là khá. Do đó, quy mô mẫu được chọn để kiểm tra chi tiết khoản mục TSCĐ tại Công ty ABC có thể thu hẹp.

#### **Xác định mức trọng yếu:**

Xác định mức trọng yếu là một trong những nhân tố quan trọng của cuộc kiểm toán. Việc xác lập mức trọng yếu nhằm mục đích ước lượng mức độ sai sót có thể chấp nhận được cho toàn bộ BCTC, xác định phạm vi kiểm toán, xác định bản chất, quy mô, thời gian cuộc kiểm toán cũng như đánh giá tác động của những sai sót phát hiện được và không phát hiện được lên BCTC. AASC đã tiến hành kiểm toán theo từng khoản mục. Giấy làm việc của KTV được thể hiện như sau:

Xác định mức trọng yếu kế hoạch

		<b>AASC Auditing Firm Company Limited.</b> Member of HLB International		4.04.1.1	
Khách hàng: Công ty Cổ phần ABC		Người thực hiện: BXH		Ngày: 10/01/2022	
Kỳ kế toán: Năm 2021		Người soát xét: HTN		Ngày: 10/01/2022	
Phần hành		Xác định mức trọng yếu cho BCTC riêng/tổng hợp			
Bước công việc		Mức trọng yếu - Giai đoạn lập kế hoạch			
Mức trọng yếu được lập trong giai đoạn lập kế hoạch dựa trên các thông tin thu thập được về hoạt động và số liệu trên báo cáo tài chính của đơn vị trước khi kiểm toán.					
Diễn giải	Ký hiệu	Tỷ lệ sử dụng để ước tính	Số liệu BCTC trước kiểm toán	Số liệu BCTC đã công bố	
			Kỳ này VND	Kỳ trước VND	
<b>Tổng nguồn vốn chủ sở hữu</b>			310.342.001.347	289.189.319.409	
	A	1,0%	3.103.420.013	2.891.893.194	
	B	2,0%	6.206.840.027	5.783.786.388	
<b>Tổng tài sản</b>			551.980.096.960	521.951.937.042	
	C	0,5%	2.759.900.485	2.609.759.685	
	D	1,0%	5.519.800.970	5.219.519.370	
<b>Doanh thu</b>			752.505.282.043	665.141.597.723	
	E	0,5%	3.762.526.410	3.325.707.989	
	F	1,0%	7.525.052.820	6.651.415.977	
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>			61.866.849.960	50.872.837.556	
	G	5,0%	3.093.342.498	2.543.641.878	
	H	10,0%	6.186.684.996	5.087.283.756	
<b>Mức trọng yếu tổng thể - Giai đoạn lập kế hoạch</b>	<b>I</b>		6.186.684.996	5.087.283.756	
<b>Xác định theo tiêu chí</b>	<b>H</b>		Lợi nhuận trước thuế		
Lý do lựa chọn tiêu chí để xác định mức trọng yếu tổng thể: <i>Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế phản ánh rõ nhất kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và mối quan tâm của các cổ đông, nhà đầu tư và các đối tượng sử dụng BCTC của Công ty.</i>					
Lựa chọn tỷ lệ % để xác định mức trọng yếu thực hiện là:		J	75%		
Lý do lựa chọn tỷ lệ % để xác định mức trọng yếu thực hiện: <i>Dựa trên kết quả kiểm toán nhiều năm, sai sót phát hiện cũng như đánh giá HTKSNB, KTV đánh giá RPKT mức trung bình.</i>					
(Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rủi ro kiểm toán là <b>Cao</b> thì tỷ lệ % để xác định mức trọng yếu thực hiện là từ: 40% đến 55%</li> <li>- Rủi ro kiểm toán là <b>Trung bình</b> thì tỷ lệ % để xác định mức trọng yếu thực hiện là từ 55% đến 75%</li> <li>- Rủi ro kiểm toán là <b>Thấp</b> thì tỷ lệ % để xác định mức trọng yếu thực hiện là từ 75% đến 90%</li> </ul>					
Mức trọng yếu thực hiện		K	(K) = I x tỷ lệ %	4.640.013.747	3.815.462.817
Ngưỡng sai sót có thể bỏ qua		L	(L) = J x 4%	185.600.550	152.618.513
Có thay đổi mức trọng yếu trong giai đoạn kết thúc kiểm toán không?				Có <input type="checkbox"/>	Không <input checked="" type="checkbox"/>



**2.2.1.2. Lập kế hoạch**

Sau khi thực hiện các bước công việc trên thì KTV tiến hành soạn thảo chương trình kiểm tra chi tiết. Công ty AASC đã xây dựng một chương trình kiểm toán mẫu. Chương trình kiểm toán mẫu có thể được sử dụng để hướng dẫn thực hiện các thủ tục kiểm tra chi tiết tài khoản này, KTV tiến hành điều chỉnh kế hoạch kiểm toán theo những thông tin mới thu được. Theo đó, các thủ tục kiểm tra chi tiết của chương trình kiểm toán mẫu đó với phần hành này sẽ được bổ sung những thủ tục mới cần thiết (do KTV tự thiết kế) hoặc loại bỏ những thủ tục không cần thiết.

Giấy làm việc D14 được trình bày ở phần Phụ lục 2.

**2.2.2. Giai đoạn thực hiện kiểm toán**

**Bảng 2.3: Tổng hợp các công việc thực hiện kiểm toán**

<b>Tài sản cố định</b>	<b>Ref Wps</b>	<b>Walk-thought Test</b>	<b>Các mục tiêu kiểm toán phải hoàn thành và kết luận tại Sheet Conclusion</b>
	D161 D176 6.04	Yes - Nếu nhiều (Tăng & Giảm + Kiểm kê)	B1: Phân tích từng loại TSCĐ theo mục đích sử dụng và bộ phận sử dụng. - Đối chiếu nguyên giá trên sổ kế toán với nguyên giá trên Bảng tính khấu hao TSCĐ: Có chênh lệch không? Nguyên nhân? - So sánh biến động nguyên giá cuối năm so với đầu năm: Phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của DN không? - Xác định Phương pháp khấu hao DN đang áp dụng với từng loại TSCĐ đã phân tích: Phù hợp không? Nhất quán với năm trước không?
	D174 D175		B2: Kiểm soát tính phát sinh của nguyên giá TSCĐ - Test tăng/giảm TSCĐ: Phù hợp với VAS chưa? Việc tăng/giảm có bất thường không? Phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của DN không? - Xác định công nợ và dòng tiền từ hoạt động đầu tư/thanh lý (tăng/giảm) TSCĐ trên.
	D1a2		B3: Kiểm soát tính hiện hữu của TSCĐ qua đánh giá hồ sơ kiểm kê của DN + Tài liệu chứng kiến kiểm kê: Tin cậy không? Có TSCĐ nào bất thường không sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh không?
	D162 D163		B4: Phân tích Chi phí khấu hao - Đánh giá việc phân bổ khấu hao vào chi phí sản xuất kinh doanh của từng loại TSCĐ theo mục đích và bộ phận sử dụng đã phân tích tại B1: Phù hợp không? Đối chiếu số liệu sổ kế toán với Bảng khấu hao.

		- So sánh chi phí khấu hao phân bổ vào từng khoản mục chi phí 6274, 6414, 6424 năm 2020 và 2021; Giữa các tháng trong năm 2021? Giải thích nguyên nhân và định hướng TOD cho biến động bất thường.
	D176	B5: Kiểm soát tính phát sinh và đầy đủ của Chi phí khấu hao - Rà soát bảng khấu hao TSCĐ của DN dựa trên đánh giá tại B4: Phù hợp không? Thời gian khấu hao và Chi phí khấu hao có phù hợp quy định của Thuế không? - Ước tính lại chi phí khấu hao dựa vào các đánh giá trên và trọng yếu.
	D176	B6: Thuyết minh TSCĐ, lưu ý: - Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao còn sử dụng; - Giá trị còn lại của TSCĐ đem cầm cố, thế chấp (kết hợp Vay).
		B7: Thu thập Hợp đồng cho thuê TSCĐ để thuyết minh thu nhập từ cho thuê hoạt động TSCĐ của DN, dựa trên TSCĐ đã phân tích theo mục đích sử dụng tại B1.

**2.2.2.1. Thực hiện thủ tục chung**

Kiểm tra chính sách kế toán có áp dụng nhất quán với năm trước và phù hợp với khuôn khổ về lập và trình bày BCTC được áp dụng không. Trường hợp có thay đổi chính sách kế toán đơn vị có tuân thủ theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 29 không. Giấy làm việc 6.04.1 và 6.04.2 được trình bày ở phần Phụ lục 3.

**2.2.2.2. Thiết kế và thực hiện các thử nghiệm kiểm soát**

Việc đánh giá KSNB thông qua thử nghiệm kiểm soát đóng vai trò rất quan trọng bởi nó định hướng công việc cho cuộc kiểm toán. Ở bước này, KTV lựa chọn ngẫu nhiên một số nghiệp vụ về TSCĐ trong năm 2020 và đối chiếu với tài liệu để:

- Kiểm tra sự đầy đủ, hợp lý, hợp lệ của các chứng từ có liên quan.
- Kiểm tra sự phê duyệt của các cấp có thẩm quyền (các chữ ký, đóng dấu...) trên chứng từ.

Giấy làm việc của KTV được trình bày ở phần Phụ lục 4.

**2.2.2.3. Thử nghiệm cơ bản**

**a. Thủ tục phân tích**

- So sánh, phân tích số dư TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình năm nay so với năm trước; tỷ lệ TSCĐ trên tổng tài sản. Tìm hiểu và thu thập giải trình cho các biến động bất thường. Trình bày ở giấy làm việc D161.

- So sánh chi phí khấu hao TSCĐ năm nay/kỳ này với năm trước/kỳ trước, với kế hoạch, giữa các tháng (quý) trong năm/kỳ. Tìm hiểu và thu thập giải trình cho các biến động bất thường. Trình bày ở giấy làm việc D162.

- Giải thích và phân tích đối ứng bất thường. Trình bày ở giấy làm việc D163.

Các giấy làm việc thủ tục phân tích được trình bày như sau:

				D161
Khách hàng:	Công ty Cổ phần ABC	Người thực hiện:	V.C.Y.N	Ngày: 10/01/2022
Kỳ kế toán:	31/12/2021	Người soát xét:	B.X.H	Ngày: 10/01/2022
Khoản mục:	Tài sản cố định /Fixed Assets	WP ref: D112		
<b>Thủ tục</b>	<b>Thủ tục phân tích/ Analytical procedures</b>			
<b>Mục đích</b>	Nhận diện các biến động bất thường và giải thích cho các biến động này với hoạt động của doanh nghiệp			
<b>Công việc</b>	So sánh số dư với đầu năm và so sánh số phát sinh với năm/kỳ trước. Tìm hiểu và thu thập sự giải thích cho bất kỳ các thay đổi bất thường nào. Phân tích tỷ trọng trên tổng tài sản			
	Số dư cuối năm/kỳ này	Chênh lệch	Tỷ trọng/Tổng TS	Số dư đầu năm/kỳ này
Tài sản cố định hữu hình	12.274.853.843	852.116.909	2,22%	11.422.736.934
- Nguyên giá	12.274.853.843	852.116.909	2,22%	11.422.736.934
- Giá trị hao mòn lũy kế	9.766.358.135	(1.388.181.477)	1,77%	11.154.539.612
	2.508.495.708	2.240.298.386	0	268.197.322
		Tỷ trọng		
Tổng cộng tài sản	551.980.096.960	0,45%		
<b>Nhận xét</b>	Nguyên giá tài sản cố định năm nay tăng hơn so năm trước cụ thể là 852.116.909 đồng tương ứng 2,22% Nguyên nhân là do đơn vị có mua sắm thêm 1 số phương tiện vận chuyển			
<b>Kết luận</b>	Đạt được mục tiêu kiểm toán			

Sau khi thực hiện thủ tục phân tích số dư TSCĐ ta có thể kết luận: Năm 2021 nguyên giá TSCĐ tăng hơn so với năm trước vì trong năm 2021 đơn vị có mua sắm thêm một số thiết bị, phương tiện vận chuyển để phục vụ cho công việc kinh doanh. Thủ tục này được trình bày đầy đủ trên giấy làm việc D161 và đạt được mục tiêu kiểm toán.

								D162
Khách hàng: Công ty Cổ phần ABC				Người thực hiện: V.C.Y.N		Ngày: 10/01/2022		
Kỳ kế toán: 31/12/2021				Người soát xét: B.X.H		Ngày: 10/01/2022		
Khoản mục: Tài sản cố định /Fixed Assets						WP ref: D176		
<b>Thủ tục:</b> Thủ tục phân tích/ Analytical procedure								
<b>Mục đích:</b> Nhận diện các biến động bất thường và giải thích cho các biến động này với hoạt động của doanh nghiệp								
<b>So sánh sự biến động về chi phí khấu hao</b>								
	Kỳ này	Kỳ trước	Chênh lệch	Tỷ lệ				
Chi phí khấu hao TSCĐHH	9.766.358.135	11.154.539.612	(1.388.181.477)	-12,44%				
<b>Phân tích chi phí khấu hao phát sinh theo quý</b>								
Chi phí khấu hao TSCĐHH								
Quý 1	Tỷ trọng	Quý 2	Tỷ trọng	Quý 3	Tỷ trọng	Quý 4	Tỷ trọng	Tổng cộng
136.155.792	35%	55.467.780	14%	54.208.260	14%	139.597.600	36%	385.429.432
<b>Nhận xét:</b> Chi phí khấu hao TSCĐ năm nay giảm 12,44% tương ứng 1.388.181.477 đồng.								
Chi phí khấu hao phát sinh theo từng quý ở đơn vị nhìn chung không chênh lệch quá nhiều, phù hợp với quy mô, loại hình kinh doanh của đơn vị								
<b>Kết luận:</b> Đạt được mục tiêu kiểm toán.								

Ở giấy làm việc D162 đã trình bày sự chênh lệch Chi phí khấu hao năm nay so với năm trước và phân tích rõ tỷ trọng khấu hao qua các quý trong năm 2021. Có thể kết luận chi phí khấu hao ở các quý không có sự chênh lệch lớn phù hợp với quy mô, loại hình kinh doanh của đơn vị.

					D163
Khách hàng	Công ty Cổ phần ABC		Người thực hiện:	V.C.Y.N	Ngày: 10/01/2022
Kỳ kế toán	31/12/2021		Người soát xét:	B.X.H	Ngày: 10/01/2022
Khoản mục	Tài sản cố định /Fixed Assets				
<b>Thủ tục</b>	Tổng hợp và giải thích đối ứng tài khoản, Rà soát nội dung, liệt kê các nghiệp vụ bất thường				
<b>Mục đích</b>	Tổng hợp các đối ứng tài khoản để phát hiện các nghiệp vụ đối ứng bất thường Rà soát tổng thể nội dung các nghiệp vụ kinh tế				
<b>Tài khoản 211</b>					
Tài khoản đối ứng	Tên TK đối ứng	Số phát sinh		Nội dung đối ứng Nợ	Nội dung đối ứng Có
		Ps nợ	Ps có		
111	Tiền mặt	310.010.000	-	Thanh toán tiền lệ phí sử dụng đường bộ, tiền lệ phí trước bạ ô tô, tiền phí đăng kiểm xe, tiền mua biển số xe.	
112	Tiền gửi ngân hàng	257.572.182	-	Công ty ABC thanh toán tiền hàng theo HĐ số 9x/1x/HĐ/DS/HN/21 và HĐ 01	
214	Hao mòn TSCĐ	-	1.773.610.909		Hạch toán giảm nguyên giá xe ô tô Toyota Fortuner 30A - 836.61 và TOYOTA INNOVA 29A - 960.53 đã thanh lý
331	Phải trả người bán	2.058.145.636	-		Mua xe ô tô TOYOTA FORTUNER BS 30H-159.59 và TOYOTA FORTUNER BS 30H-159.63
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.625.727.818</b>	<b>1.773.610.909</b>		

**Tài khoản 214**

Tài khoản đối ứng	Tên TK đối ứng	Số phát sinh		Nội dung đối ứng Nợ	Nội dung đối ứng Có
		Ps nợ	Ps có		
211	Tài sản cố định	1.773.610.909	-	Hạch toán giảm nguyên giá xe ô tô Toyota Fortuner 30A - 836.61 và TOYOTA INNOVA 29A - 960.53 đã thanh lý	
642	Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	385.429.432		Khấu hao TSCĐ
	<b>Tổng cộng</b>	1.773.610.909	385.429.432		

**Nhận xét** Đơn vị hạch toán đầy đủ, chính xác các nghiệp vụ phát sinh trong năm. Không có nghiệp vụ bất thường xảy ra

**Kết luận** Đạt được mục tiêu kiểm toán

Đối với giấy làm việc D163, KTV thu thập số liệu từ Sổ cái kế toán để phân tích các nghiệp vụ đã phát sinh trong kỳ, từ đó xem xét đơn vị có định khoản đúng hay không, có những nghiệp vụ nào bất thường hay không. Từ kết quả thu thập và phân tích, kết luận rằng đơn vị gần như định khoản các nghiệp vụ phát sinh phù hợp với Chuẩn mực kế toán hiện hành. Không có nghiệp vụ nào nhận thấy bất thường.

Sau khi thực hiện thủ tục phân tích và trình bày trên các giấy làm việc, có thể kết luận những biến động ở khoản mục TSCĐ ở góc độ tổng quát vẫn chưa có gì bất thường. KTV tiếp tục thực hiện các thủ tục kiểm tra chi tiết.

**b. Thủ tục kiểm tra chi tiết**

- Tham gia chứng kiến kiểm kê thực tế TSCĐ cuối kỳ, đảm bảo các thủ tục kiểm kê được thực hiện phù hợp và chênh lệch giữa số liệu kiểm kê thực tế và số liệu kế toán (nếu có) đã được xử lý. Đánh giá tình trạng sử dụng của từng TSCĐ. Chứng từ được trình bày ở phần Phụ lục 5.

- Chọn mẫu Kiểm tra chứng từ gốc các TSCĐ tăng/giảm trong năm/kỳ. Đánh giá việc ghi nhận TSCĐ có đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn theo quy định của các chuẩn mực kế toán liên quan hay không. Trình bày ở giấy làm việc D174 và D175.

- Xem xét và tính toán lại việc tính khấu hao các TSCĐ trong năm/kỳ. Trình bày ở giấy làm việc D176.

Các giấy làm việc thủ tục kiểm tra chi tiết được thể hiện như sau:



										D174
Khách hàng	Công ty Cổ phần ABC					Người thực hiện:	V.C.Y.N		Ngày: 10/01/2022	
Kỳ kế toán	31/12/2021					Người soát xét:	B.X.H		Ngày: 10/01/2022	
Khoản mục	Tài sản cố định /Fixed Assets					WP ref: D112				
<b>Thủ tục</b>	Kiểm tra chi tiết nghiệp vụ tăng tài sản cố định									
<b>Mục đích:</b>	Kiểm tra tính đầy đủ, chính xác									
<b>Công việc</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra căn cứ, thủ tục ghi nhận tăng TSCĐ, thời điểm TSCĐ đưa vào sử dụng, thời gian dự kiến khấu hao TSCĐ.</li> <li>- Kiểm tra việc tính đúng, tính đủ nguyên giá TSCĐ</li> </ul> <p>Đảm bảo các chi phí sau đây không bao gồm trong nguyên giá TSCĐ HH, TSCĐ VH tự làm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi phí nguyên vật liệu lãng phí, chi phí lao động và các khoản chi phí khác sử dụng vượt mức bình thường.</li> <li>- Chi phí đào tạo nhân viên để vận hành.</li> <li>- Lãi nội bộ.</li> </ul>									
Cách thức chọn mẫu: Kiểm tra tất cả các nghiệp vụ phát sinh tăng trong kỳ										
STT	Mã TSCĐ	Tên Tài sản cố định	Phân loại	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Nguyên giá TSCĐ đã ghi nhận	Nguyên giá TSCĐ KTV xác định	Chênh lệch	Chứng từ đã kiểm tra	Đánh giá kết quả kiểm tra
Tài sản cố định hữu hình	056.20	Xe Ô tô TOYOTA Fortuner Gun165L-Sutsxu	Phương tiện vận tải	07-10-21	GS10003	1.065.000.000	1.065.000.000	-	Chứng từ kế toán, HĐ GTGT, Phiếu kiểm tra chất lượng, Biên bản bàn giao, Hợp đồng mua bán, Tờ trình, Báo giá	Hợp lệ, hợp pháp
	057.21	Xe Ô tô TOYOTA Fortuner Gun165L-Sutsxu		07-10-21	GS10003	1.065.000.000	1.065.000.000	-		
		Tổng cộng				2.130.000.000				
<b>Nhận xét:</b>	Năm nay đơn vị mua thêm 2 chiếc xe ô tô cùng loại với nhau phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh.									
<b>Kết luận</b>	Đạt được mục tiêu kiểm toán									

										D175
Khách hàng	Công ty Cổ phần ABC					Người thực hiện:	V.C.Y.N	Ngày:	10/01/2022	
Kỳ kế toán	31/12/2021					Người soát xét:	B.X.H	Ngày:	10/01/2022	
Khoản mục	Tài sản cố định /Fixed Assets					WP ref: D112				
<b>Thủ tục</b>	Kiểm tra chi tiết nghiệp vụ giảm tài sản cố định									
<b>Mục đích</b>	Kiểm tra tính đầy đủ, chính xác									
<b>Công việc</b>	Kiểm tra chứng từ gốc liên quan đến TSCĐ giảm trong năm/kỳ (quyết định thanh lý, quyết định điều chuyển nội bộ, hóa đơn,...). Kiểm tra hạch toán giảm TSCĐ do điều chuyển, thanh lý, nhượng bán trong năm/kỳ.									
Cách thức chọn mẫu: Kiểm tra tất cả các nghiệp vụ phát sinh giảm TSCĐ										
STT	Mã TS	Tên Tài sản cố định	Lý do giảm	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá bán	Chứng từ đã kiểm tra	Đánh giá kết quả kiểm tra
Tài sản cố định hữu hình	041.13	Xe TOYOTA INNOVA 29A – 960.53		06-10-21	GS10002	627.272.727	0	136.363.636		
	045.15	Xe Toyota Fortuner 30A – 836.61		31-10-21	GS10051	1.146.338.182	15.921.338	181.818.182		
		Tổng cộng				1.773.610.909				
<b>Nhận xét</b>	TSCĐ đã hết giá trị khấu hao và tình trạng sử dụng không còn được tốt nữa nên đơn vị quyết định thanh lý.									
<b>Kết luận</b>	Chính xác, hợp lý. Đạt được mục tiêu kiểm toán.									

							D176				
Khách hàng	Công ty Cổ phần ABC					Người thực hiện:	V.C.Y.N	Ngày:	10/01/2022		
Kỳ kế toán	31/12/2021					Người soát xét:	B.X.H	Ngày:	10/01/2022		
Khoản mục	Tài sản cố định /Fixed Assets					WP ref :D162					
Thủ tục	Đối chiếu Danh mục TSCĐ trên bảng tính khấu hao với Biên bản kiểm kê Kiểm tra thời gian khấu hao với khung khấu hao theo TT45 Tính lại khấu hao của các TSCĐ trong kỳ <b>1. Phương pháp trích khấu hao:</b> Công ty áp dụng theo phương pháp đường thẳng <b>2. Thời gian khấu hao:</b> Công ty áp dụng theo TT45/2013/TT-BTC Danh mục TT45 Phương tiện vận tải 5-10 năm 6-10 năm >>ok Thiết bị dụng cụ quản lý 3-5 năm 3-10 năm >>ok >>Thời gian hữu ích đơn vị sử dụng phù hợp <b>3. Test lại bảng KH</b>										
		31/12/2021									
		<b>Số liệu theo Bảng tính khấu hao (khách hàng)</b>					<b>Số liệu KTV tính toán lại</b>				
Mã Tài sản	Tên Tài sản	Nguyên giá	Thời điểm tăng	Thời gian khấu hao (năm)	Khấu hao trong kỳ	Giá trị còn lại tại 31/12/2021	Nguyên giá xác định lại	Thời gian sử dụng xác định lại	Khấu hao tính lại	Chênh lệch	
015.07	Máy chủ IBM X3400-16A	43.083.600	15/10/2007	3	-	-	43.083.600	3	-	-	
039.12	Máy chủ IBM X3650M3 7945-D2A	78.820.000	30/08/2012	3	-	-	78.820.000	3	-	-	
040.13	Máy chiếu Sony VPL-EX271	31.490.000	27/02/2013	3	-	-	31.490.000	3	-	-	
053.18	Máy tính chủ HPEDL380G10-1	286.500.000	15/1/2018	3	-	-	286.500.000	3	-	-	
054.18	Máy tính chủ HPEDL380G10-2	286.500.000	15/1/2018	3	-	-	286.500.000	3	-	-	
043.15	Máy photocopy Ricoh MP 4054-01	93.727.273	4/2/2015	3	-	-	93.727.273	3	-	-	

048.16	Máy photocopy Ricoh MP 4054-02	93.727.273	1/12/2016	3		-	93.727.273	3	-	-
047.16	Xe oto Toyota Fortuner 646.70	1.187.006.309	5/9/2016	3		-	1.187.006.309	3	-	-
044.15	Xe oto Mercedes Benz E200	1.968.000.000	2/4/2015	6		-	1.968.000.000	6	-	-
046.16	Xe oto Mercedes Benz E250 649.41	2.413.412.700	4/9/2016	3		-	2.413.412.700	3	-	-
052.17	Xe oto Mercedes Benz E250 990.51	1.666.557.636	15/12/2017	3		-	1.666.557.636	3	-	-
056.20	Xe oto Toyota Fortuner 30H-159.63	1.123.186.818	10/2021	6	46.799.451	1.076.387.367	1.123.186.818	6	46.799.451	-
057.21	Xe oto Toyota Fortuner 30H-159.95	1.123.186.818	10/2021	6	46.799.451	1.076.387.367	1.123.186.818	6	46.799.451	-
058.22	Hệ thống điều hòa nhà ăn	121.782.000	10/2021	3	5.074.250	116.707.750	121.782.000	3	5.074.250	-
059.23	Máy photo Ricoh-03	113.938.182	10/2021	3	4.747.424	109.190.758	113.938.182	3	4.747.424	-
60,24	Điều hòa Daikin âm trần tầng 5	143.634.000	12/2021	3	5.984.750	137.649.250	143.634.000	3	5.984.750	-
026.09	Xe quạp giấy Nisan YL02M25	242.857.143	20/02/2009	6	-	-	242.857.143	6	-	-
051.17	Máy photo Ricoh-03	35.340.000	01/04/2017	3		-	35.340.000	3	-	-
050.16	Xe ô tô tải hiệu ISUZU	354.545.455		3		-	354.545.455	3	-	-
049.16	Xe ô tô Ford Transit	726.363.636		3		-	726.363.636	3	-	-
032.10	Máy in HP 4015N	30.000.000	12/04/2010	3	-	-	30.000.000	3	-	-
041.13	Hệ thống camera	33.865.000	25/06/2013	3	-	-	33.865.000	3	-	-
055.19	Máy ảnh Canon	77.330.000	01/01/2019	3	25.776.667	51.553.333	77.330.000	3	25.776.667	-

**Nhận xét:** Trong năm đơn vị trích khấu hao TSCĐ đầy đủ và chính xác  
 Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 9.571.796.025 VND  
**Kết luận:** Đạt được mục tiêu kiểm toán.

KTV đã thực hiện tính toán chi phí khấu hao của các TSCĐ ở đơn vị. Đơn vị áp dụng đúng với phương thức khấu hao đã quy định, thời gian khấu hao của các TSCĐ cũng được áp dụng theo Thông tư. Có một số tài sản chi phí khấu hao được tính hơi chênh lệch so với kết quả của KTV khi tính toán lại và một số tài sản đã hết khấu hao nhưng đơn vị vẫn còn đang sử dụng. tuy nhiên khoản chênh lệch này rất nhỏ, không đáng kể nguyên nhân có thể trong quá trình làm tròn số.

Sau khi thực hiện các thủ tục phân tích, kiểm tra chi tiết, có thể đưa ra những kết luận sau:

- Đơn vị cung cấp đầy đủ số liệu, chứng từ liên quan, cần thiết đến khoản mục TSCĐ phục vụ tốt cho quá trình kiểm toán tại đơn vị;
- Số liệu đơn vị cung cấp trung thực, hợp lý và chính xác;
- Đơn vị thực hiện trích chi phí khấu hao và thời gian khấu hao theo thông tư quy định và nhất quán với kỳ trước.
- TSCĐ được sử dụng đúng mục đích, không lãng phí, hiệu quả.
- TSCĐ được ghi nhận chính xác và kịp thời.
- Một số TSCĐHH đã được khấu hao hết nhưng đơn vị vẫn còn sử dụng.

### **2.2.3. Kết thúc kiểm toán**

#### **2.2.3.1. Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán**

Theo Chuẩn mực kiểm toán số 560, “*Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán là những sự kiện phát sinh kể từ sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày lập báo cáo kiểm toán và những sự việc mà kiểm toán viên biết được sau ngày lập báo cáo kiểm toán*”.

Theo như theo dõi của KTV, Công ty không có các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến khoản mục TSCĐ được trình bày trên BCTC hay làm thay đổi ý kiến kiểm toán.

#### **2.2.3.2. Tổng hợp bút toán điều chỉnh**

Qua quá trình kiểm toán Công ty Cổ phần ABC, căn cứ vào những bằng chứng thu thập được cũng như phạm vi kiểm toán cho phép, KTV kết luận khoản mục TSCĐ của Công ty Cổ phần ABC năm 2021 không có sai sót trọng yếu nào cần điều chỉnh, việc ghi nhận, xếp loại TSCĐ của công ty là phù hợp.

Giấy làm việc 3.02 và 3.03 được trình bày ở phần Phụ lục 8, 9 và Phụ lục 10

#### **2.2.3.3. Phát hành báo cáo kiểm toán và thư quản lý**

Các trợ lý KTV cần thực hiện là hoàn thiện các giấy tờ làm việc và trình bày kết quả công việc của mình tới trưởng nhóm kiểm toán. Sau đó trưởng nhóm kiểm toán sẽ soát xét giấy tờ làm việc và trao đổi thông tin với các thành viên trong nhóm kiểm toán để nhận định những điểm còn thiếu sót và đưa ra những nội dung chi tiết cần làm rõ. Trao đổi thông tin và thống nhất kết quả kiểm toán với khách hàng. Từ đó hoàn thiện BCKT.

Sau khi hoàn thiện BCKT được trải qua ba cấp soát xét:

- Soát xét cấp phòng được Trưởng/Phó Phòng phụ trách.
- Soát xét cấp phòng Kiểm soát chất lượng.

- Soát xét cấp công ty được Tổng giám đốc/Phó tổng giám đốc phụ trách.

Nhận được sự đồng ý phát hành báo cáo từ cấp cao, KTV gửi báo cáo đã được duyệt cho khách hàng.

Cuối cùng, lấy số báo cáo và đóng dấu.

#### *2.2.3.4. Tổ chức lưu hồ sơ*

Hồ sơ kiểm toán được lưu trữ theo quy chế văn thư lưu trữ của Công ty.

Hồ sơ kiểm toán được sắp xếp khoa học, có tên nhãn hồ sơ đầy đủ.

### **2.3. Nhận xét quy trình kiểm toán khoản mục Tài sản cố định tại Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

#### **2.3.1. Ưu điểm**

TSCĐ là một khoản mục rất quan trọng trên bảng cân đối kế toán đối với doanh nghiệp vì nó thể hiện tiềm lực của doanh nghiệp. Đặc thù của khoản mục này là số nghiệp vụ phát sinh khá ít so với các nghiệp vụ thường xuyên khác của doanh nghiệp như mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ. Tuy nhiên phát sinh của một nghiệp vụ lại lớn, có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Quy trình kiểm toán khoản mục này ở AASC rất được quan tâm và thực hiện tương đối hoàn thiện.

Qua tìm hiểu quy trình kiểm toán báo cáo tài chính tại Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC nói chung và quy trình kiểm toán khoản mục TSCĐ nói riêng, có thể thấy những ưu điểm nổi bật sau:

##### *2.3.1.1. Giai đoạn chuẩn bị kiểm toán*

AASC là một công ty kiểm toán lớn với chất lượng dịch vụ hàng đầu tại Việt Nam nhưng Công ty không vì thế mà dựa vào uy tín của mình để bỏ qua những công việc tưởng như không quan trọng trong giai đoạn này. Công ty có nhiều khách hàng lâu năm, sử dụng dịch vụ của AASC từ năm này sang năm khác, tuy nhiên mọi thủ tục vẫn được thực hiện đầy đủ. Nhiều công ty kiểm toán khác có thể lợi dụng việc kiểm toán khách hàng quen thuộc nên bỏ qua các công việc như thu thập thông tin khách hàng, đánh giá rủi ro kiểm toán nhưng AASC vẫn thực hiện đầy đủ các công việc này. Đây chính là một trong những điểm tạo nên sự khác biệt của AASC, Công ty nhận định đây là bước cực kỳ quan trọng, có ảnh hưởng lớn đến cuộc kiểm toán BCTC và từ đó ảnh hưởng đến hình ảnh của Công ty.

Chương trình kiểm toán khoản mục TSCĐ được thiết kế chi tiết, đầy đủ và hợp lý tạo điều kiện thuận lợi cho KTV tiến hành kiểm toán.

Việc thu thập thông tin về khách hàng được tiến hành thận trọng và đầy đủ. Ngoài việc tiếp xúc trao đổi trực tiếp với các kế toán, BGĐ của khách hàng, KTV còn tìm hiểu nghiên cứu các nguồn khác như báo trí, Internet, cũng như quan sát trực tiếp hoạt động

kinh doanh của khách hàng, các chính sách kế toán, điều lệ quy định của công ty. Cho nên các thông tin thu thập được đảm bảo một cách khách quan, tạo điều kiện cho cuộc kiểm toán đạt được chất lượng tốt nhất.

Hiện tại công ty đang áp dụng phương pháp kiểm toán chuẩn được xây dựng trên cơ sở các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và Quốc tế, cũng như tham khảo thêm công nghệ để giúp nâng cao chất lượng của cuộc kiểm toán. Với những công cụ trợ giúp kỹ thuật tiên tiến, các cuộc kiểm toán của AASC trở nên khoa học, hợp lý và chính xác hơn.

Trong quá trình kiểm toán, các KTV luôn tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và Chuẩn mực kiểm toán quốc tế được thừa nhận ở Việt Nam.

### *2.3.1.2. Giai đoạn thực hiện kiểm toán*

Đối với việc kiểm tra hệ thống trong khoản mục TSCĐ, KTV của công ty luôn xem trọng vấn đề này bởi vì nếu tình hình TSCĐ được khách hàng quản lý tốt chặt chẽ thì KTV sẽ không mất thời gian cho những thủ tục khác nhau, rút ngắn quá trình kiểm toán. Trong quá trình này, các KTV thường sử dụng bảng đánh giá KSNB để kiểm tra đối với khách hàng xem có thực hiện quy trình kiểm soát mà khách hàng đặt ra không. Ví dụ như cách tính khấu hao có đúng quy định hay không, các chứng từ có được ký duyệt hay không, BGD của khách hàng có tiến hành kiểm tra định kỳ, thực hiện các chức năng nhiệm vụ của mình hay không. Các TSCĐ có được bảo quản đúng như quy định hay không. Ngoài ra, KTV còn tiến hành phỏng vấn các đối tượng có liên quan như BGD, nhân viên công ty để xem công ty có đáp ứng đầy đủ yêu cầu quy trình kiểm tra kiểm soát TSCĐ.

Đối với việc thực hiện thủ tục phân tích, AASC đã thực hiện thủ tục phân tích sơ bộ đánh giá tổng quát tình hình tổng thể khách hàng qua việc thu thập các thông tin. Cách mà AASC đánh giá đó thông qua các chỉ tiêu trên số liệu mà khách hàng cũng cấp để tính ra chỉ tiêu tài chính cần thiết từ đó đánh giá tình hình hoạt động của công ty. Xem cơ cấu nguồn vốn, cơ cấu tài sản, các tỷ suất tài chính xem có hợp lý và phù hợp với tình hình hoạt động của công ty hay không. Bên cạnh đó, việc sử dụng thủ tục phân tích đối với TSCĐ cho phép AASC đánh giá tình hình biến động tài sản của khách hàng, xem nó có ảnh hưởng lớn tới kinh doanh của khách hàng không để đưa ra sự điều chỉnh, giúp cho khách hàng có một cơ cấu hợp lý để hoạt động kinh doanh của khách hàng đạt hiệu quả cao nhất.

Đối với thủ tục kiểm tra chi tiết có thể nhận thấy công ty đã thiết kế khá hoàn thiện. Ở mọi khoản mục, thủ tục kiểm tra chi tiết được thiết kế sao cho không bỏ sót rủi ro. Sau khi thu thập những giấy tờ làm việc của khách hàng, những nghiệp vụ phát sinh được kiểm tra đầy đủ, đối với các nghiệp vụ phát sinh có khả năng xảy ra sai phạm lớn, KTV luôn kiểm tra rất kỹ lưỡng. Ngoài ra, thủ tục kiểm tra chi tiết của AASC đã được

đúc kết từ kinh nghiệm làm việc của nhiều thế hệ trước và ngày càng được hoàn thiện hơn. Với khoản mục TSCĐ, thủ tục kiểm tra chi tiết của mỗi cuộc kiểm toán giống như hướng dẫn chung do công ty quy định, nhưng ở mỗi cuộc kiểm toán luôn biến đổi sao cho phù hợp với hoàn cảnh của từng khách hàng, tránh bỏ sót những rủi ro không đáng có bởi mỗi khách hàng đều có cách quản lý cũng như hạch toán khác nhau về TSCĐ của mình. Các bước tiến hành kiểm tra chi tiết TSCĐ được thực hiện tuần tự và logic, đầu tiên là tổng hợp TSCĐ qua sổ sách thu thập, tính lại khấu hao xem có phù hợp với quy định hiện hành không, sau đó kiểm tra chứng từ sổ sách xem có đầy đủ không.

### **2.3.1.3. Giai đoạn kết thúc kiểm toán**

Ưu điểm nổi bật nhất của giai đoạn kết thúc kiểm toán tại AASC là việc soát xét giấy tờ làm việc sau kiểm toán. Chi nhánh thiết kế quy trình soát xét rất chặt chẽ và chi tiết với 3 cấp độ (được trình bày chi tiết hơn trong báo cáo tổng hợp).

Đầu tiên, Trưởng nhóm tiến hành thu thập giấy tờ làm việc của các thành viên và trao đổi các vấn đề phát hiện được, sau đó sẽ trao đổi kỹ với các thành viên để hiểu rõ các vấn đề đó. Là người trực tiếp chỉ đạo cuộc kiểm toán, Trưởng nhóm hiểu rõ tình hình nên họ sẽ soát xét giấy làm việc đầu tiên, họ giúp các thành viên điều chỉnh lại giấy tờ làm việc cho phù hợp với yêu cầu. Tiếp theo, trưởng phòng nghiệp vụ sẽ thực hiện soát xét bước 2 và cuối cùng BGD sẽ soát xét bước thứ 3. BGD là những người có kinh nghiệm nên việc soát xét sẽ hiệu quả hơn trưởng nhóm soát xét. Họ có thể phát hiện ra những vấn đề chưa thỏa đáng trong giấy tờ làm việc và yêu cầu người thực hiện bổ sung.

Như vậy với 3 khâu soát xét giấy tờ, AASC luôn đảm bảo các kết luận đưa ra là thuyết phục dựa trên các giấy tờ làm việc, các bằng chứng thu thập được.

Sau mỗi cuộc kiểm toán, Công ty AASC luôn có những tư vấn thích hợp đối với đơn vị khách hàng được kiểm toán để hoàn thiện hơn công tác kế toán, giúp đơn vị đạt được hiệu quả kinh doanh cao nhất; điều này là một lợi thế của AASC tạo niềm tin cho khách hàng. Cuộc kiểm toán của AASC có độ tin cậy lớn với khách hàng, BCKT là chỗ dựa vững chắc cho các đối tượng liên quan ra quyết định đối với doanh nghiệp được kiểm toán.

### **2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân**

#### **2.3.2.1. Giai đoạn chuẩn bị kiểm toán**

- Về công tác đánh giá HTKSNB:

Mặc dù công việc này được quan tâm hàng đầu tuy nhiên vẫn còn tồn tại một hạn chế. Đó là việc KTV thực hiện tìm hiểu dựa trên phỏng vấn đơn vị khách hàng và ghi chép vào giấy tờ làm việc. KTV thực hiện 3 năm 1 lần việc trực tiếp quan sát đơn vị, trực tiếp chứng kiến hiệu quả của HTKSNB. Điều này nhiều khi dẫn đến các thông tin thu thập được không khách quan.



- Về xác định mức trọng yếu và rủi ro:

AASC áp dụng mức trọng yếu chung cho tất cả các khoản mục, không thực hiện phân bổ mức trọng yếu. Việc đánh giá mức trọng yếu này dựa trên các yếu tố như lợi nhuận, doanh thu, tài sản, nhưng công ty lại không quy định rõ việc lựa chọn tiêu chí như thế nào, tất cả được thực hiện dựa trên các xét đoán của KTV. Các KTV thường dựa vào tài liệu kiểm toán năm trước, cách đánh giá từ các năm trước làm căn cứ xác định mức trọng yếu. Do đó, việc đánh giá trọng yếu và rủi ro này có thể chưa sát với thực tế đơn vị và không khách quan.

### 2.3.2.2. Giai đoạn thực hiện kiểm toán

- Về thủ tục phân tích:

Dù thủ tục phân tích có rất nhiều ưu điểm như trên đã phân tích, tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế nhất định. Đó là việc AASC chỉ sử dụng số liệu phân tích do doanh nghiệp cung cấp, điều đó làm giảm đáng kể độ tin cậy trong các chỉ tiêu phân tích. Cụ thể, nếu KTV thực hiện phân tích sử dụng thêm các yếu tố bên ngoài, ví dụ như trị số của chỉ tiêu tương ứng chung cho toàn ngành, toàn lĩnh vực mà doanh nghiệp cung cấp, hoặc tham khảo các chỉ tiêu của các doanh nghiệp uy tín, doanh nghiệp đầu ngành thì số liệu phân tích sẽ đáng tin cậy hơn. Không chỉ có vậy, việc phân tích dựa vào số liệu của ngành hay của doanh nghiệp đầu ngành sẽ cung cấp thông tin về quản trị hữu ích cho doanh nghiệp khách hàng.

- Về việc kiểm tra chi tiết:

Khi kiểm tra chi tiết, cách chọn mẫu được đưa ra tùy theo từng khoản mục, có các cách chọn như: chọn mẫu đại diện, chọn mẫu không đại diện, chọn toàn bộ mẫu. Nhưng thường KTV chọn mẫu có số dư lớn, có thể chọn theo từng tháng một số mẫu bất thường với giá trị lớn hoặc những nghiệp vụ thường xuyên nhưng theo kinh nghiệm của KTV là những khoản đáng chú ý để kiểm tra chi tiết chúng từ. Hoặc thường kiểm tra những nghiệp vụ phát sinh vào cuối kỳ và đầu năm sau có nhiều rủi ro sai sót hơn. Phương pháp chọn mẫu nghiệp vụ có giá trị lớn, bất thường lại phụ thuộc hoàn toàn vào quyết định của KTV mà không có căn cứ nào để xác định, thậm chí giá trị như thế nào là lớn cũng không xác định rõ. Vì vậy việc áp dụng các phương pháp này chưa thật sự khoa học và hợp lý.

Bên cạnh đó còn một số nhân tố khác như:

+ Vấn đề sử dụng ý kiến chuyên gia và nhân sự trong mùa kiểm toán: Đội ngũ nhân viên còn ít kinh nghiệm. Trong khi đó yêu cầu của nền kinh tế, nhu cầu sử dụng dịch vụ kiểm toán ngày càng nhiều. Thực tế, khi vào mùa kiểm toán các công ty kiểm toán ký được rất nhiều hợp đồng kiểm toán, do đó các nhân viên của công ty phải chịu một áp lực rất lớn, điều này ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng của công việc kiểm toán.

+ Hạn chế về thời gian và nhân lực kiểm toán: Hạn chế do sức ép về thời gian và nhân lực cho cuộc kiểm toán là quá lớn. Thường thì một cuộc kiểm toán diễn ra từ 3 ngày đến 7 ngày, số lượng thành viên trong đoàn khoảng từ 3 đến 5 người. Sự sắp xếp này gây ra áp lực rất lớn vì khối lượng công việc đối với các khách hàng đều dồn toàn bộ vào thời gian này. Hơn thế nữa, giữa các cuộc kiểm toán, KTV không có thời gian hoàn thiện giấy tờ làm việc, hoàn thiện báo cáo. Kết thúc đợt kiểm toán tại khách hàng này, KTV tiếp tục phải di chuyển tới khách hàng khác vào ngày hôm sau nên áp lực công việc rất lớn. KTV thường phải kéo dài thời gian làm việc ban ngày tại khách hàng hơn 8 giờ/ngày để hoàn tất mọi thủ tục. Nên không thể tránh khỏi những thiếu sót có thể xảy ra.

### **Nguyên nhân của các hạn chế trên:**

Kiểm toán là một ngành dịch vụ đang phát triển mạnh ở nước ta, kinh nghiệm và trình độ chuyên môn của các công ty kiểm toán Việt Nam nói chung còn chưa cao. Tuy được thành lập khá sớm nhưng hiện nay AASC vẫn đang từng bước hoàn thiện và nâng cao hơn nữa quy trình và phương pháp kiểm toán BCTC nói chung và khoản mục TSCĐ nói riêng. Do đó, còn tồn tại khá nhiều hạn chế trong quy trình và phương pháp kiểm toán của công ty.

Cũng vì thời gian kiểm toán một khách hàng quá ngắn nên KTV thường tập trung vào các công việc quan trọng hơn. Thường thì một cuộc kiểm toán diễn ra trong khoảng từ 3 ngày đến 7 ngày, với khối lượng công việc rất lớn, nên các KTV không thể bỏ thời gian trực tiếp quan sát HTKSNB vì có thể làm ảnh hưởng đến các thủ tục khác.

Do Công ty cũng như Chi nhánh không có các quy định, các hướng dẫn nghiệp vụ chi tiết cho việc lựa chọn tiêu thức đánh giá mức trọng yếu khi thực hiện đánh giá mức trọng yếu và rủi ro nên các KTV phải thực hiện dựa theo xét đoán cá nhân.

Nguyên nhân của việc chọn mẫu một cách máy móc là do nếp làm việc từ nhiều năm hình thành thói quen của người làm kiểm toán. Các KTV thường dập khuôn các phương pháp kiểm toán từ năm trước cho năm sau nên không chú ý đến việc đổi mới phương pháp kiểm toán nói chung và phương pháp chọn mẫu nói riêng.

Một nguyên nhân rất quan trọng nữa đó là giới hạn về thời gian và chi phí của cuộc kiểm toán khiến cho KTV khó có thể thực hiện một cách đầy đủ các công việc đã được thiết kế trong chương trình kiểm toán, đặc biệt trong mùa kiểm toán thì sức ép về thời gian và chi phí kiểm toán ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng cuộc kiểm toán. Tại công ty AASC một cuộc kiểm toán thường kéo dài trong vòng từ 3 đến 7 ngày, giá phí của một cuộc kiểm toán thường được thoả thuận với công ty khách hàng nhưng trung bình khoảng 70 – 100 triệu cho một cuộc kiểm toán BCTC thông thường, so với các hãng kiểm toán lớn như KPMG, PwC, E&Y, Deloitte,... thì mức giá nêu trên là thấp. Tuy nhiên với các công ty kiểm toán Việt Nam thì mức giá thấp là một lợi thế, vì thị trường Việt Nam chủ yếu là các DN vừa và nhỏ, có nhu cầu kiểm toán lớn, nhưng giá phí kiểm

toán mà các công ty kiểm toán nước ngoài đưa ra so với mặt bằng chung của thị trường còn khá cao; mặt khác về phía DN cho rằng việc kiểm toán BCTC cuối niên độ là một công việc bắt buộc phải làm nhằm đảm bảo tính pháp lý cho BCTC của công ty mình. Tuy nhiên về lâu dài khi kinh tế thị trường phát triển, nhận thức của con người cũng thay đổi và yêu cầu về chất lượng kiểm toán ngày càng cao. Do đó các công ty kiểm toán nói chung và Công ty AASC nói riêng nên đặt ra cho mình các mục tiêu nhất định như nâng cao chất lượng dịch vụ, cải thiện giá phí kiểm toán...tạo cho mình một vị thế vững chắc trong ngành kiểm toán Việt Nam và mở rộng ra cả thị trường quốc tế.

## **CHƯƠNG 3: PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN QUY TRÌNH KIỂM TOÁN KHOẢN MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC**

### **3.1. Các định hướng phát triển của Công ty**

Hơn 30 năm hình thành và phát triển, đến nay AASC đã và đang khẳng định vai trò của mình trong nền kinh tế thị trường, trở thành bộ phận cấu thành quan trọng của hệ thống công cụ quản lý vĩ mô nền kinh tế - tài chính và đóng vai trò tích cực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Nhất là trong những năm gần đây, khi nền kinh tế Việt Nam đang có nhiều bước chuyển mình ấn tượng với vô số DN mọc lên trên nhiều loại hình khác nhau tạo nên một nền kinh tế đầy màu sắc, đa dạng, phong phú nhưng cũng không kém phần phức tạp.

Thị trường kiểm toán cũng trở nên náo nhiệt hơn, cạnh tranh gay gắt hơn với sự xuất hiện của vô số cái tên mới nhằm đáp ứng nhu cầu cần thiết về công khai, minh bạch thông tin tài chính, phục vụ lợi ích của DN, các nhà đầu tư trong và ngoài nước, lợi ích của chủ sở hữu vốn, các chủ nợ cũng như lợi ích và yêu cầu của Nhà nước. Điều này đã tạo cho AASC không ít thử thách, khó khăn và không ngừng hoàn thiện hoạt động kiểm toán của mình nói chung và hoạt động kiểm toán BCTC nói riêng.

Thực tế, việc kết luận mỗi khoản mục trên BCTC nắm giữ vai trò rất quan trọng và có ảnh hưởng nhất định đến kết luận kiểm toán. Một trong những khoản mục đó phải kể đến TSCĐ. Bởi lẽ, TSCĐ là khoản mục chiếm tỷ lệ khá lớn trên giá trị tổng tài sản của công ty. Chính vì vậy, việc đưa ra kết luận đối với khoản mục này có ảnh hưởng rất lớn đến kết luận của cuộc kiểm toán khiến KTV phải đặc biệt quan tâm. Do đó việc hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục TSCĐ là rất cần thiết và góp phần rất lớn trong việc thực hiện định hướng chiến lược phát triển dài hạn, ban lãnh đạo AASC chủ trương tiếp tục hoàn thiện và chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ về kiểm toán, tư vấn, tiếp tục thực hiện tốt phương châm hoạt động vì lợi ích cao nhất của khách hàng

Trong thời gian tới, Công ty chủ trương đa dạng hóa các loại hình dịch vụ, trong đó quan tâm nhất đến vấn đề tư vấn vì lĩnh vực này chưa phát triển bằng kiểm toán, tuy nhiên có rất nhiều tiềm năng trong tương lai. Bên cạnh đó Công ty cũng chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ kiểm toán để đưa lĩnh vực này của công ty vươn lên tương xứng trình độ khu vực và quốc tế. Mở rộng hợp tác và xây dựng các mối quan hệ thành viên với các hãng kiểm toán quốc tế.

- Cung cấp các dịch vụ cho khách hàng: dịch vụ kiểm toán độc lập; dịch vụ tư vấn tài chính; dịch vụ kế toán; dịch vụ đào tạo; hướng nghiệp; dạy nghề trong lĩnh vực kế toán; dịch vụ định giá với chất lượng tốt nhất, giá cả phù hợp.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cả về nhân lực và vật lực để phục vụ tốt cho hoạt động của công ty.

- Nâng cao thu nhập cho người lao động, hoàn thành nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước và tạo điều kiện cho công ty phát triển ngày càng vững mạnh.

### **3.2. Phương hướng hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục Tài sản cố định tại Công ty TNHH Hăng kiểm toán AASC**

Qua nghiên cứu tìm hiểu quy trình và phương pháp kiểm toán khoản mục TSCĐ tại Công ty TNHH Hăng kiểm toán AASC, khoản mục này được công ty chú trọng thực hiện. Tuy nhiên còn có những hạn chế, em xin đưa ra một số kiến nghị về phương hướng hoàn thiện kiểm toán khoản mục TSCĐ như sau:

#### **3.2.1. Giai đoạn Lập kế hoạch kiểm toán**

##### *3.2.1.1. Về việc mở rộng tìm hiểu thông tin khách hàng*

Hiện nay các KTV ở AASC chỉ thu thập thông tin khách hàng cơ bản là từ chính khách hàng cung cấp, điều này thực sự chưa khách quan và sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Do vậy, cần sử dụng thêm nhiều phương pháp để tìm hiểu khách hàng ABC chi tiết nhất có thể:

- + Tìm hiểu qua các bên liên quan của công ty ABC, các đối tác, khách hàng,...
- + Tìm hiểu qua các kênh phương tiện đại chúng: Internet, Báo, Tạp chí, Tivi,...
- + Tìm hiểu qua ngân hàng mà công ty ABC đã mở tài khoản.

Bên cạnh các phương pháp tìm hiểu trên, AASC cũng nên tìm hiểu về mô hình SWOT và áp dụng vào việc tìm hiểu và phân tích các yếu tố bên trong và bên ngoài đơn vị khách hàng nhằm nâng cao chất lượng của giai đoạn này. SWOT là mô hình được hình thành dựa vào 4 yếu tố: Strengths (điểm mạnh); Weaknesses (điểm yếu); Opportunities (Cơ hội) và Threats (Nguy cơ). Với mô hình này AASC có thể nắm bắt được tình hình hiện tại về nguồn lực, lợi thế trong kinh doanh cũng như những điểm mà doanh nghiệp cần cải thiện, phân tích tình hình cạnh tranh của khách hàng trên thị trường, đánh giá được các yếu tố bên trong và bên ngoài khách hàng, qua đó xác định được mục tiêu và hướng đi cho các kế hoạch sắp tới của đơn vị cũng như định hướng tốt hơn cho giai đoạn thực hiện kiểm toán.

##### *3.2.1.2. Về việc tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ*

Tại Công ty AASC, KTV thực hiện tìm hiểu HTKSNB đối với các khoản mục kê cả khoản mục TSCĐ của khách hàng thông qua bảng câu hỏi. Tuy nhiên nội dung của bảng câu hỏi này chưa đầy đủ và chủ yếu là tìm hiểu về các chính sách kế toán mà Công

ty đang áp dụng với TSCĐ hơn là xem xét các thủ tục kiểm soát mà đơn vị thực hiện với khoản mục này. Do đó, AASC có thể thiết kế bổ sung bảng câu hỏi theo hướng tìm hiểu sâu hơn về hệ thống KSNB đối với khoản mục TSCĐ của công ty khách hàng như bảng 3.1 dưới đây:

**Bảng 3.1: Bảng câu hỏi bổ sung đánh giá kiểm soát nội bộ về Tài sản cố định**

<b>Câu hỏi</b>	<b>Có</b>	<b>Không</b>	<b>Không áp dụng</b>	<b>Chú thích</b>
1. Phương pháp tính khấu hao có được áp dụng hợp lý và nhất quán hay không?	X			
2. Khấu hao tài sản cố định được tính bằng hệ thống phần mềm hay do nhân viên tính thủ công?			X	
3. Nếu khấu hao tài sản cố định được tính bằng phần mềm thì đó là phần mềm gì?		X		
4. Hệ thống thẻ tài sản cố định có được duy trì và cập nhật kịp thời không?	X			
5. Việc mua sắm tài sản cố định có phải lập kế hoạch trước hàng năm không?	X			
6. Các công việc quyết định mua sắm, ghi chép, quản lý và sử dụng tài sản cố định có được tách biệt hay không?	X			
7. Các quy định về mua sắm, quản lý tài sản cố định có được công ty ban hành thành các quy định không?	X			
8. Tài sản cố định khi mua về có bắt buộc phải được kiểm tra và lập biên bản nghiệm thu trước khi giao cho bộ phận sử dụng và thanh toán không?	X			
9. Tài sản cố định có được mô tả đầy đủ thông tin trong thẻ tài sản cố định và thuận tiện cho việc dễ dàng nhận biết ở bên ngoài không?	X			

10. Tài sản cố định có được đánh mã số quản lý riêng để dễ dàng đối chiếu giữa ghi chép trên sổ và ngoài thực tế không?	X			
11. Khách hàng có văn bản quy định về trách nhiệm của người vận hành, sử dụng những tài sản cố định có giá trị lớn, quan trọng hoặc yêu cầu trình độ kỹ thuật nghiêm ngặt không? Ví dụ: dây chuyền công nghệ sản xuất,...	X			
12. Tài sản cố định khi di chuyển ra ngoài công ty có được theo dõi và có bắt buộc phải có sự đồng ý, phê duyệt bằng văn bản của cấp lãnh đạo có thẩm quyền trong đơn vị hay không?	X			
13. Đơn vị có mang tài sản cố định đi thế chấp vay vốn không?		X		
14. Những tài sản cố định đang thế chấp, cầm cố nhằm đảm bảo các khoản vay có được ghi nhận chéo để theo dõi riêng không?		X		
15. Công ty có bộ phận chuyên trách xử lý vấn đề khi tài sản cố định hư hỏng không?	X			
16. Các nhân viên có được phép tự ý sửa chữa tài sản cố định khi có sự cố xảy ra mà không cần xin phép cấp lãnh đạo hay không?		X		
17. Có phải các sự cố hư hỏng tài sản cố định đều được ghi lại thành biên bản và lưu giữ lại không?	X			
18. Các tài sản cố định chưa cần dùng có được bảo quản riêng trong kho để đảm bảo chúng không bị hư hại không?	X			
19. Tất cả tài sản cố định chờ thanh lý hoặc chưa sử dụng có được theo dõi và quản lý riêng không?	X			

20. Công ty có quy định về thanh lý tài sản cố định hay không?	X			
21. Các tài sản cố định khi thanh lý có thông qua sự phê duyệt của cấp lãnh đạo không?	X			
22. Công ty có quy định kiểm kê tài sản cố định ít nhất 1 lần trong năm hay không?	X			
23. Kế hoạch, hướng dẫn cũng như quá trình kiểm kê tài sản cố định có được lập thành văn bản và gửi trước cho các bộ phận, nhân sự tham gia kiểm kê hay không?	X			
24. Công ty có tham gia bảo hiểm cho hay không? Nếu có thì ghi rõ tỷ lệ giá trị tài sản được đăng ký bảo hiểm là bao nhiêu %?			X	
25. Công ty có tiến hành theo dõi, ghi chép đối với tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn đang tiếp tục sử dụng hay không?	X			
26. Đơn vị có tài sản cố định thuê không?		X		
27. Đơn vị có thực hiện phân công trách nhiệm đối với việc quản lý tài sản cố định tại các phân xưởng sản xuất hay không?	X			

Sau khi bổ sung một số câu hỏi như bảng trên KTV có thể đánh giá về HTKSNB của công ty khách hàng, khoanh vùng được những vấn đề mà đơn vị còn chưa hoàn thiện; đơn vị còn tồn tại những rủi ro kiểm soát. Từ đó KTV có thể ngăn chặn kịp thời các sai sót và đưa ra những ý kiến, đề xuất, giải pháp giúp Công ty khách hàng điều chỉnh được mức độ rủi ro kiểm toán và hoàn thiện HTKSNB tại đơn vị của mình.

Trên thực tế AASC chỉ sử dụng bảng câu hỏi được chuẩn bị trước là chủ yếu. Việc làm này vừa tiết kiệm thời gian, cũng như giảm các vấn đề bỏ sót tại đơn vị. Tuy nhiên,



bên cạnh việc đề xuất bảng câu hỏi được thiết kế riêng cho khoản mục TSCĐ thì lưu đồ cũng có thể là một giải pháp bổ sung thích hợp.

Lưu đồ là những hình vẽ biểu thị hệ thống thông tin kế toán và các hoạt động kiểm soát có liên quan bằng những ký hiệu được quy định. KTV có thể sử dụng các ký hiệu để mô tả công việc theo từng chức năng đơn giản, rõ ràng với từng loại nghiệp vụ, đối với trình tự luân chuyển của chứng từ, cũng như thủ tục kiểm soát. Từ đây, KTV có thể dễ nhận diện những thiếu sót của từng thủ tục. Đặc biệt, lưu đồ phù hợp khi được sử dụng để mô tả về hoạt động kiểm soát trong Công ty, DN có quy mô lớn.

Quy trình mua mới TSCĐ tại Công ty ABC được KTV tìm hiểu như sau:

+ Bộ phận có TSCĐ bị hư hỏng hay có nhu cầu mua thêm TSCĐ thì tiến hành lập Giấy báo hỏng hay Giấy đề nghị mua TSCĐ; sau đó trình lên BGD để phê duyệt

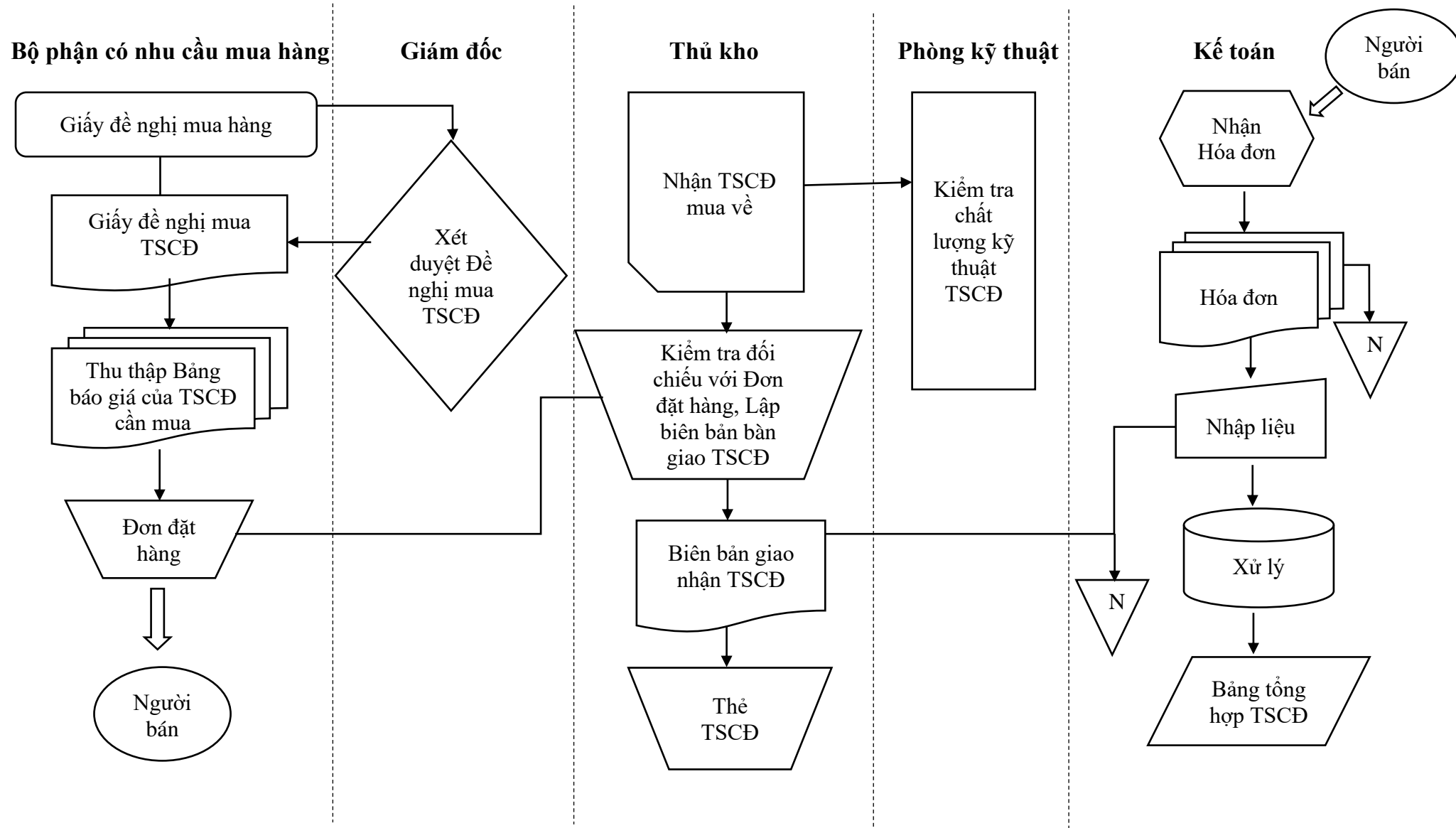
+ BGD sẽ xem xét việc mua sắm TSCĐ này là hợp lý hay không, nếu thấy hợp lý sẽ phê duyệt để bộ phận này mua TSCĐ;

+ Sau khi được xét duyệt, bộ phận này tiến hành thu thập Bảng báo giá đối với TSCĐ cần mua của ít nhất 3 nhà cung cấp khác nhau. Từ đó lựa chọn nhà cung cấp và lập tiếp Đơn đặt hàng để gửi nhà cung cấp;

+ Khi TSCĐ được đưa về đơn vị, bộ phận quản lý đối chiếu với Đơn đặt hàng và cùng với sự kiểm tra chất lượng, kỹ thuật của TSCĐ do Phòng kỹ thuật thực hiện để lập Biên bản giao nhận TSCĐ. Bộ phận quản lý TSCĐ sẽ gửi Hóa đơn mua TSCĐ cùng với Biên bản giao nhận TSCĐ lên Phòng kế toán để ghi sổ;

+ Kế toán TSCĐ sau khi nhận được chứng từ sẽ tiến hành nhập liệu vào máy tính để theo dõi trên Danh mục TSCĐ và trích khấu hao cho TSCĐ đó. Kế toán TSCĐ lưu trữ các chứng từ liên quan.

Dưới đây là lưu đồ minh họa cụ thể quy trình mua mới TSCĐ:



Sau khi áp dụng lưu đồ quy trình mua mới TSCĐ cụ thể như đã đề xuất, KTV dễ dàng đánh giá được trong quy trình mua còn gặp phải thiếu sót như: Việc đối chiếu giữa hai bộ phận thủ kho và kế toán ở giai đoạn cuối kỳ chưa được thực hiện, thiếu sót này có thể sẽ ảnh hưởng đến sự hiện hữu và tính chính xác của TSCĐ. Ví dụ: bộ phận kế toán vẫn theo dõi và phân bổ chi phí khấu hao của một loại TSCĐ mặc dù ở tại kho TSCĐ này đã bị hư hỏng, mất mát không còn được sử dụng nữa.

Do đó, AASC nên sử dụng lưu đồ quy trình mua mới TSCĐ này để áp dụng vào việc tìm hiểu, đánh giá HTKSNB của công ty khách hàng. Đặc biệt là các Công ty, DN có quy mô lớn.

### **3.2.2. Giai đoạn Thực hiện kiểm toán**

#### *3.2.2.1. Về việc vận dụng thủ tục phân tích*

Thủ tục phân tích giúp KTV có thể phát hiện về các sai số có khả năng xảy ra trên BCTC. Những chênh lệch đáng kể ngoài dự kiến giữa số liệu chưa được kiểm toán năm nay với số liệu năm trước hay một số liệu chuẩn của ngành được dùng để so sánh thường được xem như những biến động bất thường. Những biến động bất thường xảy ra khi những chênh lệch đáng kể không được dự kiến nhưng lại xảy ra hoặc những chênh lệch đáng kể được dự kiến nhưng lại không xảy ra. Trong cả hai trường hợp đó, một trong những lý do có thể xảy ra với một sự biến động bất thường là sự hiện diện của các sai số về kế toán hoặc sai quy tắc. Khi có biến động bất thường lớn, KTV phải xác định lý do của nó. Từ những biến động này, KTV có thể xác định được các công việc ở các bước tiếp theo của mình cần chú trọng hơn đặc biệt là thủ tục kiểm tra chi tiết.

Tuy nhiên, vận dụng thủ tục phân tích một cách chuyên nghiệp có tác dụng hỗ trợ rất nhiều đối với KTV trong việc giảm thiểu công việc trong giai đoạn kiểm tra chi tiết. Qua xét đoán nghề nghiệp, KTV phân tích, đánh giá sự biến động đồng thời qua quá trình tìm hiểu, thu thập thông tin ban đầu về khách hàng, KTV đã có thể đánh giá được những thay đổi đó là hợp lý hay không hợp lý. Và từ đó, KTV có thể thu hẹp tổng số mẫu cần kiểm tra chi tiết mà vẫn đảm bảo được rằng số mẫu đã chọn đủ lớn để đại diện cho tổng thể, sai sót trọng yếu nếu có vẫn được phát hiện và vẫn đảm bảo mục tiêu kiểm toán đã đặt ra.

AASC có thể hoàn thiện thủ tục phân tích bằng cách áp dụng thêm một số các chỉ tiêu để phân tích, như:

$$\text{Hệ số tài trợ TSCĐ} = \text{Vốn chủ sở hữu} / \text{TSCĐ}$$

Chỉ tiêu này giúp KTV có thể thấy được mức độ đầu tư vào TSCĐ của khách hàng, từ đó góp phần ước lượng mức trọng yếu của TSCĐ. Hệ số TSCĐ càng lớn chứng tỏ sự an toàn của DN càng giảm và ngược lại, hệ số TSCĐ càng thấp thì sự an toàn của DN càng cao.

Có thể lấy Công ty ABC là ví dụ minh họa như sau:

**Bảng 3.2: Phân tích hệ số tài trợ Tài sản cố định**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	01/01/2021
Vốn chủ sở hữu	310.342.001.347	289.189.319.409
Tài sản cố định	2.508.495.708	268.197.322
Hệ số tài trợ TSCĐ	123,72	1.078,27

Nhận xét: Qua bảng phân tích hệ số tài trợ TSCĐ của Công ty ABC từ đầu năm đến cuối năm 2021 cho thấy hệ số này đã giảm đi rất nhiều, điều này chứng tỏ Công ty trong năm 2021 ngày càng ổn định về mức độ đầu tư của Công ty đối với TSCĐ

Bên cạnh đó, để thủ tục phân tích được chính xác hơn nữa, đánh giá được một cách sát thực hơn nữa, KTV có thể sử dụng thêm Tỷ suất sinh lợi TSCĐ:

**Sức sinh lợi TSCĐ = Lợi nhuận sau thuế/ Nguyên giá TSCĐ bình quân**

Chỉ tiêu này cho biết được khi đầu tư 1 đồng vào TSCĐ thì sẽ tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế. Qua đó giúp KTV có thể nhìn nhận được mức độ sinh ra lợi nhuận từ việc đầu tư, nâng cấp TSCĐ.

Minh họa cụ thể tại Công ty ABC:

**Bảng 3.3: Phân tích hệ số sức sinh lợi của Tài sản cố định**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	01/01/2021	Biến động
Lợi nhuận sau thuế	46.061.978.752	40.043.873.273	15%
Nguyên giá TSCĐ bình quân	11.848.795.389	11.762.190.534	1%
Sức sinh lợi TSCĐ	3,89	3,40	14%

Nhận xét: Sức sinh lợi của TSCĐ tăng 14% từ năm 2020 đến 2021 tăng chứng tỏ Công ty ABC sử dụng có hiệu quả Tài sản cố định, Doanh thu thuần; lợi nhuận sau thuế và nguyên giá TSCĐ năm 2021 tăng so với 2020 điều này cho thấy công ty đã đầu tư TSCĐ để tạo ra nhiều lợi nhuận là phù hợp. Sức sinh lợi của TSCĐ có chiều hướng tăng lên, có nghĩa là hiệu quả của việc sử dụng tài sản cũng có hướng tăng lên.

Từ các phân tích trên KTV cần tập trung sự chú ý vào các nghiệp vụ tăng TSCĐ trong năm, đồng thời xem xét có phát sinh nghiệp vụ thanh lý TSCĐ nào không?

Từ những phân tích trên đây có thể cho thấy, thủ tục phân tích nếu thực hiện triệt để sẽ giúp ích rất nhiều trong quá trình kiểm toán, giúp KTV có được những bằng chứng thật sự đầy đủ và chính xác nhất nhưng cũng đảm bảo tiết kiệm thời gian và chi phí tối đa.

#### *3.2.2.2. Về kiểm tra chi tiết*

Trên thực tế phương pháp chọn mẫu kiểm toán mà AASC đang thực hiện thường là chọn mẫu theo nghiệp vụ đối ứng sổ chi tiết, chọn mẫu theo phán đoán của KTV và chọn theo những nghiệp vụ phát sinh với giá trị lớn hay phát sinh vào cuối niên độ kế toán. Từ những phương pháp chọn mẫu truyền thống mà AASC đang áp dụng ta nhận thấy được những nhược điểm như: phụ thuộc quá nhiều vào ý kiến chủ quan của KTV, đối với khách hàng quen thuộc thì đây còn là cơ hội để nhân viên che giấu sai phạm của những nghiệp vụ còn lại,... Vì vậy, để có thể chọn được những mẫu kiểm toán đại diện là căn cứ khách quan cho cuộc kiểm toán thì công ty nên sử dụng linh hoạt nhiều phương pháp khác nhau.

Hiện nay, với sự phát triển nhanh của công nghệ, công ty có thể thiết kế phần mềm chọn mẫu cho từng khoản mục, từng mục tiêu kiểm toán. Ví dụ như phần mềm Visual Basic, ứng dụng CAATs (kiểm tra dữ liệu),... Tại phần mềm, ứng dụng này người sử dụng có thể viết một lập trình và cho phép tự động chọn mẫu. Điều này giúp việc chọn mẫu khách quan, nhanh chóng và hiệu quả hơn. Phần mềm kiểm toán có thể tốn kém quá lớn nhưng chi phí hoàn toàn nằm trong tầm tay của Chi nhánh cũng như Công ty AASC. Đây là khoản vừa phải, đáng được đầu tư vì hiệu quả cao. Với việc KTV hiện nay làm việc hoàn toàn trên máy tính thì việc tiếp cận, sử dụng các phần mềm cũng trở nên đơn giản hơn.

## KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam hiện nay, kiểm toán có vai trò hết sức quan trọng không chỉ có với người có nhu cầu sử dụng BCTC, mà còn đối với các cơ quan chức năng. Với vai trò và nhiệm vụ của mình, kiểm toán dần chiếm một vị trí quan trọng trong việc tạo dựng niềm tin, làm lành mạnh các thông tin tài chính, góp phần hướng dẫn nghiệp vụ từ đó nâng cao hiệu quả, năng lực quản lý. Chính vì vậy, đối với ngành kiểm toán nói chung và hoạt động kiểm toán tại Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC nói riêng các dịch vụ mà công ty cung cấp đòi hỏi phải hoàn hảo, chất lượng cao với giá hợp lý.

Cùng với sự phát triển của ngành kiểm toán ở Việt Nam, Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC đã và đang đạt được nhiều thành tựu đáng kể, nâng cao chất lượng các dịch vụ nói chung và dịch vụ kiểm toán BCTC nói riêng, khẳng định vị thế, uy tín và danh tiếng của công ty kiểm toán hàng đầu trên thị trường.

TSCĐ là một bộ phận then chốt trong các DN, có vai trò quyết định đến sự sống còn của đơn vị. Mặt khác, nó lại là một khoản mục chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản, do đó, một sai sót nhỏ đối với khoản mục này cũng có thể sẽ ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC. Vì vậy, xây dựng một quy trình kiểm toán TSCĐ hoàn hảo sẽ góp phần rất lớn trong việc nâng cao chất lượng kiểm toán.

Trong quá trình học tập tại trường cùng với khoảng thời gian thực tập tại Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC em đã được tìm hiểu rất nhiều về thực tế quy trình kiểm toán TSCĐ tại đơn vị. Bên cạnh đó em còn được tham gia kiểm toán thực tế tại công ty khách hàng, qua đó giúp em hiểu thêm về quy trình kiểm toán khách hàng nói chung và kiểm toán TSCĐ nói riêng.

Mặc dù đã có những cố gắng để thực hiện đề tài một cách tốt nhất, song do bước đầu làm quen với công tác kiểm toán tại Công ty nên sẽ không tránh khỏi những sai sót nên em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo từ quý thầy cô cùng đề bài báo cáo được hoàn thiện hơn. Đó không những là nền tảng giúp em hoàn thành nghiên cứu khóa luận này mà còn là hành trang quý báu để em bước vào đời một cách vững chắc và tự tin hơn.

Qua đây em xin cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của cô Lê Thị Thanh Nhật đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

---

---

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Tài chính, Hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, Ban hành kèm theo Thông tư số 214/2012/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, 2012.
- [2] Các chuyên đề, khóa luận khác.
- [3] Hồ sơ kiểm toán Công ty Cổ phần ABC, hồ sơ Công ty TNHH Hăng kiểm toán AASC.
- [4] Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam, Chương trình kiểm toán mẫu kiểm toán báo cáo tài chính, 2019.
- [5] <https://aasc.com.vn/web/index.php>
- [6] Lê Thị Thanh Mỹ và cộng sự, Kiểm toán căn bản, Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2018.
- [7] Lê Trần Hạnh Phương và cộng sự, Giáo trình Kiểm toán Báo cáo tài chính 1, Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2020.
- [8] Thông tư 200/2014/TT-BTC.
- [9] Thông tư 45/2013/TT-BTC.
- [10] Tài liệu thu thập được trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH Hăng kiểm toán AASC và Công ty ABC.
- [11] Giáo trình “Kiểm toán” Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
- [12] Giấy tờ làm việc của kiểm toán viên tại Công ty TNHH Hăng kiểm toán AASC.
- [13] Trang web [www.kiemtoan.com](http://www.kiemtoan.com)
- [14] Trang web [www.vacpa.com.vn](http://www.vacpa.com.vn)
- [15] Trang web [www.topica.edu.vn](http://www.topica.edu.vn)

**DANH MỤC PHỤ LỤC**

Phụ lục 1: Tìm hiểu hoạt động kinh doanh và HTKSNB ở cấp độ toàn DN .....	1
Phụ lục 2: Chương trình kiểm toán TSCĐ .....	5
Phụ lục 3: Kiểm tra tổng thể BCTC .....	8
Phụ lục 4: Tìm hiểu HTKSNB- TSCĐ.....	10
Phụ lục 5: Biên bản kiểm kê và chứng kiến kiểm kê .....	15
Phụ lục 6: Rà soát các yếu tố ảnh hưởng đến tính độc lập và biện pháp bảo vệ tính độc lập của thành viên nhóm kiểm toán.....	24
Phụ lục 7: Mức trọng yếu – Giai đoạn kết thúc của kiểm toán .....	28
Phụ lục 8: Tổng hợp kết quả kiểm toán BCTC .....	29
Phụ lục 9: Tổng hợp các sai sót chưa được xử lý trên BCTC .....	33
Phụ lục 10: Biểu tổng hợp và những vấn đề phát sinh trong cuộc kiểm toán.....	35
Phụ lục 11: Bảng cân đối kế toán công ty ABC .....	36
Phụ lục 12: Kết quả hoạt động của công ty ABC.....	39



## PHỤ LỤC

### Phụ lục 1: Tìm hiểu hoạt động kinh doanh và HTKSNB ở cấp độ toàn DN



AASC Auditing Firm  
Member of HLB International

5.02

Khách hàng: Công ty CP ABC	Người thực hiện: NKH	Ngày: 27/12/2021
Kỳ kế toán: 31/12/2021	Người soát xét: NTRM	Ngày: 27/12/2021
Công việc: Tìm hiểu hoạt động kinh doanh và hệ thống KSNB ở cấp độ toàn DN		

#### Đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu đối với BCTC

Mô tả rủi ro	Ảnh hưởng đến BCTC	RR đáng kể	Biện pháp xử lý/Thủ tục kiểm toán
<b>1.1. Rủi ro có sai sót trọng yếu ở cấp độ BCTC và biện pháp xử lý tổng thể</b>			
Không có rủi ro SSTY được phát hiện khi tìm hiểu hoạt động kinh doanh và tổng thể hệ thống KSNB	N/A	<input type="checkbox"/>	N/A
<b>1.2. Rủi ro có sai sót trọng yếu ở cấp độ CSDL và các thủ tục kiểm toán cụ thể</b>			
Chương trình sách và thiết bị giáo dục hàng năm thay đổi có thể dẫn đến tồn kho các loại sách, thiết bị của năm trước không thể sử dụng cho năm sau.	Trong điều kiện Công ty phải chịu sức ép cạnh tranh trong ngành ngày một cao và áp lực trong việc hoàn thành kế hoạch kinh doanh được giao có thể dẫn đến rủi ro trong việc không ghi nhận đầy đủ các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho lượng sách đã bị thay thế hoặc sửa đổi.	<input type="checkbox"/>	- Thu thập thông tin về các loại sách có nội dung thay thế hoặc bị sửa đổi trong năm tiếp theo, kiểm tra các cơ sở mà BGD công ty áp dụng để xác định giá trị dự phòng cho các loại sách này.
Do cơ cấu sản phẩm sách khá đa dạng về nội dung, quy cách, đồng thời số lượng sản xuất nhiều và tập trung vào một giai đoạn nhất định (mùa sản xuất)	Dễ dẫn đến sai sót trong việc xác định chính xác giá thành các loại sản phẩm.	<input type="checkbox"/>	- Thực hiện tìm hiểu các hoạt động kiểm soát liên quan đến việc tính giá thành của đơn vị: thực hiện Walk thought test và TOC để đánh giá hiệu quả KSNB làm cơ sở chọn mẫu kiểm tra chi tiết. - Chọn mẫu kiểm tra chi tiết nghiệp vụ tính giá thành, lưu ý tập trung vào giai đoạn mùa vụ sản xuất.

Mô tả rủi ro	Ảnh hưởng đến BCTC	RR đáng kể	Biện pháp xử lý/Thủ tục kiểm toán
Thị trường của công ty có sự cạnh tranh cao của nhiều công ty cùng ngành. Để thu hút khách hàng và duy trì thị phần, Công ty phải thực hiện nhiều chính sách giá và chiết khấu linh hoạt trong giai đoạn mùa tiêu thụ.	Do đó, rủi ro có thể xảy ra việc Công ty ghi nhận không đầy đủ, chính xác, đúng kỳ đối với các khoản doanh thu, giảm trừ doanh thu và chi phí bán hàng.	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện tìm hiểu các hoạt động kiểm soát liên quan đến việc ghi nhận Doanh thu, các khoản chiết khấu: thực hiện Walk thought test và TOC để đánh giá hiệu quả KSNB làm cơ sở chọn mẫu kiểm tra chi tiết.</li> <li>- Chọn mẫu kiểm tra chi tiết việc ghi nhận doanh thu, giảm trừ doanh thu phát sinh trong năm nhằm đảm bảo tính đầy đủ, chính xác của các nghiệp vụ được ghi nhận.</li> <li>- Thực hiện thủ tục kiểm tra cut-off đối với các khoản doanh thu, giảm trừ doanh thu nhằm đảm bảo tính đúng kỳ.</li> </ul>
Quy mô doanh nghiệp khá lớn và doanh thu lớn, chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh (đặc biệt là chi phí bán hàng) phát sinh lớn. Hoạt động của Công ty là kinh doanh và phát hành sách nên phát sinh nhiều chương trình marketing, quảng cáo và các chính sách chiết khấu, khuyến mại cho khách hàng	Rủi ro trong việc ghi nhận không chính xác, đầy đủ và đúng kỳ đối với chi phí bán hàng	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện phân loại và thực hiện thủ tục phân tích biến động chi phí bán hàng theo từng nội dung chi làm cơ sở cho việc chọn mẫu kiểm tra chi tiết</li> <li>- Chọn mẫu kiểm tra chi tiết việc ghi nhận chi phí bán hàng phát sinh trong năm nhằm đảm bảo tính đầy đủ, chính xác của các nghiệp vụ được ghi nhận.</li> <li>- Thực hiện thủ tục kiểm tra cut-off đối với chi phí bán hàng nhằm đảm bảo tính đúng kỳ.</li> </ul>
Số lượng khách hàng lớn, thị trường khá rộng và lượng giao dịch lớn.	<p>Rủi ro trong việc ghi nhận không chính xác và đầy đủ các khoản nợ phải thu khách hàng.</p> <p>Rủi ro phát sinh các khoản nợ phải thu khó đòi chưa được trích lập dự phòng đầy đủ.</p>	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện tìm hiểu các hoạt động kiểm soát liên quan đến chu trình bán hàng - thu tiền</li> <li>- Thực hiện chọn mẫu gửi thư xác nhận độc lập đối với các khoản nợ phải thu</li> <li>- Thực hiện thủ tục kiểm tra thay thế cho các trường hợp không thu thập được thư xác nhận độc lập</li> <li>- Thu thập và kiểm tra các căn cứ của Ban giám đốc công ty dùng trong việc xác định các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.</li> <li>- Rà soát và phân loại tình trạng của các khoản nợ phải thu và thực hiện các tính toán độc lập để xác</li> </ul>

Mô tả rủi ro	Ảnh hưởng đến BCTC	RR đáng kể	Biện pháp xử lý/Thủ tục kiểm toán
			định giá trị dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập.
Số lượng nhà cung cấp lớn, liên quan đến nhiều loại hàng hóa, dịch vụ nên việc quản lý, ghi nhận và hạch toán, theo dõi công nợ có thể có sai sót và nhầm lẫn.	Rủi ro trong việc ghi nhận không chính xác và đầy đủ các khoản nợ phải trả.	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện tìm hiểu các hoạt động kiểm soát liên quan đến chu trình mua hàng - thanh toán</li> <li>- Thực hiện chọn mẫu gửi thư xác nhận độc lập đối với các khoản nợ phải trả nhà cung cấp</li> <li>- Thực hiện thủ tục kiểm tra thay thế cho các trường hợp không thu thập được thư xác nhận độc lập</li> </ul>
Giá nguyên vật liệu giấy ruột và giấy bì biến động thường xuyên	Rủi ro có thể dẫn đến việc công ty ghi nhận các nghiệp vụ nhập mua và tính giá xuất kho không phù hợp.	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện tìm hiểu các hoạt động kiểm soát liên quan đến việc nhập xuất hàng tồn kho: thực hiện Walk thought test và TOC để đánh giá hiệu quả KSNB làm cơ sở chọn mẫu kiểm tra chi tiết.</li> <li>- Tham gia chứng kiến kiểm kê các loại nguyên vật liệu tại thời điểm kết thúc năm tài chính.</li> <li>- Chọn mẫu kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ nhập kho trong năm</li> <li>- Chọn mẫu kiểm tra việc tính giá xuất kho của các loại nguyên vật liệu trong năm.</li> </ul>
Ngày 30/09/2019, Công ty đã mua 66% cổ phần của Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn, 1 Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh sách, thiết bị trường học.	Có thể công ty ghi nhận và phân loại khoản mục đầu tư chưa phù hợp, chưa chính xác Công ty có thể chưa xem xét và trích lập dự phòng đầu tư tài chính.	<input type="checkbox"/>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thu thập các hồ sơ có liên quan đến nghiệp vụ mua vốn cổ phần và thực hiện gửi xác nhận vốn góp độc lập để xem xét việc ghi nhận và phân loại khoản đầu tư là phù hợp</li> <li>- Lập bảng tính dự phòng đầu tư tài chính</li> </ul>

**Đánh giá khả năng phối hợp làm việc, khai thác, sử dụng hệ thống thông tin, dữ liệu sẵn có của khách hàng**

Vấn đề	Có khả năng (Y/N)	Ghi chú
Khả năng phối hợp của đội ngũ kế toán	Y	Đội ngũ kế toán có sự phối hợp tốt trong công việc, sử dụng hệ thống thông tin, phần mềm kế toán và khả năng tiếp cận hồ sơ chứng từ tốt.
Khả năng phối hợp của KTV nội bộ, BKS	Y	Có khả năng phối hợp làm việc với Ban kiểm soát, tuy nhiên không khai thác được nhiều thông tin từ bộ phận này, khả năng tiếp cận tài liệu nội bộ của Ban kiểm soát là không cao.

Khả năng phối hợp của các phòng ban khác	Y	
Khả năng khai thác dữ liệu từ phần mềm kế toán	Y	Có khả năng khai thác tốt khi có yêu cầu.
Khả năng khai thác dữ liệu, báo cáo từ phần mềm ứng dụng	Y	
Khả năng cung cấp hồ sơ, chứng từ	Y	Công ty được đánh giá khá tốt về Khả năng cung cấp hồ sơ, chứng từ.

## Phụ lục 2: Chương trình kiểm toán TSCĐ



AASC Auditing Firm

Member of HLB International

D14

Khách hàng: Công ty Cổ phần ABC	Người thực hiện: BXH	Ngày: 27/12/2021
Kỳ kế toán: 31/12/2021	Người soát xét: NTrM	Ngày: 27/12/2021
Công việc: Chương trình kiểm toán – Tài sản cố định		

### TÀI LIỆU YÊU CẦU KHÁCH HÀNG CHUẨN BỊ

- Sổ cái và các sổ kế toán chi tiết
- Danh sách chi tiết TSCĐ tăng, thanh lý, chuyển nhượng, giảm khác trong năm/kỳ theo từng loại
- Bảng tổng hợp TSCĐ phản ánh số dư đầu năm, phát sinh tăng, giảm trong năm/kỳ, số cuối năm/kỳ của nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại của TSCĐ theo từng loại TSCĐ.
- Bảng khấu hao TSCĐ trong năm/kỳ
- Các chứng từ, hợp đồng liên quan đến TSCĐ

### XEM XÉT QUÁ TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH

Tham khảo Biểu 4.04, 5.01, 5.03 trong việc xác định những kiểm soát chủ yếu, các rủi ro (bao gồm cả các rủi ro về gian lận) và phương pháp với rủi ro được đánh giá

### CÁC THỦ TỤC KIỂM TOÁN

		Assertions addressed	W/P Ref
<b>1</b>	<b>LẬP BIỂU TỔNG HỢP</b>		-
1.1	Lập Biểu tổng hợp TSCĐ.		<u>D111</u>
1.2	Lập Biểu tổng hợp Thuyết minh TSCĐ.		<u>D112</u>
1.3	Đối chiếu các số dư trên Bảng số liệu tổng hợp với Bảng CĐPS, Sổ Cái, sổ chi tiết... và giấy tờ làm việc của kiểm toán năm trước (nếu có).		<u>D113</u>
<b>2</b>	<b>CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN</b>		-
2.1	Xem xét xem chính sách kế toán áp dụng cho TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê tài chính, TSCĐ vô hình có phù hợp với các chuẩn mực kế toán		-
2.2	Xem xét xem chính sách kế toán áp dụng cho TSCĐ có nhất quán với năm trước không		-
<b>3</b>	<b>KIỂM TRA HỆ THỐNG KIỂM SOÁT</b>		<u>D15</u>
	Kiểm tra các hoạt động kiểm soát chủ yếu được xác định tại Biểu 4.06, 5.02, 5.03, 5.04 và các kết luận về việc thiết lập và hoạt động hữu hiệu của hệ thống trong kỳ. Xác định các cơ sở dẫn liệu có ảnh hưởng quan trọng được đảm bảo bởi việc kiểm tra hệ thống		-
<b>4</b>	<b>THỦ TỤC PHÂN TÍCH</b>		-
4.1	So sánh, phân tích số dư TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, năm nay so với năm trước; tỷ lệ TSCĐ trên tổng tài sản. Tìm hiểu và thu thập giải trình cho các biến động bất thường.		<u>D161</u>
4.2	So sánh chi phí khấu hao TSCĐ năm nay/kỳ này với năm/kỳ trước, với kế hoạch, giữa các tháng (quý) trong năm/kỳ. Tìm hiểu và thu thập giải trình cho các biến động bất thường.		<u>D162</u>
4.3	Giải thích và phân tích đối ứng bất thường		<u>D163</u>
<b>5</b>	<b>KIỂM TRA CHI TIẾT</b>		-
5.1	Trường hợp năm trước chưa kiểm toán. Thực hiện các thủ tục sau:		-
5.1.1	Đối chiếu số dư đầu năm với Báo cáo kiểm toán do của công ty khác kiểm toán, xem hồ sơ kiểm toán năm trước của công ty kiểm toán khác		-
5.1.2	Kiểm tra sau đó Đối chiếu với biên bản kiểm kê do khách hàng lập năm trước		<u>D171</u>
5.1.3	Chọn mẫu kiểm tra chứng từ gốc để xác nhận số dư đầu năm.		<u>D171</u>
5.1.4	Kiểm tra phương pháp tính khấu hao, cách xác định thời gian sử dụng hữu ích và tính toán lại giá trị khấu hao lũy kế đầu năm.		<u>D171</u>

5.2	Tham gia chứng kiến kiểm kê thực tế TSCĐ cuối kỳ, đảm bảo các thủ tục kiểm kê được thực hiện phù hợp và chênh lệch giữa số liệu kiểm kê thực tế và số liệu sổ kế toán (nếu có) đã được xử lý. Đánh giá tình trạng sử dụng của từng TSCĐ.		D172
5.3	Trường hợp KTV không tham gia kiểm kê cuối kỳ (1): Thực hiện quan sát TSCĐ tại ngày kiểm toán, lập bản kiểm tra và đối chiếu ngược để xác định TSCĐ thực tế của DN tại ngày kết thúc kỳ kế toán.		D172
5.4	Nếu DN có TSCĐ do bên thứ ba giữ (1): Lấy xác nhận của bên thứ ba hoặc trực tiếp quan sát (nếu trọng yếu).		D173
5.5	Chọn mẫu Kiểm tra chứng từ gốc các TSCĐ tăng trong năm/kỳ. Lưu ý: Đối chiếu với kế hoạch, thủ tục mua sắm TSCĐ và sự phê duyệt của BGD. Đánh giá việc ghi nhận TSCĐ có đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn theo quy định của các CMKT liên quan hay không.	A, E, RO	-
5.7	Soát xét các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp phát sinh trong năm đảm bảo việc vốn hóa nếu đủ điều kiện (kết hợp với phần hành kiểm toán liên quan)		D174
5.9	Kiểm tra chứng từ gốc liên quan đến TSCĐ giảm trong năm/kỳ (quyết định thanh lý, quyết định điều chuyển nội bộ, hóa đơn,...).		D175
5.10	Kiểm tra hạch toán giảm TSCĐ do điều chuyển, thanh lý, nhượng bán trong năm/kỳ.		D175
5.11	Kiểm tra tính toán lãi/lỗ TSCĐ thanh lý, nhượng bán trong năm/kỳ.		D175
	<b>Khấu hao TSCĐ</b>		-
5.13	Kiểm tra xem thời gian/tỷ lệ khấu hao của TSCĐ có hợp lý không. Cần chú ý xem xét: - Khung thời gian khấu hao theo qui định tại từng thời điểm. - Phân loại nhóm tài sản - Khoản mục chi phí phân bổ căn cứ bộ phận và mục đích sử dụng - Các thời điểm điều chỉnh thời gian tính khấu hao và ảnh hưởng của nó đến giá trị hao mòn TSCĐ trong kỳ, lũy kế từ đầu. - Các khoản lỗ hoặc lãi thanh lý TSCĐ trong các năm trước. - Thời hạn thuê (đối với TSCĐ thuê tài chính). - Sự nhất quán với năm trước.		D176
5.14	Đánh giá xem có bất kỳ sự kiện và hoàn cảnh nào có thể dẫn đến sự thay đổi thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định.		-
5.15	Rà soát tổng thể bảng tính khấu hao để đảm bảo: - Tất cả các TSCĐ đều được tính khấu hao đúng quy định; - Không có TSCĐ nào được tính khấu hao/ hao mòn quá nguyên giá; - Khấu hao của các TSCĐ không sử dụng hoặc sử dụng cho mục đích khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh được phân loại riêng và xác định rõ ràng để loại trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. - Hao mòn của các TSCĐ hình thành từ các nguồn khác (phúc lợi, quỹ phát triển KHCN,...) đã được giảm trừ đúng nguồn hình thành.		D176
5.16	Kiểm tra chọn mẫu việc tính khấu hao các TSCĐ trong năm/kỳ.		D176
5.17	Xem xét để đảm bảo TSCĐ đã được khấu hao hết không được tính khấu hao.		D176
5.18	Xem xét để đảm bảo tất cả các TSCĐ (trừ TSCĐ đã được khấu hao hết) đều được tính khấu hao.		D176
	Xem xét việc phân bổ chi phí khấu hao đơn vị áp dụng có phù hợp với thực tế hoạt động của TSCĐ không (nguyên tắc: TSCĐ của bộ phận nào thì chi phí khấu hao được phân bổ cho bộ phận ấy)		D177
5.19	Tổng hợp khấu hao của các TSCĐ không sử dụng hoặc sử dụng cho mục đích khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh để loại trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.		D178
5.20	Trao đổi với những người có trách nhiệm liên quan tới tài sản để tìm hiểu xem đơn vị có cầm cố, thế chấp TSCĐ và có cam kết liên quan đến việc mua sắm TSCĐ không.	VA	-
5.21	Kiểm tra các hợp đồng, thỏa thuận, hóa đơn, đơn đặt hàng,... liên quan đến các khoản cam kết vốn và thế chấp TSCĐ.	RO, VA	D179
5.22	Đảm bảo việc thế chấp và các cam kết đã được công bố phù hợp trên Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.	VA	D179 D112
5.23	Xem xét thu thập giải trình của Ban Giám đốc về các vấn đề liên quan đến TSCĐ và chi phí XD/CB dở dang.		
<b>6</b>	<b>RÀ SOÁT TỔNG THỂ</b>		
	Đọc lướt qua sổ chi tiết TSCĐ hữu hình, thuê tài chính, vô hình để phát hiện các khoản mục bất thường và kiểm tra với chứng từ gốc.	E, RO, C, VA	D163
<b>7</b>	<b>TRÌNH BÀY VÀ CÔNG BỐ</b>		-

	Xem xét xem việc trình bày và công bố TSCĐ hữu hình, thuê tài chính, vô hình trên Báo cáo tài chính có phù hợp với Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng ở trên không.	CU, AV	<u>B111</u> <u>B112</u>
	Xem xét các thông tin cần trình bày trên Thuyết minh BCTC: tình hình tăng giảm tài sản, giá trị tài sản đã khấu hao hết đang sử dụng, giá trị tài sản mang đi thế chấp.		<u>B112</u>
<b>8</b>	<b>CÁC THỦ TỤC KIỂM TRA BỔ SUNG</b>		-
	Đối với nghiệp vụ mua/bán TSCĐ với bên liên quan (1): Kiểm tra việc ghi chép, phê duyệt, giá cả, khối lượng giao dịch...		<u>D191</u>
	Xem xét chênh lệch giữa phương pháp phân bổ cho mục đích kế toán và mục đích thuế (nếu có) và tính toán thuế thu nhập hoãn lại phù hợp với khuôn khổ về lập và trình bày BCTC được áp dụng.		-

#### **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ / CONCLUSIONS AND SUGGESTIONS**

Dựa trên các công việc đã thực hiện, các bằng chứng kiểm toán thu thập được và các điều chỉnh đề nghị đã được đơn vị đồng ý, TSCĐ hữu hình, thuê tài chính, vô hình /Based on the works already done and the audit evidences obtained as well as adjusting entries approved, tangible fixed assets, financial leasehold assets, intangible fixed assets are:

Được trình bày trung thực và hợp lý

Truly and fairly presented

Không được trình bày trung thực và hợp lý

Not truly and fairly presented

**Các lý do TSCĐ hữu hình, thuê tài chính, vô hình không được trình bày trung thực và hợp lý / The causes leading to the fact that tangible fixed assets, financial leasehold assets, intangible fixed assets not presented truly and fairly are as follows:**

#### **Kiến nghị / Suggestions**

**Các vấn đề cần tiếp tục theo dõi trong những đợt kiểm toán sau / Points carried forward to subsequent audit**

## Phụ lục 3: Kiểm tra tổng thể Báo cáo tài chính



5.04.1

Khách hàng: Công ty Cổ phần ABC  
Kỳ kế toán: 31/12/2021  
Công việc: Kiểm tra tổng thể BCTC

Người lập: BXH Ngày: 10/01/2022  
Người soát xét: HTN Ngày: 10/01/2022

### MỤC TIÊU

- Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với qui định hiện hành
- Các chỉ tiêu được tính toán đúng, logic giữa các báo cáo có liên quan
- Các số dư đầu năm khớp đúng với số dư cuối kỳ của BCTC năm trước và được xét trong điều kiện hoạt động liên tục

### CÁC THỦ TỤC

STT	Thủ tục/Câu hỏi	Tình trạng (Y / N / N/A)	Giải thích	Tham chiếu
1	Kiểm tra sự hợp lý giữa các chỉ tiêu, các báo cáo:			
	<i>Kiểm tra sự cân đối giữa tài sản, nguồn vốn</i>	Y	<i>Đã đảm bảo cân đối giữa tài sản, nguồn vốn</i>	6.01
	<i>Kiểm tra việc trình bày tài sản, công nợ theo giá trị thuần có thể thực hiện được</i>	Y	<i>Đã đảm bảo</i>	6.01
	<i>Kiểm tra logic giữa các chỉ tiêu trên Bảng CĐKT</i>	Y	<i>Đã đảm bảo logic</i>	6.01
	<i>Kiểm tra logic giữa các chỉ tiêu trên BCKQKD</i>	Y	<i>Đã đảm bảo logic</i>	6.01
	<i>Kiểm tra logic giữa các chỉ tiêu trên BC LCTT</i>	Y	<i>Đã đảm bảo logic</i>	6.01
	<i>Đối chiếu chỉ tiêu khoản mục Tiền trên Bảng CĐKT với số dư trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ</i>	Y	<i>Đã khớp</i>	6.01
	<i>Đối chiếu các chỉ tiêu trên BCTC với thuyết minh BCTC</i>	Y	<i>Đã khớp</i>	6.01
2	Việc tính toán đại số (cộng, trừ, nhân, chia,...) có đảm bảo đúng đắn, logic giữa các chỉ tiêu có liên quan không?	Y	Đã đảm bảo đúng đắn, logic	6.01
3	Kiểm tra việc điều chỉnh số liệu theo kết luận của cơ quan kiểm tra, thanh tra cho các kỳ báo cáo trước, kỳ này	N/A	Không phát sinh sự kiện thanh, kiểm tra của các Cơ quan nhà nước	
4	Kiểm tra việc trình bày các chỉ tiêu trên BCTC có đảm bảo đúng, đủ thông tin theo quy định không?	Y	Đã đảm bảo đủ thông tin theo quy định	6.01
5	Chính sách kế toán có đảm bảo?			
	<i>Phù hợp với khuôn khổ mà đơn vị đang áp dụng</i>	Y	<i>Phù hợp với khuôn khổ mà Công ty đang áp dụng</i>	6.04.2
	<i>Tuân thủ các quy định hiện hành</i>	Y	<i>Đã tuân thủ</i>	6.04.2



	<i>Nhất quán với năm trước</i>	<i>Y</i>	<i>Đã đảm bảo nhất quán</i>	<i>6.04.2</i>
	<i>Hợp lý với ngành nghề hoạt động và các đơn vị tương tự.</i>	<i>Y</i>	<i>Đã đảm bảo hợp lý</i>	<i>6.04.2</i>
6	Khi có thay đổi trong chính sách kế toán, thì có đảm bảo rằng các thay đổi này:		Không có thay đổi chính sách kế toán	6.04.2
	<i>Phù hợp với quy định của Nhà nước;</i>	<i>N/A</i>		
	<i>Phù hợp với đặc thù hoạt động;</i>	<i>N/A</i>		
	<i>Đã được trình bày đầy đủ trên BCTC (số dư đầu năm đã được điều chỉnh hồi tố, trình bày, công bố thỏa đáng,...)</i>	<i>N/A</i>		
7	Báo cáo tài chính đã công bố đầy đủ thông tin theo quy định chưa?	<b>Y</b>	Đã đầy đủ	6.01

### **KẾT LUẬN**

Dựa trên các công việc đã thực hiện, các bằng chứng kiểm toán thu thập được và các điều chỉnh đã được đơn vị đồng ý, Báo cáo tài chính đã:

Được trình bày trung thực và hợp lý

Được trình bày trung thực và hợp lý, tuy nhiên chưa đầy đủ các nội dung theo quy định

Không được trình bày trung thực và hợp lý

## Phụ lục 4: Tìm hiểu HTKSNB – Tài sản cố định



Khách hàng: Công ty Cổ phần ABC

Người lập: BXH

Ngày: 10/01/2022

Kỳ kế toán: 31/12/2021

Người soát xét: HTN

Ngày: 10/01/2022

Công việc: Tìm hiểu HTKSNB- Tài sản cố định

### MỤC TIÊU

- Xác định và hiểu được các giao dịch và sự kiện liên quan tới chu trình đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý theo dõi, sử dụng TSCĐ;
- Đánh giá về mặt thiết kế và thực hiện đối với các kiểm soát chính của chu trình này;
- Quyết định xem liệu có thực hiện thử nghiệm kiểm soát không;
- Đánh giá rủi ro và thiết kế các thủ tục kiểm tra cơ bản phù hợp và có hiệu quả.

### CÁC ĐẶC ĐIỂM CHUNG

Các đặc điểm của TSCĐ	Do hoạt động kinh doanh của công ty là phát hành và kinh doanh sách giáo dục (không bao gồm in ấn) nên TSCĐ của Công ty chủ yếu là các Phương tiện vận tải và thiết bị quản lý.
Tỷ trọng TSCĐ trên tổng tài sản	Tài sản cố định của Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ trên Tổng tài sản, chiếm 0,29% bao gồm Phương tiện vận tải truyền dẫn và Thiết bị dụng cụ quản lý. Trong đó, Phương tiện vận tải truyền dẫn chiếm 90%, còn lại là Thiết bị dụng cụ quản lý chiếm 10% .
Thẩm quyền đối với việc mua sắm TSCĐ theo điều lệ và qui chế	Việc mua sắm tài sản cố định do phòng Tổng hợp - công nghệ thông tin thực hiện và được Tổng Giám đốc phê duyệt.
Phương thức quản lý TSCĐ	Quản lý về mặt hiện vật và giá trị. Công ty thực hiện việc kiểm kê vào cuối năm.

### CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chính sách khấu hao TSCĐ	Áp dụng theo quy định tại TT200/2014 và TT45/2013
Phương pháp phân bổ chi phí khấu hao vào chi phí kinh doanh	Khấu hao được trích vào chi phí theo phương pháp đường thẳng

### MÔ TẢ QUY TRÌNH KIỂM SOÁT

Bước công việc trong quy trình	Hoạt động kiểm soát	Bộ phận thực hiện	Tần suất thực hiện	Hồ sơ tài liệu có liên quan	Ký hiệu	Hoạt động KS có phù hợp không?	Có thực hiện hoạt động KS không?	Tham chiếu
Quy trình tăng TSCĐ								

Bước công việc trong quy trình	Hoạt động kiểm soát	Bộ phận thực hiện	Tần suất thực hiện	Hồ sơ tài liệu có liên quan	Ký hiệu	Hoạt động KS có phù hợp không?	Có thực hiện hoạt động KS không?	Tham chiếu
B1: Căn cứ vào tình hình nhu cầu thực tế tại đơn vị, quản lý bộ phận sử dụng sẽ đề xuất trang bị tài sản phục vụ cho nhu cầu sản xuất, quản lý của bộ phận sử dụng gửi lập Hồ sơ yêu cầu kèm theo Tờ trình gửi Tổng Giám đốc Công ty xem xét và phê duyệt	Căn cứ vào tình hình thực tế tại đơn vị. Những đề nghị nào hợp lý, hợp lệ phù hợp với tình hình, nhu cầu thực tế của đơn vị sẽ được Phòng tổng hợp kiểm tra và Tổng Giám đốc phê duyệt.	Phòng ban có nhu cầu mua sắm	Từng lần	Tờ trình Ban Tổng Giám Đốc về việc mua sắm TSCĐ và phụ lục chi tiết kèm theo	KS1.1	Y	Y	
B2: Tổng Giám đốc công ty sẽ xem xét và phê duyệt hồ sơ yêu cầu được gửi lên Từ phòng tổng hợp - CNTT	Căn cứ tờ trình, phòng Tổng hợp lập đề xuất loại Tài sản phù hợp và đề trưởng phòng tổng hợp và Tổng giám đốc phê duyệt	Phòng tổng hợp – CNTT	Từng lần	Tờ đề xuất Tài sản	KS1.2	Y	Y	
B3: Sau khi TGD ký duyệt, phòng tổng hợp - CNTT sẽ tiến hành xem các báo giá tìm kiếm nhà cung cấp. Sau khi tìm được nhà cung cấp, đơn vị trình báo giá cho TGD phê duyệt. Sau đó, phòng tổng hợp tiến hành lập hợp đồng với nhà cung cấp, trình Giám đốc ký duyệt.	Phòng tổng hợp tiến hành xem các báo giá tìm kiếm nhà cung cấp phù hợp và trình TGD phê duyệt. Hai bên thỏa thuận lập hợp đồng, phòng tổng hợp ra soát lại hợp đồng ký nháy và	Phòng tổng hợp – CNTT	Từng lần	Báo giá, hợp đồng kinh tế	KS1.3	Y	Y	

Bước công việc trong quy trình	Hoạt động kiểm soát	Bộ phận thực hiện	Tần suất thực hiện	Hồ sơ tài liệu có liên quan	Ký hiệu	Hoạt động KS có phù hợp không?	Có thực hiện hoạt động KS không?	Tham chiếu
	trình Tổng giám đốc phê duyệt							
<b>Quy trình Thanh lý, nhượng bán TSCĐ</b>								
B1: Tổng Giám đốc lập tờ trình về việc bán thanh lý tài sản lên Hội đồng quản trị.	Căn cứ vào tình hình, nhu cầu sử dụng và hiện trạng TSCĐ sử dụng tại các bộ phận báo lên, Tổng GD kiểm tra và lập tờ trình về việc bán thanh lý TSCĐ.	Bộ phận có nhu cầu thanh lý, Tổng giám đốc	Từng lần	Biên bản họp đánh giá máy móc thiết bị, nghị quyết HĐQT	KS2.1	Y	N/A	
B2: Hội đồng quản trị họp và đưa ra quyết định thanh lý TSCĐ.	HĐQT họp và ra quyết định thanh lý TSCĐ sau khi nhận được tờ trình của TGD.	Hội đồng quản trị	Từng lần	Biên bản họp, quyết định thanh lý TSCĐ	KS2.2	Y	N/A	
B3: Phòng tổng hợp tiến hành tìm kiếm người mua và soạn thảo hợp đồng kinh tế bán TSCĐ được thanh lý. Phòng tổng hợp trình Tổng Giám đốc ký và đóng dấu đơn vị.	Phòng tổng hợp xem xét người mua có nhu cầu và thỏa thuận về giá bán với người mua. Tổng GD đơn vị và người mua thống nhất ký kết hợp đồng kinh tế.	Phòng tổng hợp, Tổng giám đốc	Từng lần	Bảng chào giá, đơn xin mua, hợp đồng mua bán	KS2.3	Y	N/A	
B4: Phòng tổng hợp lập Biên bản Giao nhận TSCĐ thanh lý, Phòng kế toán tiến hành ghi hóa đơn	Giao dịch mua bán được tiến hành, Phòng tổng hợp thực hiện bàn giao	Phòng tổng hợp	Từng lần	Biên bản bàn giao, hóa đơn GTGT	KS2.4	Y	N/A	

Bước công việc trong quy trình	Hoạt động kiểm soát	Bộ phận thực hiện	Tần suất thực hiện	Hồ sơ tài liệu có liên quan	Ký hiệu	Hoạt động KS có phù hợp không?	Có thực hiện hoạt động KS không?	Tham chiếu
GTGT có đầy đủ chữ ký của các bên.	TSCĐ cho người mua. Kế toán căn cứ vào hợp đồng tiến hành xuất hóa đơn GTGT cho người mua.							
B5: Kế toán theo dõi tình hình công nợ với người mua, tiến hành thu tiền bằng cách lập phiếu thu hoặc thu tiền bằng chuyển khoản theo thỏa thuận trên Hợp đồng. Sau đó kế toán tiến hành lập Biên bản thanh lý hợp đồng.	Theo thỏa thuận trên HĐKT, Kế toán theo dõi và đốc thúc việc thanh toán của người mua. Hoàn tất việc thanh toán, kế toán lập Thanh lý hợp đồng với người mua, trình Tổng GD ký và đóng dấu.	Phòng kế toán	Từng lần	Biên bản thanh lý hợp đồng.	KS2.5	Y	N/A	
<b>Quy trình kiểm kê TSCĐ</b>								
B1: Tổng Giám đốc Công ty ra quyết định kiểm kê và phương án kiểm kê TSCĐ	Tổng Giám đốc ra quyết định kiểm kê và Phương án kiểm kê TSCĐ	Tổng Giám đốc và Trưởng ban kiểm kê	Định kỳ (cuối năm) hoặc đột xuất.	Quyết định thành lập tổ kiểm kê, Thông báo phân công các nhóm kiểm kê	KS3.1	Y	Y	
B2: Các bộ phận, cá nhân có liên quan tiến hành kiểm kê TSCĐ theo phương án và quyết định kiểm kê và Tổng hợp kết quả	Thực hiện kiểm kê, Tổng hợp kết quả kiểm kê trên Biên bản kiểm kê	Các thành viên trong nhóm kiểm kê	Định kỳ (cuối năm) hoặc	Biên bản kiểm kê	KS3.2	Y	Y	

Bước công việc trong quy trình	Hoạt động kiểm soát	Bộ phận thực hiện	Tần suất thực hiện	Hồ sơ tài liệu có liên quan	Ký hiệu	Hoạt động KS có phù hợp không?	Có thực hiện hoạt động KS không?	Tham chiếu
kiểm kê, đối chiếu với số liệu theo dõi trên sổ sách			đột xuất.					
B3: Nếu kết quả kiểm kê có sự chênh lệch, thực hiện họp xử lý kiểm kê	Nếu kết quả kiểm kê có chênh lệch, thực hiện mở họp HĐQT để xử lý kết quả kiểm kê	Trưởng ban kiểm kê, HĐQT	Định kỳ (cuối năm) hoặc đột xuất.	Báo cáo kiểm kê, biên bản họp xử lý	KS3.3	Y	Y	

#### KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

**Đánh giá sơ bộ về hệ thống kiểm soát là**

Hiệu quả

Không hiệu quả

**Có tiếp tục thực hiện kiểm tra tính hữu hiệu hệ thống kiểm soát nội bộ không?**

Có

Không

**Phụ lục 5: Biên bản kiểm kê và chứng kiến kiểm kê Tài sản cố định.**

		D1a2		
Khách hàng: Công ty Cổ phần ABC Kỳ kết thúc: 31/12/2021 Khoản mục: Tài sản cố định Công việc: Chứng kiến kiểm kê		Người thực hiện: V.C.Y.N Người soát xét: B.X.H		Ngày: 10/01/2022 Ngày:
<b>Mục đích</b> Lựa chọn mẫu tham gia chứng kiến kiểm kê phù hợp để đảm bảo mục tiêu TSCĐ trên sổ sách là hiện hữu trên thực tế Thời điểm kiểm kê: 10h00p ngày 10 tháng 01 năm 2022. Thành phần tham gia:		Trợ lý: Kiểm toán viên Thủ kho Kế toán trưởng		
		CÓ	KHÔNG	GHI CHÚ
1.	Khách hàng có những hướng dẫn đầy đủ bằng văn bản cho từng giai đoạn kiểm kê thực tế TSCĐ, BĐSĐT? (Mô tả lại những điểm thiếu sót cần chú ý, nếu có)	x		
Thu thập bản copy các tài liệu hướng dẫn kiểm kê, lưu vào phần giấy làm việc trong Hồ sơ kiểm toán và xem xét những nội dung dưới đây của tài liệu hướng dẫn kiểm kê trên cơ sở đánh giá sự đầy đủ, thích hợp của chúng:				
a)	Tên của những người lập và phê duyệt hướng dẫn kiểm kê	x		
b)	Ngày, giờ thực hiện kiểm kê	x		
c)	Tên của những người chịu trách nhiệm giám sát cuộc kiểm kê	x		
d)	Dự tính cho việc kiểm soát nhận hàng hay giao hàng trong thời gian đang thực hiện kiểm kê và dự tính cho việc thực hiện kiểm đếm đối với TSCĐ chuyên động trong trường hợp nhà máy không thể dừng hoạt động	x		
e)	Hướng dẫn việc ghi chép, mô tả các TSCĐ và cách xác định số lượng của chúng (ví dụ: đếm, đo, hoặc cách đo lường khác)	x		
f)	Hướng dẫn xác định phân loại TSCĐ, BĐSĐT theo tình trạng và tình hình sử dụng	x		
g)	Hướng dẫn sử dụng thẻ hoặc phiếu kiểm kê (bao gồm cả cách phát ra, thu về và kiểm soát)	x		
h)	Hướng dẫn cách đánh dấu TSCĐ, BĐSĐT đã được đếm để tránh việc đếm hai lần hoặc bỏ sót	x		
i)	Kế hoạch xác định TSCĐ ngoài địa điểm kiểm kê (Lịch kiểm kê, nhân sự và phương thức thực hiện).	x		

j)	Hướng dẫn việc rà soát và phê duyệt kết quả kiểm kê của phụ trách bộ phận hoặc người giám sát	x		
2.	TSCĐ chuyển động (phương tiện vận tải) có được yêu cầu tập kết tại một địa điểm để tiện cho việc kiểm đếm không?	x		
3.	Các nhóm kiểm kê có được giám sát thích đáng không?	x		
<b>Thủ tục kiểm đếm</b>		<b>Có</b>	<b>Không</b>	<b>Ghi chú</b>
4.	Các nhóm kiểm kê có được phân công kiểm kê TSCĐ, BĐSĐT mà họ thường chịu trách nhiệm quản lý không?	x		
	Nếu không, nhóm kiểm kê có quen, biết TSCĐ, BĐSĐT không?			
5.	Trong nhóm kiểm kê có người chịu trách nhiệm về xác định tình trạng và tình hình sử dụng không?	x		
6.	Người kiểm đếm có thực hiện công việc một cách có hệ thống và khoa học không?	x		
7.	Nhóm kiểm kê có tiến hành một cách độc lập, không tham khảo ghi chép trên sổ kế toán trong suốt quá trình kiểm đếm không?	x		
	Sau đó, có người nào được phân công để so sánh kết quả kiểm đếm với số liệu trên sổ kế toán và tìm nguyên nhân chênh lệch không?			
8.	Kết quả kiểm kê có được kiểm tra lại hoặc các danh mục TSCĐ, BĐSĐT có được đếm lại bởi một người khác với người kiểm đếm lần đầu hay không?	x		
	Những người đếm lại có thực hiện độc lập, không tham khảo kết quả của người kiểm đếm đầu tiên không?	x		
9.	Những người đếm lại có thực hiện độc lập, không tham khảo kết quả của người kiểm đếm đầu tiên không?	x		
10	Các thẻ/phiếu kiểm kê đã đánh số có được sử dụng và ghi chú đầy đủ thông tin để có thể đối chiếu với Tờ tổng hợp kết quả kiểm kê cuối cùng (sổ kế toán) không? (nếu thẻ/phiếu kiểm kê không được sử dụng, hãy mô tả lại biện pháp đã dùng, bao gồm cả thủ tục đã sử dụng để đảm bảo tất cả loại hàng tồn kho đều đã được kiểm đếm)	x		



11	Số lượng cuối cùng thể hiện trong Tờ tổng hợp kết quả kiểm kê cuối cùng có phải là số được đếm và ghi chép thực tế không? (Nếu không, giải thích rõ những thay đổi do việc nhập, xuất hàng sau đó,...)	x		
12	Hoạt động sản xuất có tạm dừng trong thời gian thực hiện kiểm kê không? (Nếu không, hãy mô tả cách thức đã sử dụng để kiểm soát sự di chuyển của TSCĐ chuyển động như các phương tiện vận chuyển.)	x		

**Nhận xét:** Đơn vị thực hiện kiểm kê rõ ràng khoa học, có lập biên bản kiểm kê đầy đủ. Kết quả kiểm kê chính xác phù hợp

**Kết luận: Đạt được mục tiêu kiểm toán**

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BẢNG TỔNG HỢP KIỂM KÊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH  
VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2021**

Thực hiện Quyết định số 154 /QĐ/ ngày 31/12/2021 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần và thông báo số 300/ D-TB về việc phân công các nhóm kiểm kê cuối năm để phục vụ quyết toán năm 2021.

Hôm nay, ngày 20/04/2021, Tổ kiểm kê Tài sản cố định và Công cụ dụng cụ gồm:

Bà : Nguyễn Thu Hà – Phụ trách.

Ông : Nguyễn Anh Quang – Tổ viên

Bà : Mai Thị Thu Hương – Tổ viên.

Đã tiến hành kiểm kê TSCĐ, CCDC đến ngày 31/12/2021 cụ thể như sau:

**I. CÔNG CỤ DỤNG CỤ.**

STT	Phòng ban quản lý	Số lượng	Tình trạng	
			Tốt	Hư hỏng
1	Ban Tổng Giám đốc	34	X	
2	Phòng Tổ chức-Hành chính-Tổng Hợp	34	X	
3	Phòng Kế toán – Tài vụ	24	X	
4	Phòng Sản xuất	16	X	
5	Phòng Kinh doanh	37	X	
6	Ban biên tập 1	17	X	
7	Ban biên tập 2	18	X	
8	Ban ngoại ngữ	8	X	
9	Ban Nội dung số	50	X	
10	Phòng Truyền thông	7	X	
11	Phòng Thư kí biên tập	9	X	
12	Phòng thiết kế Mĩ thuật	41	X	
13	Phòng kho vận	37	X	
14	Phòng Kinh doanh Cửa hàng	65	X	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>397</b>	<b>X</b>	

(Có bảng kê chi tiết kèm theo)

II. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH.

Danh mục	ĐVT	Số liệu sổ sách		Số liệu thực tế		Chênh lệch	
		Số lượng	Thành tiền (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)	Thiếu	Thừa
Phương tiện vận tải và truyền dẫn	Chiếc	09	9.668.804.827	09	9.668.804.827	0	0
Thiết bị dụng cụ quản lý	Cái	15	2.572.184.016	15	2.572.184.016	0	0
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>24</b>	<b>12.240.988.843</b>	<b>24</b>	<b>12.240.988.843</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

(Có bảng kê chi tiết kèm theo)

CHỦ TỊCH  
HỘI ĐỒNG KIỂM KÊ



Thành Anh

TỔ TRƯỞNG  
TỔ KIỂM KÊ

Nguyễn Thu Hà

CÁC THÀNH VIÊN  
TỔ KIỂM KÊ


Mai Thị Thu Hương

Nguyễn Anh Quang

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM  
CÔNG TY CP

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH ĐẾN NGÀY 31/12/2021

BAN NỘI DUNG SỐ

STT	Tên Tài sản cố định	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Mã số	Số liệu trên sổ sách				Số lượng kiểm kê thực tế	Chính lệch SL		Kí nhận
					Số lượng	Nguyên giá TSCĐ	G.trị đã hao mòn	Giá trị còn lại		Thừa	Thiếu	
1	Máy chủ IBM X3400-16A	Đông Nam Á	2007	015.07	1	43,083,600	43,083,600	0	1			
2	Máy chủ IBM X3650M3 7945-D2A	Việt Nam	2012	039.12	1	78,820,000	78,820,000	0	1			
3	Máy tính chủ HPEDL380G10-1		2018	053.18	1	286,500,000	286,500,000	0	1			
4	Máy tính chủ HPEDL380G10-2		2018	054.18	1	286,500,000	286,500,000	0	1			
TỔNG CỘNG					4	694,903,600	694,903,600	0	4			

ĐẠI DIỆN BAN KIỂM KÊ



NGƯỜI THỰC HIỆN KIỂM KÊ



Nguyễn Anh Quang

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGƯỜI LẬP BẢNG



Mai Thị Thu Hương

Scanned with CamScanner

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM  
CÔNG TY CP

## BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH ĐẾN NGÀY 31/12/2021

### PHÒNG THIẾT KẾ MỸ THUẬT

STT	Tên Tài sản cố định	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Mã số	Số liệu trên sổ sách				Số lượng kiểm kê thực tế	Chênh lệch SL		Kí nhận
					Số lượng	Nguyên giá TSCĐ	G.trị đã hao mòn	Giá trị còn lại		Thừa	Thiếu	
1	Máy in HP 4015N	Nhật	2010	032.1	1	30,000,000	30,000,000	0	1			}
2	Máy ảnh Canon		2019	055.19	1	77,330,000	77,330,000	0	1			
TỔNG CỘNG					2	107,330,000	107,330,000	-	02	0	0	0

ĐẠI DIỆN BAN KIỂM KÊ

NGƯỜI THỰC HIỆN KIỂM KÊ

Nguyễn Anh Quang

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGƯỜI LẬP BẢNG

Mai Thị Thu Hương

Scanned with CamScanner

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH ĐẾN NGÀY 31/12/2021

PHÒNG KHO VẠN

STT	Tên Tài sản cố định	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Mã số	Số liệu trên sổ sách				Số lượng kiểm kê thực tế	Chênh lệch SL		Kí nhận
					Số lượng	Nguyên giá TSCĐ	G.trị đã hao mòn	Giá trị còn lại		Thừa	Thiếu	
1	Xe quệp giấy Nisan YL02M25	Nhật	2009	026.09	1	242,857,143	242,857,143	0	01			
2	Máy Photo RICOH - 03		2017	051.17	1	35,340,000	35,340,000	0	01			
3	Xe ô tô tải hiệu Isuzu		2016	050.16	1	354,545,455	354,545,455	0	01			
4	Xe ô tô Ford Transit		2016	049.16	1	726,363,636	726,363,636	0	01			
TỔNG CỘNG					4	1,359,106,234	1,359,106,234	0	04			

ĐẠI DIỆN BAN KIỂM KÊ



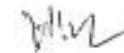
NGƯỜI THỰC HIỆN KIỂM KÊ



Nguyễn Anh Quang

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGƯỜI LẬP BẢNG



Mai Thị Thu Hương

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM  
CÔNG TY CP

**BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ĐẾN NGÀY 31/12/2021**

PHÒNG TỔ CHỨC - HÀNH CHÍNH - TỔNG HỢP

STT	Tên Tài sản cố định	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Mã số	Số liệu trên sổ sách				Số lượng kiểm kê thực tế	Chênh lệch SL		Kí nhận
					Số lượng	Nguyên giá TSCĐ	G.trị đã hao mòn	Giá trị còn lại		Thừa	Thiếu	
1	Máy Photocopy RICOH MP 4054 - 01		2015	043.15	1	93,727,273	93,727,273	0	1			<i>slab</i>
2	Máy Photocopy RICOH MP 4054 - 02		2016	048.16	1	93,727,273	93,727,273	0	1			
3	Xe ô tô Toyota Fortuner 646.70	Nhật	2016	047.16	1	1,187,006,309	1,187,006,309	0	1			
4	Xe ô tô Mercedes Benz E200	Đức	2015	044.15	1	1,968,000,000	1,968,000,000	0	1			
5	Xe ô tô Mercedes Benz E250 649.41	Đức	2016	046.16	1	2,413,412,700	2,413,412,700	0	1			
6	Xe ô tô Mercedes Benz E250 990.51	Đức	2017	052.17	1	1,666,557,636	1,666,557,636	0	1			
7	Máy chiếu Sony VPL-EX271	Việt Nam	2013	040.13	1	31,490,000	31,490,000	0	1			
8	Xe ô tô Toyota Fortuner 30H - 159.63	Thái	2021	056.20	1	1,123,186,818	46,799,451	1,076,387,367	1			
9	Xe ô tô Toyota Fortuner 30H - 159.95	Thái	2021	057.21	1	1,123,186,818	46,799,451	1,076,387,367	1			
10	Hệ thống điều hòa nhà ăn		2021	058.22	1	121,782,000	10,148,500	111,633,500	1			
11	Máy Photo RICOH - 03		2021	059.23	1	113,938,182	9,494,849	104,443,334	1			
12	Điều hòa Daikin âm trần tầng 5		2021		3	143,634,000	3,989,833	139,644,167	3			
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>14</b>	<b>10,079,649,009</b>	<b>7,571,153,274</b>	<b>2,508,495,735</b>	<b>14</b>			

ĐẠI DIỆN BAN KIỂM KÊ

*slab*

NGƯỜI THỰC HIỆN KIỂM KÊ

*Nguyễn Anh Quang*

Nguyễn Anh Quang

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGƯỜI LẬP BẢNG

*Mai Thị Thu Hương*

Mai Thị Thu Hương

## Phụ lục 6 : Rà soát các yếu tố ảnh hưởng đến tính độc lập và biện pháp bảo vệ tính độc lập của thành viên nhóm kiểm toán



AASC Auditing Firm  
Member of HLB International

**4.05.1**

<b>Khách hàng:</b> Công ty Cổ phần ABC	<b>Thực hiện:</b> NTRM <b>Updated by:</b> NTRM <b>Updated by:</b> NTRM	<b>Ngày:</b> 10/01/2022 <b>Ngày:</b> <b>Ngày:</b>
<b>Kỳ kế toán:</b> 31/12/2021	<b>Soát xét:</b> HTN, ĐND <b>Updated by:</b> HTN, ĐND <b>Updated by:</b> HTN, ĐND	<b>Ngày:</b> 10/01/2022 <b>Ngày:</b> <b>Ngày:</b>
<b>Công việc:</b> Rà soát các yếu tố ảnh hưởng đến tính độc lập và biện pháp bảo vệ tính độc lập của thành viên nhóm kiểm toán		

### Mục tiêu:

Nhằm hỗ trợ nhóm kiểm toán phát hiện các tình huống và mối quan hệ có thể làm phát sinh nguy cơ không tuân thủ các nguyên tắc đạo đức cơ bản và các yêu cầu về tính độc lập của AASC, thành viên nhóm kiểm toán và đưa ra các biện pháp bảo vệ để loại trừ hoặc làm giảm nguy cơ (nếu có) đến mức chấp nhận được.

Bảng câu hỏi này được xây dựng dựa trên Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán (ban hành theo Thông tư 70/2015/TT-BTC ngày 8/5/2015 của Bộ Tài chính (“Chuẩn mực đạo đức”) và cần được chuẩn bị hàng năm cho tất cả các khách hàng (“KH”) sử dụng dịch vụ đảm bảo.

### Nội dung rà soát:

Nội dung câu hỏi	Có (*)	Không	Không áp dụng	Ghi chú
<b>1. Phụ thuộc vào khách hàng kiểm toán</b>				
a. Tổng mức phí dịch vụ từ khách hàng kiểm toán và các đơn vị có liên quan của khách hàng, nếu có, có chiếm một phần lớn (chiếm quá 15%) trong tổng doanh thu của AASC không ?		X		
b. Phí dịch vụ từ KH kiểm toán này có chiếm một phần lớn trong tổng doanh thu từ các KH của một thành viên BGD hoặc chiếm một phần lớn trong tổng doanh thu của một chi nhánh của AASC không?		X		
c. AASC có cung cấp dịch vụ nào cho KH này trên cơ sở có thỏa thuận về phí tiềm tàng hay không?		X		
<b>2. Vay nợ từ KH hoặc cho KH vay nợ; các khoản bảo lãnh; nợ quá hạn</b>				
a. AASC hoặc doanh nghiệp khác cùng mạng lưới hoặc thành viên nhóm kiểm toán có khoản vay từ KH hoặc bảo lãnh cho KH này hoặc các khoản vay từ KH hoặc được KH này bảo lãnh không?		X		
b. Có khoản phí chưa thanh toán nào bị quá hạn của KH kiểm toán này không?		X		
<b>3. Quà tặng và ưu đãi</b>				
AASC hoặc thành viên nhóm kiểm toán có chấp nhận bất kỳ hàng hóa hay dịch vụ nào có giá trị đáng kể trên cơ sở ưu đãi từ KH hay nhận các khoản đãi ngộ hơn mức thông thường từ KH kiểm toán không?		X		
<b>4. Tranh chấp hoặc nguy cơ xảy ra tranh chấp pháp lý</b>				



<b>Nội dung câu hỏi</b>	<b>Có (*)</b>	<b>Không</b>	<b>Không áp dụng</b>	<b>Ghi chú</b>
Có đang xảy ra hoặc có khả năng xảy ra kiện tụng, tranh chấp (liên quan đến phí kiểm toán, công việc kiểm toán hay các công việc khác) giữa AASC hoặc một thành viên nhóm kiểm toán với KH kiểm toán không?		X		
<b>5. Mọi quan hệ cá nhân hoặc gia đình (**)</b>				
Có thành viên nhóm kiểm toán nào có mối quan hệ cá nhân hoặc gia đình với nhân sự của KH kiểm toán (Giám đốc, nhân sự cấp cao của KH hoặc nhân viên của KH nắm giữ vị trí có ảnh hưởng đối với việc ghi sổ, lập BCTC hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc lưu chuyển tiền tệ của KH) hay không?		X		
<b>6. Làm việc cho KH kiểm toán (**)</b>				
a. Có bất kỳ nhân sự cấp cao hoặc nhân viên nắm giữ vị trí có ảnh hưởng đáng kể đối với việc ghi sổ kế toán và lập BCTC của KH kiểm toán đã từng là thành viên BGD hoặc nhân sự cấp cao của AASC hoặc thành viên nhóm kiểm toán trước đây không?		X		
b. Có thành viên nhóm kiểm toán hoặc thành viên BGD hoặc nhân sự cấp cao nào của AASC đã nhận được lời mời làm việc cho KH kiểm toán hoặc đang trong quá trình thương thảo để chuyển sang làm việc cho KH kiểm toán hay không?		X		
<b>7. Các mối quan hệ kinh doanh (**)</b>				
AASC hoặc thành viên nhóm kiểm toán có mối quan hệ kinh doanh mật thiết với KH kiểm toán hoặc với nhân sự cấp cao của KH kiểm toán không?		X		
<b>8. Lợi ích tài chính</b>				
AASC hoặc thành viên nhóm kiểm toán :				
a. Có khoản lợi ích tài chính về cổ phần hoặc các khoản đầu tư khác trong KH kiểm toán không ?		X		
b. Có khoản lợi ích tài chính liên quan đến quỹ đầu tư không ?		X		
c. Được ủy thác đầu tư vào KH kiểm toán hoặc được ủy thác nắm giữ cổ phần của KH kiểm toán không?		X		
d. Có khoản đầu tư trong đơn vị có quyền kiểm soát đối với KH kiểm toán hoặc trong đơn vị mà KH kiểm toán hoặc nhân sự cấp cao của KH kiểm toán cũng có lợi ích trong đơn vị đó không (lợi ích này là trọng yếu với KH kiểm toán hoặc AASC hoặc thành viên nhóm kiểm toán)?		X		
<b>9. Tổ chức có liên quan</b>				
AASC hoặc nhân viên AASC có liên quan tới các hoạt động hoặc tổ chức đang có quan hệ làm việc với KH kiểm toán không ?		X		
<b>10. AASC hoặc doanh nghiệp khác cùng mạng lưới có cung cấp các dịch vụ phi đảm bảo cho KH kiểm toán không?</b>				
a. AASC hoặc doanh nghiệp khác cùng mạng lưới có đang thực hiện dịch vụ quản lý cho KH kiểm toán không ?		X		
b. AASC có đang cung cấp dịch vụ kế toán như ghi sổ kế toán, lập BCTC, lập bảng lương, v.v cho KH kiểm toán không ?		X		
c. AASC hoặc doanh nghiệp khác cùng mạng lưới có cung cấp dịch vụ định giá cho KH kiểm toán không ?		X		

<b>Nội dung câu hỏi</b>	<b>Có (*)</b>	<b>Không</b>	<b>Không áp dụng</b>	<b>Ghi chú</b>
d. AASC hoặc doanh nghiệp khác cùng mạng lưới có đang giữ vai trò bảo chữa cho khách hàng trong một tranh chấp hay là trong việc giải trình cho cơ quan thuế hay không?		X		
e. AASC hoặc doanh nghiệp khác cùng mạng lưới có liên quan tới việc thiết kế, cung cấp, hoặc triển khai hệ thống IT cho KH kiểm toán không ?		X		
f. AASC hoặc doanh nghiệp khác cùng mạng lưới có đang cung cấp dịch vụ tư vấn thuế, hoặc thực hiện rà soát việc tuân thủ các nghĩa vụ thuế cho KH không ?		X		
g. AASC có cung cấp các dịch vụ khác cho KH mà có thể ảnh hưởng tới tính độc lập của AASC không (như tư vấn về luật, hỗ trợ kiện tụng, tranh chấp, dịch vụ tuyển dụng, tài chính doanh nghiệp,...)?		X		
<b>11. Cung cấp dịch vụ kiểm toán cho KH kiểm toán trong nhiều năm</b>				
Thành viên BGD phụ trách tổng thể cuộc kiểm toán, KTV hành nghề và các thành viên chủ chốt của cuộc kiểm toán đã cung cấp dịch vụ kiểm toán cho KH kiểm toán trong nhiều năm hay không ?		X		
<b>12. Cử nhân viên đến làm việc tạm thời cho KH kiểm toán</b>				
AASC có cử nhân viên chuyên nghiệp đến làm việc tạm thời cho KH kiểm toán không?		X		
<b>13. Các dịch vụ gắn đây cung cấp cho KH kiểm toán</b>				
Trước hoặc trong giai đoạn thuộc kỳ kế toán được kiểm toán, có thành viên nhóm kiểm toán đã từng là Giám đốc, nhân sự cấp cao của KH kiểm toán, hoặc từng là nhân viên nắm giữ vị trí có ảnh hưởng đáng kể đối với việc ghi sổ kế toán và lập BCTC mà AASC sẽ đưa ra ý kiến kiểm toán không?		X		
<b>14. Làm việc với vai trò là Giám đốc, nhân sự cấp cao của KH kiểm toán</b>				
Có thành viên BGD hoặc nhân viên chuyên nghiệp của AASC đang làm việc với vai trò là Giám đốc, nhân sự cấp cao của KH kiểm toán hoặc vị trí có mối quan hệ chặt chẽ với KH kiểm toán không?		X		
<b>15. Chính sách đánh giá và thưởng</b>				
AASC có đánh giá hoặc thưởng cho thành viên có vai trò chủ chốt trong cuộc kiểm toán dựa vào thành công của người đó trong việc ký kết hợp đồng dịch vụ phi đảm bảo cho KH kiểm toán không?		X		
<b>16. Nguồn lực đầy đủ</b>				
a. Có dấu hiệu nào cho thấy nhóm kiểm toán không đủ năng lực hoặc không có đủ thời gian và nguồn lực để thực hiện cuộc kiểm toán không?		X		
b. Có dấu hiệu nào cho thấy AASC hoặc nhóm kiểm toán sẽ không thể tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp không ?		X		
<b>17. Thực hiện cuộc kiểm toán đúng đắn</b>				
a. Có khía cạnh nào từ KH hoặc các nhân tố khác có thể ảnh hưởng tiêu cực tới khả năng thực hiện cuộc kiểm toán một cách đúng đắn của AASC không ?		X		

<b>Nội dung câu hỏi</b>	<b>Có (*)</b>	<b>Không</b>	<b>Không áp dụng</b>	<b>Ghi chú</b>
b. Có phát sinh vấn đề gì liên quan tới tính chính trực của chủ sở hữu, nhân sự cấp cao hoặc Ban quản trị của KH kiểm toán không ?		X		

**(\*) Biện pháp bảo vệ**

Với bất kỳ câu trả lời "có" ở trên, nhóm kiểm toán cần chỉ ra biện pháp bảo vệ thích hợp để duy trì tính độc lập và đảm bảo có đủ các nguồn lực cho cuộc kiểm toán và đảm bảo khả năng thực hiện cuộc kiểm toán một cách đúng đắn.

**Kết luận**

Sau khi thực hiện các biện pháp bảo vệ ở trên, tôi tin tưởng rằng các thủ tục thích hợp về chấp nhận, duy trì quan hệ khách hàng và HĐKiT đã được tuân thủ và việc đưa ra kết luận này là hợp lý và đã được ghi chép đầy đủ. Để đưa ra kết luận này, tôi xác nhận là tôi đã:

Thu thập tất cả thông tin liên quan từ DNKiT (và từ các doanh nghiệp khác cùng mạng lưới, nếu cần) để xác định và đánh giá các tình huống và mối quan hệ có thể tạo ra nguy cơ đe dọa tính độc lập; Đánh giá thông tin về các vi phạm đã được phát hiện (nếu có) theo chính sách và thủ tục của DNKiT để xác định liệu các vi phạm có tạo ra nguy cơ đe dọa tính độc lập đối với cuộc kiểm toán này hay không;

Đưa ra các hành động thích hợp để loại bỏ các nguy cơ hoặc làm giảm các nguy cơ tới mức chấp nhận được bằng cách áp dụng các biện pháp bảo vệ; và


Đã ghi chép kết luận về tính độc lập cũng như các cuộc thảo luận liên quan trong DNKiT để làm cơ sở cho quan điểm này.

**Partner: Đỗ Thị Ngọc Dung**

**Ngày :**

**Ý kiến tư vấn (được thực hiện trong trường hợp nhóm kiểm toán cần tham khảo ý kiến tư vấn)**  
Không phát sinh vấn đề cần tư vấn.

## Phụ lục 7: Mức trọng yếu- Giai đoạn kết thúc của kiểm toán

		<b>AASC Auditing Firm Company Limited.</b> Member of HLB International		4.04.1.2	
Khách hàng: Công ty Cổ phần ABC		Người thực hiện: BXH		Ngày: 10/01/2022	
Kỳ kế toán: Năm 2021		Người soát xét: HTN		Ngày: 10/01/2022	
Phản hành	Xác định mức trọng yếu cho BCTC riêng/tổng hợp				
Bước công việc	Mức trọng yếu - Giai đoạn kết thúc của kiểm toán				
Mức trọng yếu được lập trong giai đoạn kết thúc cuộc kiểm toán dựa trên mức trọng yếu đã xác định ở giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán và kết quả thực hiện kiểm toán. Kiểm toán viên phải dựa trên các xét đoán chuyên môn để xem xét lại mức trọng yếu trong quá trình thực hiện kiểm toán và giai đoạn kết thúc kiểm toán để đưa ra các thủ tục kiểm toán phù hợp và đầy đủ.					
Diễn giải	Ký hiệu	Tỷ lệ sử dụng để ước tính	Số liệu BCTC sau kiểm toán	Số liệu BCTC đã công bố	
			Kỳ này VND	Kỳ trước VND	
<b>Tổng nguồn vốn chủ sở hữu</b>			310.342.001.347	289.189.319.409	
	A	1,0%	3.103.420.013	2.891.893.194	
	B	2,0%	6.206.840.027	5.783.786.388	
<b>Tổng tài sản</b>			551.980.096.960	521.951.937.042	
	C	0,5%	2.759.900.485	2.609.759.685	
	D	1,0%	5.519.800.970	5.219.519.370	
<b>Doanh thu</b>			752.505.282.043	665.141.597.723	
	E	0,5%	3.762.526.410	3.325.707.989	
	F	1,0%	7.525.052.820	6.651.415.977	
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>			61.866.849.960	50.872.837.556	
	G	5,0%	3.093.342.498	2.543.641.878	
	H	10,0%	6.186.684.996	5.087.283.756	
<b>Mức trọng yếu tổng thể - Giai đoạn kết thúc kiểm toán</b>	<b>I</b>		6.186.684.996	5.087.283.756	
<b>Xác định theo tiêu chí:</b>	<b>H</b>		Lợi nhuận trước thuế		
Lý do lựa chọn tiêu chí để xác định mức trọng yếu tổng thể: Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế phản ánh rõ nhất kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và mối quan tâm của các cổ đông, nhà đầu tư và các đối tượng sử dụng BCTC của Công ty.					
Lựa chọn tỷ lệ % để xác định mức trọng yếu thực hiện là: <b>J</b> <b>75%</b>					
Lý do lựa chọn tỷ lệ % để xác định mức trọng yếu thực hiện: Dựa trên kết quả kiểm toán nhiều năm, sai sót phát hiện cũng như đánh giá HTKSNB, KTV đánh giá RRKT mức trung bình.					
(Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rủi ro kiểm toán là <b>Cao</b> thì tỷ lệ % để xác định mức trọng yếu thực hiện là từ: 40% đến 55%</li> <li>- Rủi ro kiểm toán là <b>Trung bình</b> thì tỷ lệ % để xác định mức trọng yếu thực hiện là từ 55% đến 75%</li> <li>- Rủi ro kiểm toán là <b>Thấp</b> thì tỷ lệ % để xác định mức trọng yếu thực hiện là từ 75% đến 90%</li> </ul>					
Mức trọng yếu thực hiện	K	(K) = I x tỷ lệ %	4.640.013.747	3.815.462.817	
Ngưỡng sai sót có thể bỏ qua	L	(L) = J x 4%	185.600.550	152.618.513	
Lý do phải điều chỉnh mức trọng yếu trong giai đoạn Kết thúc kiểm toán: Do các bút toán điều					

## Phụ lục 8: Tổng hợp kết quả kiểm toán BCTC



AASC Auditing Firm  
Member of HLB International

3.02

<b>Khách hàng:</b>	<b>Công ty Cổ phần ABC</b>	<b>Người thực hiện:</b> BTX.	<b>Ngày</b> 12/01/2021
<b>Kỳ kế toán</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Người soát xét:</b> NTM	<b>Ngày</b> 12/01/2021
<b>Công việc thực hiện</b>	<b>Tổng hợp kết quả kiểm toán BCTC</b>	<b>Người soát xét</b> HTN	<b>Ngày:</b>

TT	Các vấn đề	Ảnh hưởng của vấn đề đến BCTC và đề xuất xử lý của KTV	Soát xét của lãnh đạo phòng	Soát xét của phòng Kiểm soát chất lượng	Soát xét và kết luận của Ban Tổng Giám đốc
<b>1</b>	<b>Tổng hợp các vấn đề phát sinh từ các năm trước có ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC năm nay</b>				
1.1	Tổng hợp những vấn đề đã nêu trên các BCKiT về BCTC các năm trước có ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC kỳ này				
	<i>Báo cáo tài chính năm 2020 được AASC kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần</i>	<i>Không ảnh hưởng đến BCTC năm nay</i>			
1.2	Tổng hợp những vấn đề khác chưa được đề cập đến trong BCKiT về BCTC năm trước nhưng có ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC năm nay				
	<i>Không tồn tại các vấn đề khác chưa được đề cập trong các BCKiT về BCTC năm trước</i>	<i>Không ảnh hưởng đến BCTC năm nay</i>			
<b>2</b>	<b>Tổng hợp các sai sót phát hiện trong quá trình kiểm toán có ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC năm nay</b>				
2.1	<b>Các khiếm khuyết của hệ thống kiểm soát nội bộ ở cấp độ toàn bộ DN</b>				
	Các khiếm khuyết của môi trường kiểm soát				
	<i>Không tồn tại các khiếm khuyết trọng yếu ảnh hưởng đến BCTC năm nay của DN</i>				
	Các khiếm khuyết trong quy trình đánh giá rủi ro của đơn vị				
	<i>Không tồn tại các khiếm khuyết trọng yếu ảnh hưởng đến BCTC năm nay của DN</i>				
	Các khiếm khuyết của hệ thống thông tin liên quan đến việc lập và trình bày BCTC				
	<i>Không tồn tại các khiếm khuyết trọng yếu ảnh hưởng đến BCTC năm nay của DN</i>				
	Các khiếm khuyết trong các hoạt động kiểm soát của đơn vị				

	<i>Không tồn tại các khiếm khuyết trọng yếu ảnh hưởng đến BCTC năm nay của DN</i>				
	Các khiếm khuyết trong cơ chế giám sát các kiểm soát				
	<i>Không tồn tại các khiếm khuyết trọng yếu ảnh hưởng đến BCTC năm nay của DN</i>				
<b>2.2</b>	<b><i>Các sai sót, tồn tại trong việc tuân thủ pháp luật</i></b>				
	Không phát hiện các dấu hiệu không tuân thủ pháp luật.				
<b>2.3</b>	<b><i>Các sai sót trọng yếu liên quan đến các khoản mục tài sản (tổng hợp lên từ phần A)</i></b>				
	<p>Công ty thành lập hội đồng đánh giá và trích lập dự phòng 100% đối với khoản phải thu dự án kho Đông Anh tại thời điểm 31/12/2021.</p> <p><b>Tình hình chuyển nhượng của dự án như sau:</b>          Trong năm 2018, dự án đã thống nhất được phương án chuyển nhượng và tìm đối tác chuyển nhượng. Tuy nhiên, đến tháng 3/2019, đối tác chuyển nhượng là Công ty Minh Hợp đã rút lui, không thực hiện mua dự án nữa. Công tác tìm đối tác chuyển nhượng vẫn tiếp tục được thực hiện.          Tháng 5/2019, dự án một lần nữa được Công ty Mizen quan tâm và thực hiện hợp tác đầu tư với chủ đầu tư là Công ty CP In SGK tại thành phố Hà Nội, 3 đơn vị đầu tư vào dự án (bao gồm cả Công ty) đã có công văn yêu cầu rút vốn (công văn yêu cầu rút vốn của 3 đơn vị đầu tư vào dự án chỉ là hình thức pháp lý để In SGK ký hợp đồng hợp tác với Mizen)</p> <p>Tháng 01/2020, do các khó khăn trong quá trình triển khai dự án, Mizen đã gửi Công văn tới Chủ đầu tư (CTCP In SGK tại Hà Nội) xin rút khỏi dự án. Ngày 20/02/2020, CTCP In SGK tại Hà Nội và Mizen đã ký Biên bản hủy bỏ hợp đồng hợp tác đầu tư do các khó khăn gặp phải trong quá trình thực hiện.</p> <p>&gt;&gt; Dựa vào tình hình thực tế của dự án: Giấy chứng nhận đầu tư của dự án được UBND TP. Hà Nội cấp năm 2013 đã hết hạn vào năm 2016. Thực trạng của dự án chỉ là bãi đất trống, đã bỏ hoang nhiều năm (mới chỉ thực hiện xây tường rào bao quanh dự án, chưa xây dựng thêm bất cứ công trình nào trên đất). Để chuyển nhượng được dự án, đầu tiên phải xin gia hạn được giấy phép đầu tư, công việc gia hạn được đánh giá là rất tốn kém và mất nhiều thời gian. Sau đó, xây dựng được cơ sở hạ tầng trên đất để chuyển nhượng lại phần tài sản trên đất của dự án. Tại thời điểm 31/12/2021 chưa có bằng chứng nào thể hiện chủ trương này sẽ thực hiện thành công.</p> <p>Vì vậy, Công ty đã thành lập hội đồng đánh giá về tình hình thu hồi công nợ là rất khó khăn (do giấy chứng nhận đầu tư quy định rõ không được phép chuyển nhượng dự án) và trích lập dự phòng 100% đối với số dư tại 31/12/2021.</p>	KTV đánh giá đơn vị thực hiện trích lập dự phòng hoàn toàn phù hợp với thực trạng hiện tại của dự án			

2.4	<b>Các sai sót trọng yếu liên quan đến chu trình mua hàng và thanh toán (tổng hợp lên từ phần B)</b>					
	Không phát sinh sai sót trọng yếu ảnh hưởng tới BCTC					
2.5	<b>Các sai sót trọng yếu liên quan đến chu trình hàng tồn kho (tổng hợp lên từ phần C)</b>					
	Không phát sinh sai sót trọng yếu ảnh hưởng tới BCTC					
2.6	<b>Các sai sót trọng yếu liên quan đến chu trình tài sản cố định, đầu tư XDCB (tổng hợp lên từ phần D)</b>					
	Không phát sinh sai sót trọng yếu ảnh hưởng tới BCTC					
2.7	<b>Các sai sót trọng yếu liên quan đến các khoản phải trả (tổng hợp lên từ phần E)</b>					
	Không phát sinh sai sót trọng yếu ảnh hưởng tới BCTC					
2.8	<b>Các sai sót trọng yếu liên quan đến chu trình doanh thu, phải thu (tổng hợp lên từ phần F)</b>					
	Không phát sinh sai sót trọng yếu ảnh hưởng tới BCTC					
2.9	<b>Các sai sót trọng yếu liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính (tổng hợp lên từ phần G)</b>					
	Không phát sinh sai sót trọng yếu ảnh hưởng tới BCTC					
2.10	<b>Các sai sót trọng yếu liên quan đến các nguồn vốn (tổng hợp lên từ phần H)</b>					
	Không phát sinh sai sót trọng yếu ảnh hưởng tới BCTC					
2.11	<b>Các sai sót trọng yếu liên quan đến các vấn đề khác (tổng hợp lên từ phần I, K)</b>					
	Không phát sinh sai sót trọng yếu ảnh hưởng tới BCTC					
3	<b>Tổng hợp các vấn đề chưa giải quyết được</b>					
	Không có					
4	<b>Tổng hợp các sai sót không điều chỉnh</b>					
	Xem chi tiết tại 3.03.2					
5	<b>Kết luận chung</b>					
5.1	<b>Báo kiểm toán năm nay</b>					
	Dạng ý kiến	Chấp nhận toàn phần				
5.2	<b>Các vấn đề cần nêu trong thư quản lý</b>					
	Không phát hành thư quản lý					
5.3	<b>Theo dõi KTV ký báo cáo kiểm toán</b>					

Năm 2016	PTGD: Nguyễn Thanh Tùng - KTV: HTN				
Năm 2017	PTGD: Đỗ Thị Ngọc Dung - KTV: HTN				
Năm 2018	PTGD: Đỗ Thị Ngọc Dung - KTV: NTM				
Năm 2019	PTGD: Đỗ Thị Ngọc Dung - KTV: NTM				
Năm 2020	PTGD: Phạm Anh Tuấn - KTV: NTM				
Năm 2021	PTGD: Đỗ Thị Ngọc Dung - KTV: HTN				



## Phụ lục 9: Tổng hợp các sai sót chưa được xử lý



**AASC Auditing Firm**  
Member of HLB International

**3.03.2**

<b>Khách hàng (Client): Công ty Cổ phần ABC</b>	<b>Người thực hiện: BXH</b>	<b>Ngày: 12/01/2022</b>
<b>Kỳ kế toán (Period ended): Năm 2021</b>	<b>Người soát xét: NTrM</b>	<b>Ngày: 12/01/2022</b>
<b>Công việc: Tổng hợp các sai sót chưa được xử lý trên BCTC</b>		

STT	Chi tiết	Đơn vị HTPT phát sinh	Đơn vị HTPT có liên quan	Định khoản		Số tiền				Tham chiếu	
				Nợ	Có	CDKT kỳ này	CDKT kỳ trước	KQKD kỳ này	KQKD kỳ trước		
<b>1.</b>	<b>Các sai sót không lượng hóa được</b>										
<b>2.</b>	<b>Các sai sót lượng hóa được</b>										
2.1	Công ty đang không thực hiện phân bổ chi phí đặt biển quảng cáo thời hạn thuê 9/2021- 5/2022.			242	641	757.575.758			757.575.758		
2.2	Điều chỉnh chi phí ủng hộ hỗ trợ chống dịch covid từ 642 sang 811			811	6421				455.000.000		
2.3	Điều chỉnh chi phí liên quan đến công tác phát hành sách từ TK642 sang TK 641			6411	6421				1.620.587.455		

3	So sánh các sai sót không điều chỉnh với MTY để ra kết luận	Cộng giá trị tuyệt đối kỳ này	Chênh lệch so với MTY thực hiện kỳ trước	Đánh giá		Cộng giá trị tuyệt đối kỳ trước	Chênh lệch so với MTY thực hiện kỳ trước	Đánh giá
	<b>Mức trọng yếu thực hiện</b>	4.640.013.747	0			3.815.462.817		
5	150-TS ngắn hạn khác	757.575.758	-3.882.437.989	KTY			-3.815.462.817	KTY
18	Chi phí	2.833.163.213	-1.806.850.534	KTY			-3.815.462.817	KTY
19	LN trước thuế	2.833.163.213	-1.806.850.534	KTY		0	-3.815.462.817	KTY

Tổng các sai sót kết hợp (theo từng nhóm chỉ tiêu trên BCTC) dưới mức trọng yếu thực hiện nhưng lớn hơn hoặc bằng 85% mức trọng yếu thực hiện (hoặc một tỷ lệ khác mà theo xét đoán của KTV là có rủi ro có SSTY) thì KTV phải xem xét xem có cần thực hiện thêm thủ tục kiểm toán khác nữa không

	<i>Không cộng gộp các giao dịch khác loại, khác bản chất. Các giao dịch cùng loại, cùng bản chất được bù trừ ảnh hưởng tăng, giảm để xét ảnh hưởng thuần đến BCTC riêng</i>	
	<i>Các sai sót không điều chỉnh bao gồm cả các nội dung không định lượng được, lấy bằng toàn bộ giá trị của tổng thể. Ví dụ: ngoại trừ kiểm kê, xác nhận công nợ, ... không thực hiện được hoặc tỷ lệ quá thấp</i>	
	<i>Cột "Đơn vị HTPT phát sinh", "Đơn vị HTPT có liên quan" được sử dụng trong trường hợp có các đơn vị hạch toán phụ thuộc, cần theo dõi riêng. Nếu không có đơn vị hạch toán phụ thuộc cần theo dõi riêng thì ghi "N/A". Đơn vị có liên quan là đơn vị cùng tham gia vào nghiệp vụ kinh tế đó.</i>	
<b>4</b>	<b>Kết luận:</b>	
<b>4.1</b>	<b>Các nội dung trọng yếu (lớn hơn hoặc xấp xỉ MTY) cần nêu ý kiến ngoại trừ [/trái ngược/từ chối]</b>	
	Không phát sinh	
<b>4.3</b>	<b>Các nội dung dưới MTY, không cần đưa ý kiến KTV, trong đó</b>	
a	Các nội dung cần nêu Thư quản lý	
	Không phát sinh	
b	Các nội dung cần theo dõi tiếp cuối năm	
	Không phát sinh	
c	Các nội dung sai sót mang tính đơn lẻ, không hệ thống, không cần tiếp tục theo dõi	
	2.1;2.2;2.3	

## Phụ lục 10: Biểu tổng hợp và những vấn đề phát sinh trong cuộc kiểm toán

				D111
Khách hàng: Công ty Cổ phần ABC	Người thực hiện: V.C.Y.N		Ngày thực hiện: 10/01/2021	
Kỳ kế toán: 31/12/2021	Người soát xét			
Khoản mục: Tài sản cố định				
Thủ tục: Tổng hợp số liệu				
Số dư cuối kỳ				
	Trước kiểm toán	Điều chỉnh	Sau kiểm toán	Số dư đầu kỳ
Giá trị còn lại	2.508.495.708	-	-	268.197.322
- Nguyên giá	12.274.853.843			11.422.736.934
- Giá trị hao mòn lũy kế	9.766.358.135			11.154.539.612

				D112
Khách hàng: Công ty Cổ phần ABC	Người thực hiện: V.C.Y.N		Ngày thực hiện: 10/01/2021	
Kỳ kế toán: 31/12/2021	Người soát xét		Ngày thực hiện:	
Khoản mục: Tài sản cố định				
Thủ tục: Lập biểu tổng hợp				
Work done				
Tài sản cố định hữu hình				
	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng	
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	10.332.353.788	1.090.383.146	11.422.736.934	
- Mua trong kỳ	2.246.373.636	379.354.182	2.625.727.818	
- Thanh lý, nhượng bán	- 1.773.610.909	-	1.773.610.909	
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>10.805.116.515</b>	<b>1.469.737.328</b>	<b>12.274.853.843</b>	
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	10.089.933.135	1.064.606.477	11.154.539.612	
- Khấu hao trong kỳ	336.019.582	49.409.850	385.429.432	
- Thanh lý, nhượng bán	- 1.773.610.909	-	1.773.610.909	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>8.652.341.808</b>	<b>1.114.016.327</b>	<b>9.766.358.135</b>	
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	242.420.653	25.776.669	268.197.322	
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>2.152.774.707</b>	<b>355.721.001</b>	<b>2.508.495.708</b>	

				D12
Khách hàng: Công ty Cổ phần ABC	Người thực hiện: V.C.Y.N		Ngày thực hiện: 10/01/2021	
Kỳ kế toán: 31/12/2021	Người soát xét			
Khoản mục: Tài sản cố định				
Work done	Các vấn đề phát sinh trong cuộc kiểm toán và giải thích/ Notes on issues during the engagement and explanations			
Vấn đề phát sinh / Notes on issues			W/P	Giải thích và đề xuất/ Explanations and suggestions
No.	Content		Ref	
1.	Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 9.571.796.025 VND		D176	

**Phụ lục 11: Bảng cân đối kế toán Công ty ABC****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>402.159.051.252</b>	<b>374.071.189.720</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>194.823.071.691</b>	<b>169.594.598.484</b>
111	1. Tiền		14.823.071.691	17.594.598.484
112	2. Các khoản tương đương tiền		180.000.000.000	152.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>11</b>	<b>27.780.900</b>	<b>10.014.727.500</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		118.776.400	118.776.400
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(90.995.500)	(104.048.900)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	11	-	10.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>73.974.143.326</b>	<b>63.172.753.040</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	66.748.197.034	71.832.406.922
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	20.831.607.347	13.989.459.506
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	8.290.407.909	7.024.192.112
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(21.896.068.964)	(29.673.305.500)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>124.809.049.073</b>	<b>123.115.321.095</b>
141	1. Hàng tồn kho		146.016.329.674	136.494.619.172
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(21.207.280.601)	(13.379.298.077)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>8.525.006.262</b>	<b>8.173.789.601</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	8.308.553.549	8.168.946.601
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	216.452.713	4.843.000

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>149.821.045.708</b>	<b>147.880.747.322</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>381.800.000</b>	<b>381.800.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	381.800.000	381.800.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>2.508.495.708</b>	<b>268.197.322</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	2.508.495.708	268.197.322
222	- Nguyên giá		12.274.853.843	11.422.736.934
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.766.358.135)	(11.154.539.612)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>300.000.000</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	300.000.000
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>146.930.750.000</b>	<b>146.930.750.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		129.662.000.000	129.662.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		14.056.250.000	14.056.250.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.212.500.000	1.212.500.000
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.000.000.000	2.000.000.000
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>551.980.096.960</b>	<b>521.951.937.042</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>241.638.095.613</b>	<b>232.762.617.633</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>241.638.095.613</b>	<b>232.762.617.633</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	63.863.887.900	47.684.298.738
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		122.767.947	227.910.677
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	6.407.458.991	3.175.863.218
314	4. Phải trả người lao động		29.298.174.807	16.454.272.755
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	31.126.934.575	31.990.590.159
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	3.331.153.533	483.657.891
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	98.467.891.953	125.301.821.376
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		9.019.825.907	7.444.202.819
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>310.342.001.347</b>	<b>289.189.319.409</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>17</b>	<b>310.342.001.347</b>	<b>289.189.319.409</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>150.000.000.000</i>	<i>150.000.000.000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.945.655.948	1.945.655.948
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		98.733.454.335	84.096.545.170
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		23.543.313.176	21.240.214.238
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		36.119.577.888	31.906.904.053
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>3.876.192.763</i>	<i>3.876.192.763</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		<i>32.243.385.125</i>	<i>28.030.711.290</i>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>551.980.096.960</b>	<b>521.951.937.042</b>

**Phụ lục 12: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Công ty ABC****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***Năm 2021*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
<b>01</b>	<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>19</b>	<b>787.474.345.003</b>	<b>680.163.574.568</b>
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	34.969.062.960	15.021.976.845
<b>10</b>	<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>752.505.282.043</b>	<b>665.141.597.723</b>
<b>11</b>	<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>21</b>	<b>543.515.563.958</b>	<b>492.256.997.999</b>
<b>20</b>	<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>208.989.718.085</b>	<b>172.884.599.724</b>
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	7.288.337.050	4.667.875.643
22	7. Chi phí tài chính	23	11.085.033.150	10.079.220.691
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>6.660.710.822</i>	<i>7.733.531.174</i>
25	8. Chi phí bán hàng	24	79.687.118.902	68.377.685.937
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	64.548.355.975	48.081.702.157
<b>30</b>	<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>60.957.547.108</b>	<b>51.013.866.582</b>
31	11. Thu nhập khác	26	936.274.430	126.950.895
32	12. Chi phí khác		26.971.578	267.979.921
<b>40</b>	<b>13. Lợi nhuận khác</b>		<b>909.302.852</b>	<b>(141.029.026)</b>
<b>50</b>	<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>61.866.849.960</b>	<b>50.872.837.556</b>
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	15.804.871.208	10.828.964.283
<b>60</b>	<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>46.061.978.752</b>	<b>40.043.873.273</b>